

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ CƯ LỄ
(1947-2015)**

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ CU' LỄ
HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ CU' LỄ
(1947-2015)**

Tháng 3/2021

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Nông Văn Oánh

Bí thư Đảng ủy - Trưởng ban

Nông Văn Đức

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Phó ban

Nông Văn Thùy

Phó Bí thư, Chủ tịch UBND - Phó ban

Nông Văn Vinh

Phó Chủ tịch HĐND - Thành viên

Nông Văn Hoan

Phó Chủ tịch UBND - Thành viên

Nguyễn Thị Lê

Chủ tịch Ủy ban MTTQ - Thành viên

Phạm Thị Thanh

Cán bộ văn hóa - Thành viên

BAN SƯU TẦM TƯ LIỆU

Nông Văn Đức

Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy - Trưởng ban

Nông Văn Thùy

Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Phó ban

Nguyễn Thị Lê

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc - Thành viên

Lâm Thị Lành

Chủ tịch Hội Phụ nữ - Thành viên

Nông Xuân Tùng

Chủ tịch Hội Cựu chiến binh - Thành viên

Nông Văn Luyện

Chủ tịch Hội Nông dân - Thành viên

Hoàng Văn Việt

Bí thư Đoàn Thanh niên - Thành viên

Lâm Ngọc Tá

Chỉ huy trưởng Quân sự - Thành viên

Nông Văn Tấn

Trưởng Công an xã - Thành viên

Lâm Văn Xuân

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Thành viên

Nông Văn Dư

Nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Thành viên

Nguyễn Văn Cầm

Nguyên cán bộ hưu xã - Thành viên

Nông Văn Học

Nguyên cán bộ hưu xã - Thành viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Cố vấn khoa học: PGS.TS Phạm Xuân Mỹ

Thạc sỹ Lịch sử: Đoàn Văn Trường

Thạc sỹ Lịch sử: Trần Thị Lan

Cử nhân Lịch sử: Nguyễn Thị Huyền

LỜI NÓI ĐẦU

Cư Lễ là vùng đất có truyền thống lịch sử, văn hóa lâu đời. Trong suốt hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, nhân dân Cư Lễ luôn nêu cao truyền thống đoàn kết, đùm bọc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống; cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất; kiên cường, anh dũng trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Từ khi có Đảng lãnh đạo, nhân dân Cư Lễ một lòng đi theo Đảng, sẵn sàng hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp trường kỳ, gian khổ, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, nhân dân Cư Lễ đã ra sức xây dựng hậu phương kháng chiến, cùng với nhân dân cả nước làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, đưa miền Bắc tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trải qua 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975), nhân dân Cư Lễ đã nêu cao tinh thần “Vững tay cày, chắc tay súng”, vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu, làm tốt nghĩa vụ với Nhà nước, chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam đến ngày toàn thắng.

Đất nước hòa bình (năm 1975), nhân dân Cư Lễ bắt

tay vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Phát huy truyền thống cách mạng và những lợi thế của địa phương, bằng tinh thần đoàn kết, nhất trí một lòng, Đảng bộ và nhân dân Cư Lễ đã đạt được nhiều thành tích trong xây dựng và phát triển kinh tế, giữ vững ổn định về chính trị - xã hội, xây dựng nền quốc phòng - an ninh vững mạnh.

Từ thực tiễn các phong trào cách mạng địa phương, ngay từ những ngày đầu trong cuộc kháng chiến chống Pháp, vùng đất Cư Lễ đã có nhiều người con ưu tú vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Năm 1952, Chi bộ Đảng xã chính thức được thành lập, đến năm 1977 là Đảng bộ 2 cấp. Trong các thời kỳ cách mạng, Chi bộ, Đảng bộ xã Cư Lễ luôn nêu cao vai trò tiên phong, gương mẫu, xứng đáng là hạt nhân chính trị tại địa phương.

Với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28-8-2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Na Rì về tổ chức nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ cấp cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cư Lễ nhiệm kỳ 2015-2020 đã ra Nghị quyết về việc tổ chức sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn “Lịch sử Đảng bộ xã Cư Lễ (1947-2015)” để ghi lại những chặng đường đấu tranh chống kẻ thù xâm lược đầy gian khổ, hy sinh và xây dựng quê hương với nhiều gian lao, vất vả của nhân dân trong xã.

Cuốn sách ra mắt bạn đọc là cả một quá trình làm việc khẩn trương, nghiêm túc của Ban Chỉ đạo, Ban Sưu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - Biên soạn và sự phối hợp, hướng dẫn của Ban Tuyên giáo Huyện ủy, Ban Thường vụ

Huyện ủy Na Rì cũng như sự nhiệt tình cung cấp thông tin, tư liệu của các đồng chí cán bộ, đảng viên là nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ và toàn thể nhân dân trong xã. Nhân dịp xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cư Lễ trân trọng cảm ơn sự quan tâm của các đồng chí đã giúp đỡ chúng tôi hoàn thành công trình này.

Trong quá trình tổ chức biên soạn, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng do nhiều nguồn tư liệu thành văn bị thất lạc, các nhân chứng lịch sử người còn, người mất nên cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Do vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cư Lễ rất mong nhận được ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã cùng bạn đọc gần xa để lần tái bản sau, cuốn sách sẽ hoàn thiện hơn.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ CƯ LỄ

Bí thư

Nông Văn Oánh

Chương I
CƯ LỄ - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI
VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI VÀ QUÁ TRÌNH
HÌNH THÀNH VÙNG ĐẤT, DÂN CƯ

1. Vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên

Xã Cư Lễ nằm ở phía nam của huyện Na Rì, cách trung tâm thị trấn Yên Lạc theo Quốc lộ 3B khoảng 10km. Xã có vị trí địa lý: Phía bắc giáp xã Lam Sơn, phía đông giáp các xã Kim Lư (Na Rì), Yên Lỗ và Thiện Hòa (Bình Gia, Lạng Sơn), phía nam giáp các xã Hảo Nghĩa, Hữu Thác (Na Rì), phía tây giáp xã Văn Minh (Na Rì).

Cư Lễ có tổng diện tích là 60,17km², trong đó phần lớn là đất rừng, đất trồng cây lâu năm và cây hàng năm. Xã có địa hình tương đối phức tạp, chủ yếu là đồi núi với nhiều núi đá vôi, xen lẫn là thung lũng nhỏ hẹp, bằng phẳng, thuộc cánh cung Ngân Sơn. Độ cao trung bình trên 500m so với mực nước biển. Đặc biệt, xã có ngọn núi đá vôi Phja Ngòam - cao nhất trong huyện Na Rì (1.193m), tạo thành ranh giới tự nhiên với tỉnh Lạng Sơn.

Khí hậu ở Cư Lễ mang đặc trưng của vùng miền núi phía Bắc, chia làm hai mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10, tập trung vào các tháng 6, 7, 8; mùa khô từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm là 21,5°C, tổng số giờ nắng bình quân đạt 1.554,7 giờ/năm; các tháng 7, 8 nhiệt độ cao nhất, có lúc trên 37°C, trong khi tháng 12 và tháng 1 nhiệt độ thấp nhất, có lúc dưới 5°C, nhiều thời điểm có xuất hiện băng giá, sương muối. Lượng mưa bình quân 1.586 mm/năm, độ ẩm trung bình năm đạt 84%.

Nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân Cư Lễ vẫn chủ yếu được lấy từ nước mưa và các con suối như: suối Cư Lễ (bắt nguồn từ thôn Sác Sái), suối Cốc Tặc (thôn Nà Dài). Chất lượng nước nhìn chung tương đối tốt. Tuy nhiên, vào mùa mưa lũ, nước thường đục và không đảm bảo chất lượng cho đời sống sinh hoạt.

Nhìn chung, với vị trí địa lý thuận lợi, tạo điều kiện cho xã đẩy mạnh hoạt động giao lưu kinh tế, buôn bán với các địa phương trong huyện Na Rì; tài nguyên đất đai, khí hậu, nguồn nước về cơ bản phù hợp để địa phương phát triển ngành nông, lâm nghiệp đa dạng với nhiều loại cây trồng, vật nuôi khác nhau.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, điều kiện tự nhiên cũng mang đến cho Cư Lễ những khó khăn nhất định: Quỹ đất để phát triển xây dựng còn hạn chế do địa hình đồi núi chiếm tỷ lệ lớn; địa hình cao, độ dốc lớn dễ dẫn đến tình trạng xói mòn, trượt sạt lở đất, thoái hóa đất nghiêm trọng; thêm vào đó, khi mùa đông đến, tình trạng sương muối, rét đậm, rét hại xuất hiện cũng gây khó khăn cho

hoạt động sản xuất của nhân dân.

2. Quá trình hình thành vùng đất

Cư Lễ là một trong 22 xã, thị trấn của huyện Na Rì, do đó quá trình hình thành vùng đất, con người của địa phương cũng không nằm ngoài dòng chảy lịch sử cả huyện. Vùng đất Cư Lễ (ngày nay) dưới thời Trần (1225-1400) thuộc châu Cảm Hóa, đến thời thuộc Minh (1407-1427) là huyện Cảm Hóa, phủ Thái Nguyên. Tên gọi và địa giới huyện Cảm Hóa¹ từ thời Lê (thế kỷ XV) cho đến triều Nguyễn (thế kỷ XIX) về cơ bản không có gì thay đổi. Sau khi thực dân Pháp áp đặt được nền đô hộ lên toàn cõi Việt Nam, ngày 11-4-1900, toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh Bắc Kạn, gồm các châu: Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi là Na Rì) và Cảm Hóa (sau đổi là Ngân Sơn). Khi mới thành lập, châu Thông Hóa có 4 tổng: Côn Minh, Lương Thượng, Lương Hạ và Yên Hân. Tính đến trước năm 1945, vùng đất Cư Lễ (ngày nay) thuộc tổng Lương Hạ². Thời điểm đó, Cư Lễ có 7 bản gồm: Khau Ngò, Cạm Mjầu, Phja Khao, Pò Pái, Nà Ban, Nà Dài, Khuổi Quân.

Sau khi cả nước giành được chính quyền, đầu năm 1946, để tạo thuận lợi cho công tác quản lý ở các địa phương, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Sắc lệnh số 148/SL xóa bỏ cấp phủ, châu, tổng, thiết lập

1. Cảm Hóa lúc đó bao gồm phần đất của huyện Na Rì, huyện Ngân Sơn và một phần nhỏ phía bắc huyện Bạch Thông ngày nay.

2. Tổng Lương Hạ gồm 5 xã là: Ân Tình, Cư Lễ, Hữu Thác, Kim Lư, Lương Hạ.

trên cả nước 4 cấp quản lý, lần lượt là: Trung ương, tỉnh, huyện, xã. Theo đó, xã Trung Thành (lớn) được thành lập. Đến năm 1952, căn cứ vào tình hình thực tế cách mạng, xét thấy địa bàn của các xã quá lớn, do đó để tạo thuận lợi cho công tác quản lý, thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển, cấp trên ra quyết định tách xã Trung Thành (lớn) ra thành 4 xã: Trung Thành (Cư Lễ), Văn Minh, Lương Thành, Tô Hiệu (Ân Tình). Thời điểm này, xã có 8 thôn gồm: Khau Ngò, Cạm Mjầu, Phja Khao, Nà Dài, Nà Ban, Pò Pái, Sác Sái, Khuổi Quân.

Ngày 12-5-1964, thực hiện Quyết định 150-QĐ/NV của Bộ Nội vụ về việc đổi tên các xã trong tỉnh Bắc Kạn, xã Trung Thành được đổi tên là xã Cư Lễ. Trải qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển, cùng với quá trình phát triển dân số, một số thôn (bản) cũng được thành lập: Thôn Nà Ban tách thành 2 thôn Nà Lặng và Bản Pò; xã có thêm 5 thôn là: Khau An, Kéo Deng, Khau Pần và Pác Phàn. Như vậy, tính đến năm 2015, xã Cư Lễ có tổng cộng 14 thôn.

3. Tình hình dân cư và kinh tế - xã hội

Theo số liệu điều tra dân số năm 2015, toàn xã có tổng cộng 535 hộ với 2.125 nhân khẩu, trong đó người Tày có 983 khẩu (chiếm 46,2%), người Nùng có 592 khẩu, người Dao có 472 khẩu, người Kinh có 74 khẩu và một số dân tộc khác.

Cư Lễ là xã có phần lớn diện tích là núi đá xen lẫn núi đất. Bởi thế, quá trình khai phá đất đai tự nhiên làm nơi tụ cư, phát triển sản xuất, xây dựng quê hương là quá trình lao động, đấu tranh gian khổ, cam go và phức tạp của cộng đồng các dân tộc nơi đây. Bằng bàn tay lao động

và khối óc sáng tạo, người dân Cư Lễ đã biết khai thác thế mạnh về điều kiện tự nhiên, khắc phục khó khăn, cùng chung sức, đồng lòng biến đất hoang thành ruộng đồng xanh tươi.

Với đặc trưng về địa hình, lòng suối dốc và sâu, để trữ nước tưới cho đồng ruộng, nhất là các chân ruộng bậc thang, đồng bào phải làm nương, phai, làm guồng nước... Bên cạnh việc trồng lúa, ngô, đồng bào các dân tộc trong xã còn trồng khoai, sắn, bầu, bí, các loại đỗ, nhất là đỗ xanh để bổ sung lương thực và rau xanh cho các bữa ăn hàng ngày. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển như trâu, bò, ngựa, gà, vịt, ngan, ngỗng...

Xã có Quốc lộ 3B chạy qua địa bàn với chiều dài 4,5km, lại gần với ngã ba Cư Lễ (Quốc lộ 3B giao với Quốc lộ 279 đi Lạng Sơn). Ngoài ra, trong những năm gần đây, nhờ nguồn vốn của Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và sự đóng góp của nhân dân, hệ thống đường liên xã, liên thôn của địa phương đang được bê tông hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và sinh hoạt của nhân dân.

Tỷ lệ hộ sử dụng điện trên địa bàn đạt 98%. An toàn điện và chất lượng điện được nâng lên rõ rệt. Hệ thống thủy lợi của địa phương chủ yếu là các nương phai nhỏ đang được cứng hóa, đáp ứng được phần lớn nhu cầu tưới tiêu nước cho nông nghiệp.

Trạm y tế Cư Lễ được trang bị đầy đủ các trang thiết bị và phòng điều trị, phòng làm việc. Đội ngũ bác sỹ, y sỹ, y tá, cộng tác viên dân số đã làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, thường xuyên quan tâm

đến sức khỏe của các đối tượng thuộc diện chính sách.

Cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành và nhân dân địa phương luôn quan tâm đến sự nghiệp giáo dục và coi đó là quốc sách hàng đầu. Xã đã dành nhiều ngân sách để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường trung học cơ sở, trường tiểu học và trường mầm non. Chất lượng giáo dục toàn diện không ngừng được nâng lên. Tỷ lệ huy động học sinh đến lớp đạt 100%, học sinh lên lớp đạt 99%.

II. GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA, LỊCH SỬ

1. Truyền thống văn hóa

Cộng đồng dân cư ở Cư Lễ (ngày nay) là sự cộng cư của người dân bản địa và những người di cư từ các nơi khác đến, định cư thành dòng họ, thôn bản. Trong đó, người Tày được coi là cư dân bản địa, chiếm số lượng đông nhất. Người Nùng, người Dao và người Kinh đến định cư tại Cư Lễ vào những thời điểm khác nhau. Dù điều kiện kinh tế, nền tảng văn hóa - xã hội khác nhau nhưng tất cả người dân Cư Lễ đều có chung tinh thần lạc quan, cần cù, sáng tạo trong lao động và lòng yêu quê hương, đất nước tha thiết.

Truyền thống văn hóa dân tộc Tày

Người Tày ở Cư Lễ sống ở khắp 14 thôn trong xã. Người Tày có truyền thống làm ruộng nước, từ lâu đời, họ đã biết thâm canh và áp dụng các biện pháp thủy lợi như đào nương, đắp phai, làm cọn lấy nước tưới ruộng. Sản phẩm nông nghiệp có đủ các loại như lúa, ngô, khoai, sắn và các loại rau, củ... Mặt khác, người Tày có nghề thủ công phong phú, đa dạng, nam nữ đều biết đan các đồ

dùng như cốt, bồ, sọt, rổ, nơm, đó... để phục vụ cho cuộc sống hàng ngày. Nghề rèn đã có mặt để làm ra nông cụ như lưỡi cày, cuốc, xẻng, hái, dao...

Từ lâu, người Tày đã cư trú tập trung thành bản, họ thường sinh sống ở ven các thung lũng, triền núi thấp. Mỗi bản có từ 30-40 nóc nhà. Ngôi nhà truyền thống của người Tày là nhà sàn được dựng bằng nhiều loại gỗ quý. Nhà có 4 mái, lợp bằng ngói, tranh. Xung quanh nhà bung ván gỗ hoặc che bằng liếp nứa.

Trang phục truyền thống của người Tày được làm từ vải sợi bông tự dệt, nhuộm chàm đồng nhất trên trang phục nam và nữ, hầu như không có hoa văn trang trí. Nữ có áo dài may cổ cao, cài năm khuy ở cổ và sườn bên phải, quần dài, thắt lưng, khăn. Ngày lễ hội, mặc thêm áo cánh trắng bên trong. Đồ trang sức có vòng cổ, vòng tay, vòng chân và dây xà tích bằng bạc. Nam có quần chân què, đùi rộng, cạp lá tọa, áo ngắn cũng may năm thân, cổ đứng.

Theo phong tục truyền thống, gia đình người Tày là gia đình hạt nhân, chế độ phụ hệ, một vợ một chồng. Thanh niên nam nữ được tự do tìm hiểu trước khi đi đến hôn nhân. Hôn lễ truyền thống được tiến hành qua các nghi thức: Lễ dạm, lễ ăn hỏi, lễ sêu tết, lễ báo ngày cưới, lễ cưới (lễ đón dâu, đưa dâu)...

Người Tày quan niệm, người chết linh hồn tiếp tục sống ở thế giới bên kia. Khi bố mẹ qua đời, người thân trong đình đi gặp thầy để xem giờ, ngày tốt để nhập quan, phong tục của người Tày là sử dụng đội gia lễ theo bản A,B,C đã được thành lập năm 1930. Người con trai đeo

dao suốt những ngày diễn ra tang lễ. Người Tày đi tảo mộ vào ngày 3-3 âm lịch và cúng tổ tiên vào ngày rằm, mồng một, ngày tết.

Hàng năm, cứ vào dịp sau Tết Nguyên đán, ở khắp các bản trong xã lại chờ đón những ngày hội rộn ràng của lễ hội Lồng Tồng (Lồng là xuống, Tồng là đồng) ngoài ra, còn được gọi bằng những tên khác như Lồng Thông, Lùng Tùng hay còn gọi là Oóc Tồng. Hội Lồng Tồng được tổ chức vào ngày mồng 6 tháng Giêng ở thôn Khau Ngò, Pò Pải, Phja Khao, Cạm Mjầu và ngày 17 tháng Giêng ở thôn Nà Ban. Đây là lễ hội mang tính chất nghi lễ nông nghiệp cổ xưa, mở đầu cho một mùa sản xuất mới; trong lễ hội còn có lễ tạ Thần Nông, cầu cho mùa màng bội thu, gia súc phát triển, con người khỏe mạnh, bản làng yên vui, mọi người, mọi nhà ấm no, hạnh phúc... Sau một năm lao động vất vả, lễ hội mở ra mang lại những giờ phút nghỉ ngơi, thanh thản, mọi người có điều kiện gặp gỡ thăm hỏi, chúc tụng nhau; đồng thời cũng là dịp giao lưu tình cảm giữa các cô gái, chàng trai bằng những lời hát Then, Sli, Lượn... Lễ hội Lồng Tồng là một trong những lễ hội truyền thống, nơi bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc nói chung và của tộc người Tày nói riêng, được xem là một bảo tàng sống, truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Người Tày có một kho tàng văn nghệ cổ truyền phong phú, với đủ các thể loại như thơ, ca, truyện cổ tích, truyện cười dân gian, múa nhạc... trong đó nổi bật và đặc sắc nhất là nghệ thuật hát Then. Hát Then là loại hình diễn xướng dân gian tổng hợp gồm: ca, nhạc, múa

và diễn trò. Theo người Tày, Then được hiểu là “Thiên”, chỉ trời. Hầu hết trong các lễ cúng của người Tày đều có hát Then, đây không chỉ đơn thuần là một loại hình âm nhạc hay diễn xướng dân gian mà có sự gắn kết chặt chẽ với tín ngưỡng.

Truyền thống văn hóa dân tộc Kinh

Người Kinh ở Cư Lễ sống chủ yếu ở thôn Kéo Đeng. Với phần lớn dân cư từ tỉnh Thái Bình chuyển lên, dân tộc Kinh ở Cư Lễ đã đem kinh nghiệm, sức lực và trí tuệ quyết tâm chinh phục và xây dựng vùng đất mới. Đồng bào Kinh đã tiên phong trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa giống mới vào đồng ruộng, vì vậy, năng suất lúa ngày càng nâng cao. Bên cạnh cây lúa, đồng bào trồng các loại khoai, đỗ, sắn, ngô... Ngoài ra, chăn nuôi cũng góp phần quan trọng trong kinh tế của người Kinh. Bộ phận kinh doanh buôn bán và dịch vụ phần lớn có người Kinh tham gia.

Nhà cửa người Kinh làm tường đất, lợp cỏ tranh, trước đây thường lợp ván bốn xung quanh; nền sân, công trình phụ được đắp bằng các vật liệu sẵn có như đá vôi. Cũng không ít gia đình làm nhà sàn để ở nhằm thích nghi với điều kiện tự nhiên của vùng núi. Khoảng hai mươi năm trở lại đây, nhiều gia đình người Kinh ở Cư Lễ đã dùng vật liệu đất nung, xi măng, sắt thép để xây dựng nhà ở.

Trang phục của dân tộc Kinh từ xưa đến nay đều rất phong phú và đa dạng, có đủ các loại y phục khăn, áo, váy, quần, mũ nón, giày, dép và trang sức... Xưa kia, đàn ông thường mặc bộ áo cánh nâu, xẻ ngực, cổ tròn, xẻ tà

và có hai túi phía dưới, nữ là áo tứ thân, yếm, quần cũng màu nâu.

Cũng như miền xuôi, người Kinh ở Cư Lễ có tập quán ăn trầu cau, hút thuốc lá, thuốc lả, uống nước chè... Ngoài cơm tẻ, cơm nếp, còn có cháo, xôi. Đồng bào Kinh tiếp nhận các món ăn dân tộc, cung cách tiếp khách, sinh hoạt ăn uống không cầu kỳ, cốt sao ngon miệng trong bữa ăn, thể hiện lòng mến khách trong giao tiếp.

Trong các gia đình người Kinh đều có thờ cúng tổ tiên, họ tin rằng người chết sang thế giới bên kia vẫn có cuộc sống tương tự như ở trần gian. Nơi thờ cúng, nghi lễ tâm linh của người Kinh ở Cư Lễ gần như không thay đổi so với các vùng quê gốc. Đồng bào ăn tết chính là tết Nguyên đán; ngoài ra còn có tết Thanh minh (mùng 3 tháng 3), tết Đoan ngọ (mùng 5 tháng 5), tết Trung nguyên (rằm tháng 7), tết Trung thu (rằm tháng 8).

Sinh hoạt văn hóa văn nghệ truyền thống của người Kinh ở Cư Lễ mang tính quần chúng. Các cốt truyện cổ nổi tiếng ở đồng bằng như Tấm Cám, Cóc kiện trời, Sơn Tinh Thủy Tinh, Thánh Gióng, Cây khế... được đưa lên, lưu truyền sâu rộng trong nhân dân.

Truyền thống văn hóa dân tộc Nùng

Người Nùng ở Cư Lễ sống chủ yếu ở các thôn Bản Pò, Nà Lặng, Sắc Sái. Từ lâu, người Nùng đã rất thành thạo trong việc khai thác đất đồi làm nương rẫy, đất thung lũng trồng lúa nước. Ngoài nguồn lương thực chính là gạo, người Nùng còn trồng các loại nông sản khác như ngô, sắn, hoa màu, cây công nghiệp, cây ăn quả. Cùng với trồng trọt, người Nùng còn rất tích cực chăn nuôi gia súc,

gia cầm...

Ngoài nông nghiệp, người Nùng còn làm thêm nhiều nghề thủ công, nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày. Phụ nữ thì trồng bông, kéo sợi, dệt vải, nhuộm chàm... Nam giới làm rèn, đúc, đan lát, làm đồ gỗ, làm giấy gió, làm ngói âm dương...

Người Nùng thường ở nhà sàn và nhà nửa sàn nửa đất, trong đó nhà sàn là kiểu nhà truyền thống của họ. Nhà thường khá to, rộng, có vách làm bằng gỗ và lợp ngói máng; được chia làm hai phần bởi vách ngăn: phần trong đặt bếp, là nơi sinh hoạt của phụ nữ trong gia đình; phần ngoài dành cho nam giới và là nơi đặt bàn thờ tổ tiên.

Người Nùng thờ tổ tiên là chính. Bàn thờ đặt ở nơi trang trọng, được trang hoàng đẹp. Ngoài ra, họ cũng thờ thổ công, bà mụ, ma cửa, ma thang sàn... và tổ chức cầu cúng khi thiên tai, dịch bệnh... Tổ chức mừng sinh nhật và không cúng giỗ là một điểm độc đáo trong đời sống của người Nùng.

Không cầu kì, sặc sỡ như một số dân tộc, trang phục của người Nùng khá đơn giản, thường làm bằng vải thô nhuộm chàm và hầu như không có thêu thùa, trang trí. Nam giới mặc áo cổ đứng, xẻ ngực, có hàng cúc vải và thường có bốn túi hoặc hai túi. Phụ nữ mặc áo năm thân, cài cúc bên nách, được trang trí bằng cách thêm miếng vải khác màu vào cổ tay áo và phía trước ngực. Nam, nữ đến tuổi trưởng thành đều bịt một chiếc răng bằng vàng ở hàm trên, họ quan niệm như thế là làm đẹp, là người sang trọng.

Người Nùng đặc biệt coi trọng việc các nghi lễ trong

việc cưới xin. Nếu như người Kinh trước đây có “lục lễ” thì trai gái người Nùng đến tuổi xe duyên phải qua các lễ chính là: lễ dạm hỏi “Khắm lửa” là lễ thăm dò thái độ của nhà gái do nhà trai chủ động tiến hành; lễ “Au mình” mục đích so tuổi đôi trai gái có hợp nhau không; lễ “Mình hom” hai nhà thỏa thuận về thời gian - lễ vật để làm lễ đính hôn; lễ “Khả cáy”, lễ đính hôn chính thức. Điểm độc đáo trong đám cưới của người Nùng là các cuộc hát đối (Cỏ Lầu). Người hát thuộc lòng một số câu hát mẫu song còn phải có tài ứng đáp.

Đồng bào Nùng có một kho tàng văn hóa dân gian phong phú với nhiều làn điệu dân ca như tiếng Sli giao duyên hòa quyện vào âm thanh tự nhiên của núi rừng gây ấn tượng sâu sắc cho những ai từng nghe. Lễ hội nổi tiếng thu hút được nhiều người, nhiều lứa tuổi khác nhau là hội Lồng Tồng (Hội xuống đồng) được tổ chức vào tháng Giêng hàng năm.

Truyền thống văn hóa dân tộc Dao

Người Dao ở Cư Lễ sống ở 2 thôn Khuổi Quân và Nà Dài. Người Dao sống chủ yếu bằng nghề trồng trọt trên nương và ruộng nước. Ngoài cấy lúa họ còn trồng màu, cùng với đó, một số nghề thủ công cũng phát triển như dệt vải, rèn, mộc, làm giấy, ép dầu... Họ nuôi nhiều lợn, gà nhưng chủ yếu dùng trong những ngày ma chay, cưới xin, lễ tết. Nhà ở có 3 loại khác nhau: nhà sàn, nhà nửa sàn nửa đất, nhà đất (nhà trệt).

Trang phục của người phụ nữ Dao khá cầu kỳ gồm: áo, yếm, xà cạp, cùng đồ trang sức vàng bạc, khăn vấn đầu... Ngược lại, trang phục của nam giới lại rất đơn giản,

đó là những chiếc áo ngắn, xẻ ngực, cài cúc trước ngực và thường cài 5 cúc. Quần rất rộng thùng, có thể cử động trong mọi tư thế. Cả nam, nữ và trẻ con người Dao đều thích đeo trang sức như vòng cổ, chân, tay. Ngoài việc làm đẹp thì chúng còn mang giá trị nhân văn, tín ngưỡng. Theo truyền thuyết kể lại, người đeo trang sức bằng bạc thì sẽ trừ tà ma, tránh gió và thậm chí là được thần linh phù hộ. Đàn ông Dao trước đây để tóc dài búi sau gáy, hoặc để chỏm tóc trên đỉnh đầu, ngày nay đã cắt tóc ngắn. Phụ nữ Dao để tóc dài. Cô dâu trong ngày cưới đội mũ. Người Dao cũng có tục ở rể như một vài dân tộc khác (có hai hình thức ở rể: có thời hạn và vĩnh viễn). Tuy nhiên, phổ biến vẫn là sau lễ cưới, vợ về nhà chồng. Mỗi quan hệ họ hàng của người Dao được thiết lập khá chặt chẽ và thông qua tên đệm để xác định dòng họ, vai vế của người đó trong quan hệ dòng họ.

Theo quan niệm của người Dao thì khi con người chết đi, họ chỉ chết về thể xác, còn linh hồn “mãi bất diệt quay về với tiên tổ”. Vì vậy, giống như nhiều tộc người khác ở nước ta, người Dao cũng có tục thờ cúng tổ tiên (Bàn Hò). Trong cúng tổ tiên, người ta cúng đến 9 đời và bàn thờ tổ tiên, được đặt ở nơi trang nghiêm nhất của ngôi nhà. Họ cho rằng tổ tiên không ở thường trực trên bàn thờ mà chỉ ghé thăm họ vào ngày mùng một hoặc ngày rằm. Người Dao Đỏ có một kiêng kỵ là ăn xong không để đĩa ngang bát vì họ quan niệm đó là bát cơm dành cho người chết.

Dân tộc Dao có đời sống tinh thần rất phong phú, phản ánh nhiều lĩnh vực của đời sống. Người Dao hát,

sáng tác hoặc ứng tác lời hát vào các dịp trai gái đến chơi, trong đám cưới, dịp vào nhà mới, những ngày hội và chợ phiên... Có hai hình thức thể hiện là hát đơn và hát đối đáp, nhưng hát đối đáp là thông dụng hơn. Hát đối đáp thường áp dụng khi làm quen, tìm hiểu nhau. Tục ngữ, ca dao phản ánh nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là các kinh nghiệm sản xuất và sinh hoạt xã hội. Câu đối cũng đa dạng và phản ánh nhiều khía cạnh của cuộc sống lao động và thiên nhiên xung quanh con người. Nhạc cụ dân tộc của người Dao chủ yếu được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng, gồm có trống, thanh la, chũm chọe, chuông nhạc và tù và. Ngoài ra, người Dao còn có các loại nhạc cụ khác như nhị, sáo, đàn môi...

Tết cổ truyền của người Dao diễn ra cùng dịp với tết Nguyên đán của người Kinh, thường sớm hơn nửa tháng và kết thúc tương tự. Vào những ngày giáp tết (tháng 12 âm lịch), dân bản tập trung tại nhà trưởng bản hoặc một nhà nào đó theo phiên để cùng nhau tiến hành “Tết Nhảy”. Để chuẩn bị cho “Tết Nhảy”, các thanh niên trong bản phải tập các điệu múa, điệu nhảy và phải chuẩn bị gươm đao bằng gỗ để múa. Trong “Tết Nhảy”, mỗi người phải nhảy múa đến hàng trăm lượt trong tiếng chuông, tiếng trống giục giã. Người tham dự Tết, nhảy múa liên tục cả ngày cả đêm, ai mệt thì ra, người khác sẽ thay thế. “Tết Nhảy” của người Dao là tết của gia đình nhưng lại được cả bản coi như là tết của chung, là nét sinh hoạt văn hóa mang tính tổng hợp của các loại hình nghệ thuật dân gian như nhảy múa, âm nhạc,...

2. Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, nhân dân các dân tộc vùng đất Cư Lễ đã đoàn kết cùng nhân dân cả nước chống lại các thế lực ngoại xâm, bảo vệ quê hương, giữ yên bờ cõi. Đó là truyền thống quý báu, được thử thách và tôi luyện qua thời gian, xuyên suốt chiều dài lịch sử dân tộc.

Thế kỷ XI, đất nước đứng trước họa xâm lược của quân Tống. Nhân dân Bắc Kạn, Na Rì, trong đó có nhân dân Cư Lễ tích cực tham gia các đạo quân dưới sự chỉ huy trực tiếp của các tù trưởng địa phương, cùng với đại quân nhà Lý tiêu diệt các cứ điểm quân sự trên đất Tống.

Năm 1407, cuộc kháng chiến chống quân Minh của nhà Hồ thất bại, nước ta rơi vào ách thống trị của nhà Minh. Trên vùng đất Thái Nguyên (bao gồm địa bàn Bắc Kạn ngày nay), dưới sự lãnh đạo của Trần Nguyên Khang, Nguyễn Đa Bí, Chu Sư Nhan, Bùi Quý Thăng, Nguyễn Khắc Chấn, Dương Khắc Chung, nhân dân Cư Lễ cùng với cộng đồng các dân tộc tham gia vào các nghĩa quân chống lại sự đô hộ của nhà Minh.

Từ thế kỷ XIX, triều đình nhà Nguyễn khủng hoảng, khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi. Tiêu biểu cho phong trào đấu tranh của nhân dân các dân tộc vùng núi phía bắc là cuộc khởi nghĩa Nông Văn Vân (1833-1835). Nhân dân các dân tộc Na Rì, trong đó có nhân dân Cư Lễ, đã hăng hái tham gia vào nghĩa quân chống lại triều đình phong kiến thối nát.

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp. Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản

Việt Nam được thành lập. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Cư Lễ cùng nhân dân cả nước anh dũng kháng chiến làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954. Tiếp đó, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân Cư Lễ không ngại khó khăn, gian khổ, hi sinh, một lòng theo Đảng, đóng góp sức người, sức của với tinh thần “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, góp phần vào thắng lợi chung của dân tộc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chương II

CƯ LỄ TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I. CƯ LỄ TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công bán đảo Sơn Trà (Đà Nẵng). Sau khi chiếm được các tỉnh đồng bằng sông Hồng, Pháp đưa quân ồ ạt tiến đánh vùng miền núi phía Bắc. Năm 1891, quân Pháp bắt đầu đặt chân lên đất Na Rì, chúng lập một đồn binh tại Yên Lạc để mở đầu cho quá trình thống trị của kẻ xâm lược đối với nhân dân địa phương. Dưới chế độ thực dân phong kiến, nhân dân cả nước nói chung và nhân dân Cư Lễ nói riêng mất hết quyền tự do, dân chủ, cuộc sống vô cùng khổ cực.

Thực dân Pháp thành lập bộ máy cai trị ở địa phương trên cơ sở vãn duy trì hệ thống hành chính của chế độ phong kiến. Chúng chia châu Na Rì thành 4 tổng: Lương Thượng, Lương Hạ, Côn Minh và Yên Hân. Vùng đất Cư Lễ khi đó là xã Cư Lễ, thuộc tổng Lương Hạ. Cấp châu đứng đầu là Tri châu đặt dưới quyền tên đồn trưởng người Pháp đóng

tại Yên Lạc, dưới châu là cấp tổng có Chánh tổng, Phó tổng, cấp xã có Lý trưởng, Phó lý. Thực dân Pháp đã biến lực lượng này thành những quan chức ăn lương, gán quyền lợi và phục vụ lợi ích cho chế độ thực dân. Bên cạnh đó, thực dân Pháp còn áp dụng hệ thống cai trị riêng cho từng dân tộc, đối với người Dao có chức Động trưởng, Quản chiểu, Phó Quản chiểu; người Hoa có chức Bang trưởng.

Thông qua bộ máy cai trị, thực dân Pháp tăng cường bóc lột nhân dân. Thông qua các loại thuế trực thu như: Thuế đinh đánh vào đàn ông tuổi từ 18-60 tuổi, thuế điền đánh vào ruộng đất canh tác và thuế gián thu như: thuế muối, thuế diêm... Dựa vào thế lực quan thầy, các quan lại, lý dịch phong kiến cũng tranh thủ bòn rút, bóc lột nhân dân bằng cách đặt ra các khoản phụ thu, lạm bỏ hay các lệ quà cáp, biểu xén bắt buộc, khiến cuộc sống của nhân dân rơi vào cảnh “khô sớ trăm bề”.

Ngoài sưu thuế, hàng năm nhân dân địa phương còn phải tham gia lao dịch, phu phen không công 30 ngày (trong đó có 10 ngày làm các công việc chung của bản). Sau này, chính quyền thực dân và tay sai bắt buộc nhân dân thay lao dịch bằng nộp tiền¹. Năm 1938, khi thực dân Pháp đẩy mạnh hoạt động khai thác vàng tại xã Lương Thượng, để có nhân lực phục vụ trong các bãi đào, chúng thuê người dân Cư Lễ với giá rẻ mạt, không những vậy, họ còn phải chịu cảnh đánh đập, bòn rút của bọn cai phu,

1. Chế độ lao dịch thực hiện theo Nghị định ngày 30-6-1889, Nghị định ngày 4-12-1901 và Nghị định ngày 23-8-1904 của toàn quyền Đông Dương.

số tiền công nhận được không đủ để chi trả cho chi phí cho sinh hoạt hàng ngày.

Về văn hóa - xã hội, thực dân Pháp thực hiện triệt để chính sách ngu dân, khuyến khích các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan; đầu độc nhân dân bằng rượu cồn, thuốc phiện. Cả châu chỉ mở một vài cơ sở cấp I ở Lương Thượng, Yên Lạc, Yên Hân. Vì vậy, đến trước năm 1945, hầu hết nhân dân Cư Lễ không biết chữ, trình độ dân trí còn thấp.

Về y tế, toàn tỉnh có một nhà thương với khoảng 30 giường bệnh. Năm 1931, chính quyền Pháp cho mở thêm một bệnh xá ở Chợ Rã và Na Rì, mỗi huyện chỉ có một y tá, một nữ hộ sinh¹. Cư Lễ vốn là vùng rừng núi, khí hậu ẩm thấp nên hàng năm có nhiều dịch bệnh nguy hiểm xảy ra như: tả lỵ, thương hàn, sốt rét... Địa bàn lại không có cơ sở y tế, người dân ốm đau, bệnh tật không có thuốc chữa, chủ yếu dựa vào các bài thuốc dân gian, thầy cúng, trông chờ vào sự may rủi của số phận, tình trạng “hữu sinh vô dưỡng” diễn ra phổ biến.

Dưới chính sách cai trị độc đoán, hà khắc của chính quyền thực dân, đời sống của nhân dân Cư Lễ nói riêng, của cả dân tộc Việt Nam nói chung vô cùng lầm than, khổ cực. Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với thực dân xâm lược và bè lũ tay sai trở nên gay gắt. Với truyền thống yêu nước và tinh thần tự tôn dân tộc, nhân dân Cư Lễ luôn sẵn sàng quyết tâm đánh đuổi bè lũ cướp nước và tay sai, giải phóng quê hương, đất nước.

1. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn, tập I*, Nxb Chính trị Quốc gia, H.2000, tr.50.

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, đánh dấu bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo cách mạng. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, phong trào yêu nước ngày càng phát triển với các cao trào cách mạng 1930-1931, 1936-1939, làm lung lay bộ máy chính quyền thực dân phong kiến, thức tỉnh quần chúng nhân dân nổi dậy đấu tranh.

Ngày 01-9-1939, chiến tranh Thế giới thứ hai bùng nổ. Ngày 22-9-1940, phát xít Nhật cho quân vượt biên giới Việt - Trung đánh vào Lạng Sơn. Trước hành động của phát xít, thực dân Pháp từng bước ký các hiệp định đầu hàng Nhật. Từ đó, nhân dân ta rơi vào tình cảnh “Một cổ hai tròng”, mâu thuẫn dân tộc vô cùng gay gắt.

Đầu năm 1942, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh có chủ trương “Nam tiến”, mở rộng căn cứ địa cách mạng ra các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn. Trong hai năm 1943-1944, tại các châu Ngân Sơn, Chợ Rã, Bạch Thông của Bắc Kạn, được sự tuyên truyền, vận động của lực lượng “Nam tiến”, nhiều cơ sở cách mạng đã được hình thành và phát triển mạnh. Tuy nhiên, do là địa bàn vùng sâu, vùng xa, địa hình hiểm trở, bị thực dân Pháp cố tình phong tỏa, ngăn cản, bưng bít thông tin nên thời gian này, địa bàn châu Na Rì nói chung và xã Cư Lễ nói riêng chưa có cơ sở và phong trào cách mạng.

Sang năm 1945, thế chiến thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô và lực lượng Đồng minh đã bao vây, tiến công tiêu diệt phát xít Đức ở châu Âu. Trên mặt trận châu Á - Thái Bình Dương, phát xít Nhật cũng

đang bị uy hiếp nghiêm trọng. Với mục đích duy trì cuộc chiến tranh ở Đông Nam Á, ngày 9-3-1945, Nhật tiến hành cuộc đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, xác định kẻ thù lúc này của dân tộc Việt Nam là phát xít Nhật, đồng thời phát động cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 25-3-1945, một đơn vị Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân do đồng chí Bế Sơn Cương chỉ huy từ Ngân Sơn tiến xuống Na Rì. Đi tới đâu, Giải phóng quân cũng được nhân dân các dân tộc nhiệt liệt hưởng ứng, ủng hộ. Trước tình thế cách mạng đang ngày càng lên cao, chính quyền tay sai của địch tan rã, tên tri châu bỏ công đường chạy trốn, tên châu úy cầm đầu đồn binh Yên Lạc phải chấp nhận các điều kiện do phân đội vũ trang đặt ra, sẵn sàng giao nộp đồn và châu lỵ cho cách mạng. Ngày 28-3-1945, quân và dân ta đã hoàn toàn làm chủ châu lỵ.

Trong khí thế cách mạng lên cao, các cuộc mít tinh của quần chúng đã góp phần xóa bỏ chính quyền địch, thành lập các chính quyền cách mạng ở các xã. Tại địa bàn xã Cư Lễ, trước áp lực của nhân dân, các lý trưởng, phó lý phải giao nộp sổ sách, triện đồng cho đại diện quân giải phóng. Tháng 4-1945, Ủy ban cách mạng lâm thời xã Cư Lễ được thành lập do ông Nông Văn Tân làm Chủ tịch. Đến tháng 6-1945, nhằm chuẩn bị cho Hội nghị đại biểu nhân dân các dân tộc toàn châu, để bầu ra Ủy ban nhân dân lâm thời châu Na Rì tại Yên Lạc, xã Cư Lễ đã triệu tập cuộc họp để cử đại biểu đi tham dự Hội nghị.

Để đáp ứng yêu cầu của phong trào cách mạng, tháng 6-1945, Châu ủy mở 2 lớp huấn luyện tập huấn về công tác vận động, tổ chức các đoàn thể quần chúng, quản lý chính quyền cho 30 cán bộ tại Yên Lạc và Cư Lễ. Một số cá nhân trên địa bàn xã Cư Lễ như Lôi Văn Bộ, Nông Văn Cừ, Nông Văn Tân, Lâm Ngọc Tinh, Lâm Văn Viện... Sau lớp huấn luyện, họ lại trở về địa phương cùng các chiến sĩ Giải phóng quân tuyên truyền, tổ chức Hội Cứu quốc và Ban Chấp hành Việt Minh ở các xã. Tháng 7-1945, Ban Việt Minh xã Cư Lễ được thành lập với các thành viên: Lôi Văn Bộ, Nông Văn Cừ, Nông Văn Vệ, Lâm Ngọc Tinh, Nông Văn Đạt, Hoàng Văn Quỳ...

Bên cạnh đó, để thúc đẩy sản xuất phát triển, chính quyền cách mạng xã tịch thu ruộng đất, trâu cày của bọn phản động tay sai đem chia cho dân nghèo, nhờ đó khích lệ mạnh mẽ tinh thần sản xuất của nhân dân các dân tộc. Các mặt hàng nông, lâm thổ sản do đồng bào sản xuất được vận chuyển về dưới xuôi để đổi lấy muối, diêm, nông cụ...

Từ giữa năm 1945, phe phát xít liên tiếp thất trận trên các chiến trường ở châu Âu và Thái Bình Dương, báo hiệu thời cơ cách mạng mới đã đến. Trước tình hình đó, từ ngày 13 đến 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng đã họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa. Đến 23 giờ đêm cùng ngày, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra Quân lệnh số 1, hạ lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước. Ngày 16-8, Đại hội quốc dân nhất trí tán thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng, kêu gọi quần chúng cả nước đứng lên giành chính quyền.

Tại Na Rì, do là địa bàn hiểm yếu, mặc dù không điều quân vào chiếm đóng nhưng Nhật vẫn kích động một số phần tử phản động chống phá cách mạng. Cuối tháng 8-1945, tên Nông Xuân Nhu cùng một số trùm cướp khác từ Lạng Sơn kéo sang Na Rì. Tại đây, chúng đã gây ra nhiều vụ đốt phá, cướp lương thực, thực phẩm của nhân dân và tuyển mộ thanh niên để xây dựng căn cứ chống lại Việt Minh. Trước tình hình đó, Giải phóng quân và du kích của châu, trong đó có du kích Cư Lễ, nhanh chóng tiến quân bao vây, tiêu diệt chúng. Nhận được tin, bọn tay sai đầu sỏ phải lần trốn sang Bình Gia (Lạng Sơn). Thành quả cách mạng được giữ vững.

Khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945 ở châu Na Rì diễn ra nhanh và mau chóng giành thắng lợi. Cùng với nhân dân cả nước, đồng bào các dân tộc Cư Lễ đã đứng lên đập tan xiềng xích gần một trăm năm nô lệ của thực dân Pháp và lật đổ chế độ phong kiến tồn tại hàng nghìn năm trên đất nước ta, lập nên chính quyền dân chủ của nhân dân, mở ra một thời kỳ mới trên chặng đường đấu tranh giành độc lập, tự do và ấm no, hạnh phúc.

II. CHI BỘ ĐẢNG THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC

1. Xây dựng và củng cố chính quyền cách mạng (1945-1946)

Ngày 2-9-1945, tại quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Song chính quyền cách mạng non trẻ phải đương đầu với nhiều khó

khăn, thách thức: ngân khố cạn kiệt, giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm cùng lúc đe dọa, vận mệnh Tổ quốc như “nghìn cân treo sợi tóc”.

Trong bối cảnh chung của cả nước, Cư Lễ cũng gặp nhiều khó khăn: nạn đói đẩy đời sống nhân dân rơi vào cảnh khổ cực, phần lớn diện tích canh tác bị bỏ hoang, sản xuất đình đốn, dịch bệnh có nguy cơ bùng phát. Trong khi đó, chính quyền nhân dân mới được thành lập, lại phải giải quyết những hậu quả nặng nề từ chính sách cai trị, đô hộ của chính quyền phong kiến, thực dân gây ra.

Tuy nhiên, nhân dân Cư Lễ vẫn một lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Ủy ban nhân dân lâm thời xã đã phát động quần chúng nhân giải quyết những nhiệm vụ cấp bách tại địa phương.

Để phát huy quyền làm chủ thực sự của nhân dân, đặt cơ sở pháp lý cho Nhà nước Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ đã tổ chức Tổng tuyển cử trong cả nước, bầu Quốc hội của nước Việt Nam mới. Ngày 6-1-1946, cùng với nhân dân huyện Na Rì, nhân dân Cư Lễ tích cực tham gia bầu cử Quốc hội khóa I, 90% cử tri của địa phương tham gia bỏ phiếu.

Sau cuộc bầu cử, nhằm tập trung lãnh đạo chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến lâu dài, Chính phủ ra Sắc lệnh 148/SL bãi bỏ cấp châu, tổng, thành lập các xã, huyện. Trên cơ sở đó, xã Trung Thành được thành lập, bao gồm địa bàn các xã Cư Lễ, Văn Minh, Lương Thanh và Ân Tình ngày nay. Tháng 4-1946, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp diễn ra. Trong kỳ họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân xã Trung Thành đã bầu ra Ủy ban hành chính xã do

ông Nông Văn Tân làm Chủ tịch.

Trong niềm phấn khởi trước thắng lợi của cách mạng, đồng bào trên địa bàn Trung Thành luôn nắm vững hai nhiệm vụ chiến lược là kháng chiến và kiến quốc do Trung ương Đảng đề ra. Mặt trận Việt Minh huyện Na Rì tích cực động viên nhân dân tăng gia lao động sản xuất, kêu gọi thực hành tiết kiệm. Chính quyền phát động nhân dân hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa” và thực hiện “nhường cơm sẻ áo”, “lá lành đùm lá rách” với tinh thần “tương thân tương ái”.

Để thực hiện bước đầu chính sách ruộng đất của Đảng, Mặt trận Việt Minh huyện Na Rì chỉ đạo các xã tạm giao một số ruộng vắng chủ cho nông dân và quán triệt thực hiện các thông tri, sắc lệnh của Chính phủ về giảm tô, giảm thuế điền thổ, bãi bỏ thuế thân và những thứ thuế vô lý khác. Đồng thời, chính quyền cách mạng hoãn nợ hoặc xóa nợ lưu cữu theo Chỉ thị của Chính phủ lâm thời đề ra, tuyên bố xóa bỏ chế độ phu phen, tạp dịch, khẳng định quyền bình đẳng giữa nam nữ và các dân tộc.

Sau một thời gian ngắn ra sức tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, cùng với những chủ trương đúng đắn và các biện pháp thực hiện hợp lý, cả vụ chiêm và vụ mùa năm 1946 được mùa, thu hoạch hàng trăm tấn thóc và hoa màu, cơ bản đáp ứng nhu cầu về lương thực, thực phẩm của nhân dân. Nạn đói từng bước được đẩy lùi.

Trước thực trạng ngân khố Quốc gia trống rỗng, ngày 4-9-1945, Chính phủ ra Sắc lệnh 04/SL về xây dựng “Quỹ độc lập” và tổ chức “Tuần lễ vàng”. Tuy còn nhiều khó

khăn, nhưng nhân dân Cư Lễ vẫn hăng hái tham gia ủng hộ cho chính quyền cách mạng, trong đó, tiêu biểu là gia đình ông Nông Văn Khánh (Khau Ngòi) ủng hộ 1 con bò, gia đình ông Nông Văn Định (Phja Khao) ủng hộ 1 con bò, gia đình ông Phan Văn Phàng (Cạm Mjầu) ủng hộ 1 con lợn... Số lượng quyên góp tuy không nhiều nhưng đã thể hiện tinh thần yêu nước, sẵn sàng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của các tầng lớp nhân dân địa phương.

Sau ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, Nha Bình dân học vụ được thành lập (9-1946). Ban Bình dân học vụ xã Trung Thành được thành lập do ông Hoàng Văn Sâm làm Trưởng ban, ông Nông Công Mai làm Phó ban. Tại Cư Lễ, Ban Bình dân học vụ đã tổ chức được một lớp học, do thầy Nông Văn Công đứng lớp. Phong trào diệt giặc dốt thu hút sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là thanh niên và phụ nữ. Tất cả đều thực hiện nghiêm túc lời dạy của Bác Hồ: “Những người biết chữ dạy cho người chưa biết chữ. Những người chưa biết chữ gắng học cho biết. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo”. Đến năm 1946, có trên 20 người dân trên địa bàn Cư Lễ đã biết đọc, biết viết. Ngày 3-4-1946, Chính phủ ký Sắc lệnh số 44/SL thành lập Ban Trung ương vận động đời sống mới. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ dần các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan do chế độ cũ để lại được thực hiện nghiêm túc. Các hoạt động văn hóa văn nghệ vào các dịp lễ, tết được duy trì.

Quán triệt tinh thần Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc” ngày 25-11-1945 của Ban Thường vụ Trung ương Đảng, chính quyền cách mạng xã Trung Thành đặc biệt coi

trọng công tác xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang. Địa phương đã xây dựng được 1 tiểu đội tự vệ chiến đấu do đồng chí Hoàng Văn Quỳ phụ trách. Mặc dù trang bị vũ khí rất thô sơ, chỉ có súng kíp, giáo, mác, nỏ và gậy gộc nhưng tiểu đội tự vệ xã luôn nêu cao tinh thần cách mạng, hăng say luyện tập quân sự đồng thời đảm nhận nhiệm vụ tuần tra, canh gác, đảm bảo trật tự trị an.

Khởi nghĩa giành chính quyền trong năm 1945 đã mở ra một thời kỳ mới cho lịch sử dân tộc. Tuy nhiên, do những thay đổi của tình hình trong nước và thế giới, nhân dân trên địa bàn Cư Lễ phải đương đầu với muôn vàn khó khăn, thử thách. Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh huyện Na Rì và chính quyền xã Trung Thành, nhân dân địa bàn xã Cư Lễ luôn nhất trí, đồng lòng từng bước thực hiện tiêu diệt giặc đói, giặc dốt và nêu cao tinh thần sẵn sàng bước vào cuộc kháng chiến trường kỳ chống giặc ngoại xâm.

2. Chi bộ Đảng được thành lập, lãnh đạo nhân dân xây dựng hậu phương, chi viện cho tiền tuyến cho đến ngày thắng lợi (1946-1954)

Tháng 11-1946, mọi nỗ lực đàm phán hòa bình của Chính phủ ta với Pháp đều thất bại. Thực dân Pháp trắng trợn cho quân khiêu khích, gây hấn với ta ở Hải Phòng, Lạng Sơn và Hà Nội. Đêm 19-12-1946, quân dân Thủ đô Hà Nội đồng loạt nổ súng tấn công Pháp tại nhiều địa điểm mở đầu cho phong trào Toàn quốc kháng chiến. Sáng hôm sau, Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam đã phát đi “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, khẳng định quyết tâm của toàn dân tộc: “...

Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ!”. Tiếp đó, ngày 22-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”, nêu rõ mục đích của cuộc kháng chiến là: “Bảo vệ nền độc lập, thống nhất Tổ quốc”.

Nằm trong âm mưu tấn công lên Việt Bắc, ngày 7-10-1947, thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, Chợ Mới và huyện lỵ Chợ Đồn. Từ Bắc Kạn, ngày 15-10-1947, thực dân Pháp đưa quân lên đánh chiếm Phủ Thông, sau khi chiếm được, chúng cho đóng chốt kiểm soát cửa ngõ 4 huyện: Bạch Thông, Chợ Rã, Ngân Sơn, Na Rì. Quán triệt chủ trương của Ban Thường trực Trung ương Đảng, Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy ra chỉ đạo cho tất cả các xã, sẵn sàng chiến đấu đánh tan âm mưu xâm lược Na Rì của Pháp.

Bước vào cuộc kháng chiến, cán bộ và nhân dân địa bàn xã Cư Lễ gặp không ít thử thách: Lực lượng vũ trang mới xây dựng còn thiếu kinh nghiệm chiến đấu, trang bị vũ khí còn thô sơ, kinh tế trên địa bàn chưa phát triển, đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn... Song, với tinh thần yêu nước, lòng căm thù quân xâm lược, nhân dân sẵn sàng tập trung cao độ cho nhiệm vụ kháng chiến, bảo vệ nền độc lập, tự do của Tổ quốc. Tháng 3-1947, cơ quan quân sự từ tỉnh đến huyện, xã được thành lập, thống nhất tổ chức tự vệ và tự vệ chiến đấu thành dân quân du kích. Đại đội dân quân du kích xã Trung Thành được thành lập do ông Nông Văn Nhì làm Đại đội trưởng. Trang bị của du kích gồm mìn, lựu đạn, súng trường và một số vũ khí thô sơ tự tạo. Không khí chuẩn bị chiến đấu sục sôi khắp

các bản.

Qua việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của cuộc kháng chiến, một số cán bộ và quần chúng tích cực vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng như các đồng chí Nông Văn Viện, Hoàng Văn Quảy... Trên cơ sở đó, năm 1947, Chi bộ Đảng xã Trung Thành được thành lập. Tháng 1-1948, Chi bộ Đảng Trung Thành tiến hành Đại hội lần thứ nhất. Đại hội đề ra những phương hướng, nhiệm vụ trong 2 năm 1948-1949, nhân mạnh đến nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối kháng chiến của Đảng, vừa xây dựng hậu phương, vừa tập trung vào công tác phát triển Đảng. Đại hội bầu đồng chí Nông Văn Ngọc làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Văn Viện làm Phó Bí thư.

Chi bộ Đảng xã Trung Thành thành lập là sự kiện có ý nghĩa to lớn, đánh dấu sự phát triển của phong trào cách mạng xã Trung Thành nói chung và Cư Lễ nói riêng. Dù số lượng đảng viên còn ít, địa bàn hoạt động rộng, song với sự ủng hộ, tin tưởng của nhân dân, sự đoàn kết, nhất trí cao về nhận thức, tư tưởng, Chi bộ đã đưa ra nhiều chủ trương sát hợp với tình hình địa phương.

Quán triệt tinh thần của Đảng và Chính phủ: “Vừa kháng chiến vừa kiến quốc”, Chi bộ Đảng và Ủy ban kháng chiến hành chính xã Trung Thành chỉ đạo các đoàn thể quần chúng động viên nhân dân đẩy mạnh tăng gia sản xuất. Do nằm trong vùng tự do, không bị địch chiếm đóng nên các mặt sản xuất trên địa bàn có điều kiện phát triển. Với phương châm “Yêu nước phải tăng gia, tăng gia là yêu nước” và khẩu hiệu “Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc

cày là vũ khí, nhà nông là chiến sỹ”, những năm 1947-1949, nhân dân phấn đấu cấy hết diện tích, tận dụng đất trồng các cây lương thực và hoa màu khác. Năm 1949, nhân dân trên địa bàn vỡ rậm, phá hoang được 17ha đất, trồng 25ha lúa, 15ha khoai, sắn và thu hoạch được 407 tạ thóc, 219 tạ khoai, sắn. Về chăn nuôi, đàn gia súc lớn và gia cầm được giữ vững, trung bình mỗi hộ nuôi 1 con lợn, 7 con gà.

Cuối năm 1950 đầu năm 1951, hoạt động sản xuất nông nghiệp ở huyện Na Rì nói chung và Cư Lễ nói riêng gặp nhiều khó khăn do thiên tai, dịch bệnh thường xuyên đe dọa. Mùa màng thất bát, nhiều gia đình nông dân lâm vào tình cảnh đói kém. Để giải quyết tình trạng trên, Huyện ủy Na Rì phát động phong trào “Đẩy mạnh sản xuất, đề phòng nạn đói”, đồng thời cử cán bộ về các xã vận động nhân dân khai hoang, phục hóa, tích cực chăm sóc lúa và hoa màu, huy động lực lượng làm thủy lợi. Được sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, từ năm 1952, chính quyền xã phát động các phong trào “Đại hội sản xuất”, “chiến dịch trồng màu”, khuyến khích nhân dân hăng hái vỡ hoang, phá rậm, cải tạo và mở rộng diện tích trồng cây lương thực và hoa màu tại các vùng đồi gò rậm rạp. Hưởng ứng phong trào, bà con nông dân ra sức khơi nguồn, cải tạo các đoạn nương phai trên địa bàn, cải thiện việc đưa nước tưới tiêu cho đồng ruộng. Đến năm 1952, toàn xã đã cấy 175kg giống lúa (trong đó có 15 bung lúa Nam Ninh), gieo trồng 140 ống bắp soi, bắp rẫy.

Sản xuất nông nghiệp có bước phát triển, đời sống của nhân dân từng bước được ổn định và nâng cao đã tạo

điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước. Thực hiện Sắc lệnh 13-SL về đặt thuế nông nghiệp của Chính phủ, vụ mùa năm 1951, nhân dân xã Trung Thành đóng trên 57 tấn thóc thuế.

Trong những năm đầu kháng chiến, tuy có bị thực dân Pháp ném bom tại bản Khau Ngòi làm chết 1 người và bị thương 1 người nhưng về cơ bản xã Trung Thành vẫn thuộc vùng tự do, vì vậy, xã trở thành nơi đón tiếp nhiều cơ quan và đơn vị quân đội đến tản cư. Trong năm 1947, Tiểu đoàn Sơn Cương và Tiểu đoàn Kế Hoạch đã đến địa bàn xã đóng quân. Cùng thời gian, cơ quan Huyện ủy và Ủy ban hành chính huyện Na Rì cũng về đóng tại bản Pò Pải trong 4 tháng. Thời gian bộ đội và các cơ quan cấp trên về hoạt động tại địa phương, cán bộ, đảng viên, nhân dân trên địa bàn đã che chở và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho công tác và sinh hoạt.

Sau những thất bại liên tiếp trên các mặt trận, tháng 8-1949, quân Pháp phải rút khỏi Bắc Kạn. Cuối năm 1950, Trung ương Đảng chủ trương mở chiến dịch Biên giới, với mục tiêu tiêu diệt sinh lực địch, khai thông đường liên lạc giữa ta với khối xã hội chủ nghĩa, giành quyền chủ động trên chiến trường. Hưởng ứng phong trào “tích cực vận tải, tăng gia sản xuất, chuẩn bị cho tổng phản công” của Đảng bộ tỉnh Bắc Kạn và theo chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, Chi bộ Đảng và Ủy ban kháng chiến hành chính xã Trung Thành đã cử 23 dân công tham gia phục vụ chiến dịch trong 4 tháng. Bên cạnh đó, xã cũng thành lập đội dân công hỏa tuyến do đồng chí Lưu Văn Phong chỉ huy, thường xuyên tham gia kéo gỗ, sửa đường tại Đèo Giàng,

Quốc lộ 3... Hội Phụ nữ, Hội Mẹ chiến sỹ và các đoàn thể cứu quốc làm tốt công tác hậu phương quân đội, tăng cường vận động nhân dân thi đua “giúp đỡ bộ đội, đỡ đầu du kích”, “góp quỹ nuôi quân”. Nhân các dịp lễ tết hoặc mỗi lần có chiến dịch, nhân dân Trung Thành đều gửi quà cho bộ đội như gạo, bò, lợn, bánh trái... động viên tinh thần chiến đấu của các chiến sỹ ngoài mặt trận.

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng về mở “Lớp đảng viên Tháng Tám”, công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới ở xã Trung Thành rất được chú trọng, nhất là về mặt số lượng. Trong 2 năm 1948-1949, Chi bộ Trung Thành đã giới thiệu kết nạp thêm 7 đồng chí vào Đảng, trong đó có một số đảng viên tại địa bàn Cư Lễ. Chi bộ lấy việc thực hiện nhiệm vụ, chủ trương chính sách trước mắt để giáo dục đảng viên. Phần lớn đảng viên đều tiên phong, gương mẫu trong các hoạt động như đi bộ đội, tham gia dân quân, du kích, dân công và tăng gia sản xuất, phục vụ kháng chiến.

Năm 1949, theo chỉ đạo của Huyện ủy, Ban Chi ủy đã thực hiện tốt cuộc vận động “rèn luyện Đảng tính, trau dồi đạo đức cách mạng”, cử cán bộ tham dự các buổi học tập về đường lối cơ bản của Đảng trong kháng chiến kiến quốc, tham gia các buổi thảo luận “làm thế nào để trở thành người đảng viên tốt” và “6 tiêu chuẩn của người đảng viên” do Huyện ủy tổ chức. Qua các buổi học tập, thảo luận, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật Đảng, nhận thức chính trị và sức chiến đấu của đảng viên được nâng cao, hiện tượng cán bộ, đảng viên suy thoái về đạo đức cách mạng, yếu kém về tư tưởng và nhận thức từng

bước được đẩy lùi.

Tuy nhiên qua đợt kiểm tra, xếp loại các chi bộ của Huyện ủy Na Rì, Chi bộ Đảng xã Trung Thành bị xếp vào nhóm Chi bộ tự động do ít chịu nghiên cứu tài liệu, chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, nội dung sinh hoạt nghèo nàn, tính chiến đấu phê bình và tự phê bình yếu¹. Chi bộ Đảng xã Trung Thành đã nghiêm túc kiểm điểm, chấn chỉnh lại công tác xây dựng, củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng. Đây cũng là nội dung chính được đem bàn luận trong kỳ Đại hội Chi bộ năm 1950². Sau Đại hội Chi bộ xã, công tác xây dựng Đảng ngày càng được chú trọng. Thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chi bộ Đảng xã Trung Thành tạm ngừng phát triển đảng viên, đồng thời đẩy mạnh công tác chấn chỉnh tổ chức, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đảng viên.

Năm 1952, theo chủ trương của cấp trên, xã Trung Thành được chia tách thành 4 xã: Trung Thành (xã Cư Lễ ngày nay), Văn Minh, Lương Thành, Tô Hiệu (nay là xã Ân Tình). Ủy ban kháng chiến hành chính xã Trung Thành do đồng chí Hứa Văn Tàn giữ chức Chủ tịch, đồng chí Chu Văn Thảo làm Phó Chủ tịch, đồng chí Hoàng Văn Quỳ làm Trưởng Công an, đồng chí Nông Công Mai - Ban Vận động Thanh niên, đồng chí Trần Đài là Xã đội

1. Na Rì lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975), Nxb Quân đội nhân dân, tr.73..

2. Đại hội bầu đồng chí Hứa Văn Tàn làm Bí thư Chi bộ - Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã.

trưởng. Căn cứ Điều lệ Đảng, số lượng đảng viên và tình hình thực tiễn tại địa phương, năm 1952, Huyện ủy Na Rì đã quyết định thành lập Chi bộ Đảng xã Trung Thành gồm 10 đảng viên, đồng chí Hứa Văn Tàn làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Văn Quỳ làm Phó Bí thư.

Thất bại liên tiếp trên các chiến trường, thực dân Pháp tập trung lực lượng tại Điện Biên Phủ nhằm “tạo ra những điều kiện quân sự làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có danh dự”. Trong tình hình mới, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Với khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”, nhân dân Trung Thành tích cực quyền góp lương thực, thực phẩm, quần áo gửi ra mặt trận. Nhiều thanh niên, nông dân, phụ nữ không quản ngại khó khăn, vất vả, tham gia dân công lên đường phục vụ chiến dịch. Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, xã Trung Thành có 3 đồng chí tham gia trực tiếp chiến đấu là Nông Văn Đường, Nông Văn Lập và Nông Văn Dư.

Song song với phong trào thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chiến đấu và phục vụ chiến đấu, Chi ủy, chính quyền còn quan tâm lãnh đạo nâng cao đời sống văn hóa - xã hội, phát huy thắng lợi trong phong trào “diệt giặc đói”, các lớp bình dân học vụ tiếp tục được mở khắp các bản, thu hút nhiều tầng lớp và lứa tuổi tham gia. Phong trào vệ sinh, phòng bệnh tiếp tục được duy trì, góp phần ngăn chặn các bệnh truyền nhiễm. Phong trào văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển. Các lớp học bình dân học vụ duy trì thường xuyên, cán bộ xã gương mẫu đi đầu trong việc bỏ tục văn hóa, nâng cao trình độ. Công tác xây dựng đời

sống mới được quan tâm. Đội văn nghệ quần chúng lấy thanh niên, phụ nữ, nông dân làm nòng cốt, thường xuyên biểu diễn phục vụ nhân dân. Các hủ tục, mê tín dị đoan, ma chay, cưới xin tốn kém, cờ bạc... dần được loại trừ, các đám cưới, đám tang được tổ chức theo hình thức đời sống mới vừa lành mạnh, vừa giản dị, tiết kiệm. Cuộc vận động nhân dân ăn sạch, ở sạch, uống sạch, diệt ruồi muỗi, diệt chấy rận, diệt chuột bọ trong công tác y tế được đẩy mạnh, góp phần ngăn chặn các dịch bệnh.

Ngày 7-5-1954, chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Tin thắng trận làm nức lòng nhân dân toàn huyện Na Rì nói chung và nhân dân trên địa bàn xã Trung Thành nói riêng.

Những năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhân dân ta đã trải qua bao khó khăn, gian khổ và giành được những thắng lợi vẻ vang. Trong suốt cuộc kháng chiến, nhân dân xã Trung Thành đã có những đóng góp tích cực vào sự nghiệp cách mạng chung với nhiều hình thức phong phú. Từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đến tháng 12-1946 là thời gian củng cố chính quyền nhân dân, chuẩn bị điều kiện để bước vào cuộc kháng chiến chống Pháp. Cuối năm 1947, Chi bộ Đảng xã Trung Thành thành lập, trở thành hạt nhân lãnh đạo các phong trào kháng chiến, kiến quốc ở địa phương. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chi bộ Đảng, với điều kiện thuận lợi là không bị thực dân Pháp chiếm đóng, nhân dân Trung Thành đã ra sức đẩy mạnh sản xuất, hoàn thành tốt vai trò,

trách nhiệm của hậu phương lớn, đóng góp sức người, sức của vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến.

Tổng kết cuộc kháng chiến, xã Trung Thành có 30 thanh niên nhập ngũ, 67 người tham gia lực lượng dân quân, du kích chiến đấu, trong đó có 4 tấm gương đã anh dũng hy sinh (Triệu Văn Hậu, Nguyễn Văn Sinh, Bàn Văn Nông, Đoàn Văn Ngo), nhiều người đã để lại một phần xương máu trên các chiến trường. Nhân dân Trung Thành đã đóng góp cho cuộc kháng chiến hàng chục tấn lương thực, thực phẩm, che chở và bảo vệ nhiều đồng bào đến tản cư trên địa bàn. Ghi nhận những thành tích đó, cán bộ, đảng viên và nhân dân Trung Thành được Đảng và Nhà nước, tỉnh, huyện và các ban ngành, đoàn thể trao tặng hàng chục Huân chương kháng chiến hạng Ba cùng nhiều Bằng khen, Giấy khen các loại.

Qua 9 năm kháng chiến, Chi bộ Đảng xã Trung Thành đã rút ra được nhiều bài học kinh nghiệm quý báu. Một là, quán triệt đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính. Hai là, vừa kháng chiến, vừa tích cực xây dựng chế độ mới, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của cuộc kháng chiến. Ba là, coi trọng công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng trong chiến tranh. Đó cũng là những nền tảng vững chắc cho cán bộ, đảng viên và nhân dân Trung Thành vững bước vào thời kỳ khôi phục kinh tế, xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Chương III

CHI BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ CƯ LỄ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

I. THAM GIA XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC (1954-1965)

1. Khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân (1954-1957)

Chiến thắng Điện Biên Phủ lịch sử đã thay đổi hoàn toàn cục diện cuộc chiến, buộc thực dân Pháp phải ký kết Hiệp định Giơnevơ. Sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết (ngày 21-7-1954), từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc, nhân dân vui mừng đón những người con đi chiến đấu nơi tuyến lửa trở về phục viên, góp sức lao động sản xuất, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Là địa bàn nằm trong vùng tự do, an toàn, không chịu sự chiếm đóng, càn quét của thực dân Pháp (giai đoạn 1945-1954), nhân dân xã Trung Thành có những điều kiện thuận lợi cơ bản, quan trọng để nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống. Ngay từ những ngày đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, nhân dân địa phương nhận được sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng xã Trung Thành. Sau ngày giải phóng, được sống trong hòa bình,

nhân dân Trung Thành càng thêm tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam.

Tuy nhiên, sự lạc hậu trong kỹ thuật canh tác, thiếu hụt trong công cụ sản xuất và sức kéo khiến cho nền nông nghiệp của xã chưa phát huy được tiềm năng sẵn có. Năng suất lúa ở mức thấp, chỉ đạt 140-150 kg/bung đưa tới tình trạng thiếu lương thực trầm trọng, nhất là vào những tháng giáp hạt. Trong khi đó, đội ngũ cán bộ khuyết thiếu nghiêm trọng, nhất là cán bộ cốt cán có trình độ lãnh đạo.

Từ năm 1954-1956, Chi bộ Đảng xã tổ chức 2 lần Đại hội nhiệm kỳ 1954-1955 và 1955-1956. Các kỳ Đại hội xác định nhiệm vụ cơ bản những năm đầu sau chiến tranh là: nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, củng cố, xây dựng và phát triển xã về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng. Các Đại hội đều bầu Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí: Hứa Văn Tàn - Bí thư Chi bộ (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã), Hoàng Văn Quây - Phó Bí thư, **Chu Văn Thào** - Chi ủy viên.

Sau Đại hội, Ban Chi ủy xã chỉ đạo nhân dân tập trung cao độ vào công tác phát triển nông nghiệp. Để giúp đỡ các gia đình thiếu đói nghiêm trọng, ngoài nguồn viện trợ lương thực và vải vóc từ trên tỉnh, huyện xuống xã để cấp phát cho đồng bào. Ủy ban nhân dân phát động phong trào “thi đua sản xuất lấy thành tích chúc thọ Chủ tịch Hồ Chí Minh”, thực hiện khẩu hiệu “Tắc đất, tắc vàng”, nhiều cánh đồng trước đây để cỏ mọc hoang hóa được nhân dân phát dọn, cải tạo thành những ruộng cấy lúa hoặc trồng hoa màu. Công tác khai hoang, phục hóa đã huy động đông đảo các hộ gia đình trên địa bàn xã tham

gia. Tính đến cuối năm 1955, xã khai hoang, phục hóa được 29 bung ruộng.

Tại Hội nghị sản xuất của Huyện ủy ngày 14-16/12/1954, đã phát động đợt thi đua sản xuất trong toàn huyện, giữa các xã, các tổ nông hội, gia đình thách thức, thi đua nhau. Tại xã Trung Thành đã tổ chức mít tinh toàn dân để phát động phong trào thi đua, phong trào thi đua thách thức diễn ra sôi nổi, tổ Cạm Mjầu thách làm 10 bung ruộng Nam Ninh, phát 20 ống ngô, tổ Pò Pái cây vượt mức thách 3 bung ruộng¹.

Với phương châm sản xuất đi đôi với bảo vệ sản xuất, nhân dân trong xã hăng hái tham gia làm phân bón ruộng, diệt chuột và phòng trừ sâu bệnh. Tuy nhiên, do tình hình thời tiết có nhiều bất lợi, cuối 1955, toàn huyện Na Rì xảy ra hạn hán, ở xã Trung Thành, tình trạng thiếu nước diễn ra trầm trọng, hệ thống thủy lợi chưa có điều kiện phát triển, nên nhiều các diện tích đất khai hoang, phục hóa được không thể đưa vào cấy lúa mà phải chuyển sang trồng rau, màu, hầu hết diện tích đồng ruộng của xã Trung Thành vẫn chỉ cấy được 1 vụ lúa mùa, năng suất chỉ đạt 155 kg/bung, tình trạng thiếu đói diễn ra nghiêm trọng, nhất là vào các vụ giáp hạt. Năm 1957, theo thống kê của huyện Na Rì, xã Trung Thành là xã có nhiều hộ đói nhất huyện (14 hộ đói với 76 nhân khẩu²).

Để giải quyết tình hình trên, Ban Chi ủy, chính quyền xã Trung Thành chủ động chỉ đạo nhân dân chuyển từ

trồng lúa sang trồng một số loại hoa màu như sắn, ngô, khoai lang, để giải quyết phần nào nạn đói. Đến cuối năm 1956, toàn xã trồng được 711 ống bắp, 25.145 gốc sắn, 113 luống khoai lang. Cùng với đó, người dân đã dựa vào kinh tế tự nhiên, các sản vật từ rừng để giải quyết tạm thời được cái đói. Cùng với đó, theo chủ trương của Huyện ủy, xã lập danh sách các trường hợp đặc biệt trình lên huyện để có biện pháp hỗ trợ con giống, quần áo, chăn chiếu....

Từ năm 1955, Ban Chi ủy lãnh đạo chính quyền, các ban ngành đoàn thể tuyên truyền sâu rộng về ý thức làm ăn tập thể tới quần chúng lao động. Hình thức các tổ đổi công được triển khai thực hiện ở hầu hết các thôn bản. Toàn xã có 7 tổ đổi công, mỗi tổ có từ 10-15 hộ gia đình. Trong thời gian đầu mới thành lập, các tổ này thực hiện đổi công từng việc, chủ yếu vào thời vụ, theo hình thức quay vòng từng vụ, giữa các hộ xã viên. Ban Chi ủy xác định rõ trách nhiệm của các cán bộ, đảng viên, nhất là các ủy viên Ban Nông hội trong việc trực tiếp hướng dẫn, giám sát xây dựng tổ đổi công. Qua giáo dục, tuyên truyền, thuyết phục, quần chúng đã từng bước nhận thức được lợi ích của hình thức sản xuất tập thể. Tuy nhiên, do các tổ đổi công được xây dựng quá nhanh nên các hộ xã viên chưa thích ứng ngay được, Ban Quản trị hợp tác xã còn thiếu kinh nghiệm, trình độ trong việc tổ chức quản lý, vì vậy đã xảy ra tình trạng như: một số hộ giàu vì bất mãn đi dân công đã có tụ tập thành một tổ riêng; tổ Khuổi Quần tổ chức cho đồng bào làm ruộng và đồng bào làm rẫy vào chung một tổ, hoạt động rời rạc, không thích đổi công với nhau, gây mâu thuẫn ảnh hưởng đến sản xuất.

1. Báo cáo ba tháng đầu năm 1955 từ ngày 10-12-1954 đến 10-3-1955 của huyện Na Rì. Lưu trữ tại Văn phòng Huyện ủy Na Rì.

2. Báo cáo số 12-BC/NR ngày 14-6-1957 về công tác 6 tháng đầu năm 1957. Lưu tại văn phòng Huyện ủy.

Ngành chăn nuôi được chú ý phát triển nhưng tăng trưởng chưa vững chắc do nguồn thức ăn cho chăn nuôi còn hạn chế, vệ sinh chuồng trại không được đảm bảo, các bệnh dịch thường xuyên xảy ra. Năm 1956, địa bàn xã xảy ra dịch bệnh đầy hơi ở trâu, bò, bệnh đóng dấu ở lợn và bệnh tụ huyết trùng ở gà. Vật nuôi chết nhiều, gây thiệt hại lớn.

Từ năm 1956-1958, Chi bộ xã Trung Thành tổ chức 2 lần Đại hội nhiệm kỳ 1956-1957 và 1957-1958. Ban Chi ủy xã được kiện toàn gồm 3 đồng chí: Hứa Văn Tàn giữ chức Bí thư, Nông Văn Mộ làm Phó Bí thư, Trần Đài là Chi ủy viên. Tính đến thời điểm ngày 22-12-1956, Chi bộ có 11 đảng viên. Qua phân loại đảng viên, có 5 đồng chí xếp loại A, 4 đồng chí xếp loại B, 2 đồng chí xếp loại C.

Từ ngày giải phóng miền Bắc tới khi tiến hành xong về cơ bản công tác cải cách dân chủ không chỉ là quãng thời gian đầy thăng trầm trong hoạt động của tổ chức Đảng mà còn là thời gian Ủy ban hành chính xã có nhiều biến động. Trong khi triển khai cải cách dân chủ, cũng như nhiều địa bàn khác ở huyện Na Rì, một số cán bộ trong Ủy ban hành chính phải nghỉ việc vì mắc thành phần giai cấp. Từ ngày 25-4 đến ngày 28-4-1957, Ban Chi ủy tổ chức họp quân - dân - chính Đảng nhằm kiện toàn Ủy ban hành chính và các ban ngành đoàn thể trong xã. Sau cuộc họp, đồng chí Hứa Văn Tàn được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Trần Đài đảm nhiệm vai trò Xã đội trưởng, đồng chí Hoàng Văn Quỳ - Trưởng Công an.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể xã tiếp tục phát

huy sức mạnh tập hợp quần chúng nhân dân trong các công việc chung. Mỗi bản đều có một đại diện tham gia các đoàn thể để phổ biến tình hình cho bà con. Lực lượng dân quân tiếp tục tập luyện chiến đấu, sẵn sàng cho các nhiệm vụ mới của cách mạng. Ban Công an xã tích cực làm nhiệm vụ bảo vệ nông thôn, trấn áp những hành động phá hoại, bảo vệ sản xuất, kho tàng, giao thông.

Tuy điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn nhưng Chi ủy, chính quyền xã vẫn luôn quan tâm, chăm lo đến công tác văn hóa - xã hội. Mặc dù điều kiện cơ sở vật chất cho học tập còn thiếu thốn, song con em trong xã vẫn theo học các lớp phổ thông tại Yên Lạc. Phong trào Bình dân học vụ từng bước được phục hồi. Hàng ngày, sau những buổi lao động, đông đảo phụ lão, trung niên, thanh niên đến lớp để xóa mù chữ. Tính đến cuối năm 1957, xã đã mở được lớp học ở cả 7 bản, xóa mù chữ cho 33 người.

Ban Y tế xã được kiện toàn lại tổ chức. Để phục vụ tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho bà con, cán bộ y tế xã được cử đi học các lớp tập huấn nghiệp vụ do Phòng y tế huyện tổ chức. Các cuộc vận động làm vệ sinh, thực hành khẩu hiệu “Ăn chín uống sôi”, “Sạch bản tốt ruộng”, được triển khai sâu rộng trong nhân dân. Năm 1957, theo nội dung chỉ đạo của Phòng Y tế huyện tại Hội nghị y tế huyện Na Rì, Đội thiếu nhi trường Cù Lễ đã tổ chức tổng vệ sinh được 2 lần ở khắp thôn, bản trong xã.

Từ năm 1956, đội văn nghệ ở các bản lần lượt được thành lập, tích cực tự biên, tự diễn các vở kịch với nội dung chủ yếu ca ngợi thắng lợi của cách mạng, đề cao tinh thần xây dựng đời sống mới, nhằm nâng cao đời sống tinh

thần cho đội chiếu bóng lưu động của tỉnh đến chiếu tại xã để phục vụ đồng bào. Qua các đêm giao lưu văn nghệ, các buổi xem phim chiếu bóng không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần mà còn có tác dụng lớn trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới đông đảo các tầng lớp nhân dân.

2. Tiến hành hợp tác hóa nông nghiệp, xây dựng quan hệ sản xuất mới (1958-1960)

Việc tham gia các tổ đổi công tạo điều kiện cho nông dân trong xã giải quyết được những khó khăn trước mắt về số lượng nhân công trong lúc thời vụ, khắc phục tình trạng thiếu công cụ lao động và hậu quả thiên tai. Từ nền tảng các tổ đổi công, bước sang năm 1958, thực hiện chủ trương của Trung ương, kế hoạch của Tỉnh ủy Bắc Kạn và Huyện ủy Na Rì, Chi bộ xã chủ trương tiến hành xây dựng hợp tác xã nông nghiệp¹. Ban đầu là các hợp tác xã bậc thấp, sau đó từng bước mở rộng quy mô hợp tác xã, phát triển thành hợp tác xã bậc cao². Tuy nhiên, khi bắt tay vào xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, một số đảng viên, quần chúng ở xã Trung Thành còn nghi ngờ con đường làm ăn tập thể, đứng ngoài nghe ngóng, không

1. Theo chỉ đạo của Huyện ủy, kế hoạch thành lập hợp tác xã gồm 3 bước: Bước 1: tuyên truyền học tập; Bước 2: bình ruộng đất, trâu bò vào hợp tác xã; Bước 3: bầu Ban Lãnh đạo và đặt kết quả quản lý hợp tác xã.

2. Thời kì hợp tác xã bậc thấp, tư liệu sản xuất (trâu, bò, ruộng, nông cụ...) vẫn thuộc sở hữu của xã viên, họ được hưởng hoa lợi theo số lượng đóng góp. Hợp tác xã bậc cao, toàn bộ tư liệu sản xuất thuộc sở hữu của tập thể.

muốn vào hợp tác xã.

Nhận thức được những khó khăn, từ năm 1958-1960, thông qua 3 kỳ Đại hội (1958-1959; 1959-1960; 1960-1961), Chi bộ xã Trung Thành đã đề ra các biện pháp nhằm phát triển đều khắp các tổ đổi công, từ đó xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Để trang bị về mặt tư tưởng, chính trị cho cán bộ, đảng viên trước khi thành lập hợp tác xã nông nghiệp, thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Giáo dục đảng viên nông thôn”, tháng 9-1958, Chi bộ xã Trung Thành cử một số cán bộ, đảng viên tham gia học tập tại các lớp huấn luyện do Huyện ủy Na Rì tổ chức. Các buổi học tập xác định rõ vai trò của cấp ủy Đảng trong công tác lãnh đạo phong trào đổi công, xây dựng hợp tác xã, đồng thời giúp cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc hơn con đường phát triển nông nghiệp theo hướng xã hội chủ nghĩa.

Đến cuối năm 1958, các tổ đổi công theo từng vụ, từng việc được nâng cấp thành các tổ có bình công chấm điểm, tạo thuận lợi cho quản lý sản xuất, phân công lao động và phân phối sản phẩm. Các tổ đổi công khá được khuyến khích phát triển làm nền tảng cho phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Việc tham gia ngày càng đông đảo của nhân dân trong xã vào tổ đổi công được xem như bước tập dượt cho quan hệ sản xuất mới, thúc đẩy cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động. Đến đầu năm 1959, toàn xã có 8 tổ đổi công với 87 hộ gia đình tham gia.

Trên cơ sở “tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ”, tháng 8-1959, sau khi đảm bảo đủ các điều kiện để thành lập, Hợp tác xã nông nghiệp Bản Pjây (gồm các

bản Cạm Mjầu, Phja Khao, Pò Pái, Khau Ngò) - hợp tác xã thí điểm ở Trung Thành đã ra đời. Tháng 9-1959, Hợp tác xã nông nghiệp Bản Pjây tổ chức Đại hội xã viên lần thứ nhất với nội dung chủ yếu bàn về phương hướng sản xuất và bầu Ban Quản trị, Ban Kiểm soát. Đồng chí Nông Văn Lập được bầu làm Chủ nhiệm, đồng chí Hoàng Đức Cầm - Phó Chủ nhiệm, đồng chí Mã Thiêm Tư làm Kế toán trưởng - Trưởng Ban Kiểm tra, đồng chí Nông Văn Đạt làm Kiểm soát.

Qua thực tiễn thí điểm xây dựng Hợp tác xã nông nghiệp Bản Pjây, phong trào hợp tác hóa trong nông nghiệp ở Trung Thành diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ. Tính đến năm 1960, bên cạnh Hợp tác xã nông nghiệp Bản Pjây, toàn xã đã xây dựng được thêm 2 hợp tác xã nông nghiệp:

Hợp tác xã Nà Dài (bản Nà Dài, Khuổi Khiếu), do đồng chí Chu Văn Thào làm Chủ nhiệm, Hợp tác xã Nà Ban (Bản Pò, Nà Lặng) do đồng chí Hoàng Văn Phòng làm Chủ nhiệm, ông Hoàng Văn Bào làm Kế toán trưởng.

Các hợp tác xã chủ yếu là hợp tác xã bậc thấp với quy mô nhỏ. Ruộng đất, trâu, bò, nông cụ lao động do hợp tác xã thống nhất quản lý và sử dụng nhưng trên thực tế vẫn thuộc sở hữu của hộ xã viên. Xã viên được hưởng từ 25-30% số hoa lợi tính theo giá trị tài sản mà họ đóng góp. Để hoạt động hiệu quả, mỗi hợp tác xã chia thành các đội sản xuất do các đội trưởng trực tiếp điều hành công việc hàng ngày cho xã viên bằng bình công chấm điểm. Hàng tuần, chủ nhiệm và kế toán các hợp tác xã tổ chức hội ý để nắm chắc tình hình và trao đổi kinh nghiệm, tìm những biện pháp đẩy mạnh phong trào.

Thực hiện chủ trương của Đảng “Hợp tác hóa phải gắn liền với cải tiến kỹ thuật, đẩy mạnh sản xuất”, từ khi mới thành lập, các hợp tác xã nông nghiệp ở Trung Thành quan tâm đẩy mạnh 3 khâu: Thủy lợi, thâm canh tăng năng suất và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác. Năm 1959, nhân dân trong xã bắt đầu thực hiện ủ mạ “Ba sôi, hai lạnh” và tổ chức cấy nhỏ đánh, cấy thẳng hàng, tình trạng cấy chạy từng bước được hạn chế. Giống lúa Nam Ninh cũng bắt đầu được gieo cấy tại các bản Pò Pái, Nà Ban, Khau Ngò và Cạm Mjầu. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu thực hiện hợp tác hóa nông nghiệp, năng suất lúa của các hợp tác xã trên địa bàn chưa có thay đổi nhiều so với trước đây, chỉ đạt 160 kg/bung. Trong chăn nuôi, tính đến năm 1960, toàn xã có 210 con trâu, bò, 269 con lợn, 3.145 con gia cầm.

Phong trào Bình dân học vụ, bổ túc văn hóa và giáo dục phổ thông đều được quan tâm phát triển. Các thầy cô giáo nhiệt tình, tâm huyết với nghề song số lượng có hạn, xã phải phát triển thêm đội ngũ giáo viên dân lập tại các bản, lương do nhân dân trả bằng thóc sau vụ thu hoạch. Với phương châm “Phòng bệnh hơn chữa bệnh”, dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của Phòng Y tế huyện, cán bộ y tế xã tiếp tục vận động nhân dân thực hiện vệ sinh phòng bệnh, vận động đào giếng, làm nhà tiêu 2 ngăn. Các thủ tục tang ma, cưới xin diễn ra trong nhiều ngày, rườm rà, tốn kém dần được hạn chế.

Để nâng cao sức mạnh lãnh đạo và năng lực quản lý của tổ chức Đảng, Chi bộ xã bồi dưỡng và kết nạp thêm 4 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên trong Chi bộ lên

15 đồng chí trong năm 1960. Công tác phê bình, chỉnh đốn tổ chức Đảng được duy trì thường xuyên trong Chi bộ. Tuy nhiên, trong công tác tổ chức Đảng còn gặp phải một số bất cập như: nhận thức chính trị của một bộ phận đảng viên còn mơ hồ, trình độ văn hóa chưa cao, kết nạp đảng viên còn ít chú ý đến đối tượng nữ và thành phần dân tộc thiểu số người Dao.

Công tác đoàn thể được chú trọng. Các phong trào “ba tìm, ba quản”, “học tập tinh thần làm việc xã hội chủ nghĩa”... được các đoàn viên, thanh niên hưởng ứng. Thanh niên đã đóng góp nhiều ngày công làm thủy lợi, đào giếng, làm phân xanh phục vụ sản xuất nông nghiệp. Cán bộ Đoàn Thanh niên xã được tham gia các lớp chính huấn về tư tưởng chính trị do Huyện đoàn tổ chức.

Hoạt động của Hội Phụ nữ đi vào nền nếp, có nhiều đóng góp trong phong trào hợp tác hóa, phát triển sản xuất, cải tiến kỹ thuật. Nhiều chị em tham gia hoạt động xã hội sôi nổi, đảm nhiệm một số vị trí chủ chốt ở các ban ngành trong xã. Việc củng cố mở rộng Mặt trận Tổ quốc được thực hiện. Mặt trận đã cùng với các đoàn thể khác tích cực tuyên truyền, giáo dục nhân dân ổn định tư tưởng, đoàn kết, thống nhất thực hiện và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Công tác giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn xã được thực hiện tốt. Tổ chức quán triệt và học tập Nghị quyết 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về việc trấn áp bọn phản cách mạng, Chỉ thị 51 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Cùng với việc học tập, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, chính quyền xã tăng

cường chỉ đạo lực lượng dân quân du kích và mạng lưới công an rà soát lại mọi mặt của địa phương, phân loại từng đối tượng. Với một số vũ khí đơn giản như súng trường, lựu đạn, lực lượng dân quân vẫn ngày đêm bảo vệ quê hương. Đồng chí Nông Văn Dư - Xã đội trưởng trực tiếp phụ trách huấn luyện cho các đội viên trong lực lượng dân quân. Ban Công an xã do đồng chí Hoàng Văn Nam làm Trưởng ban đã chỉ đạo thực hiện tốt công tác an ninh cơ sở, kịp thời ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực trong xã hội, giữ gìn trị an địa phương.

3. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong thời gian cải tạo quan hệ sản xuất, từ đầu năm 1961, Ban Chi ủy xã Trung Thành giao nhiệm vụ cho chính quyền chỉ đạo các hợp tác xã lên kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng năm, từng nhiệm kỳ, trên tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III về thực hiện kế hoạch nhiệm vụ 5 năm lần thứ I.

Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 1961-1965, xã Trung Thành gặp phải một số khó khăn: Cán bộ và xã viên chưa quen với cách quản lý, điều hành và hoạt động theo mô hình sản xuất tập thể; cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế; lối sản xuất manh mún, nhỏ lẻ vẫn còn cố hữu trong xã viên; sản xuất phụ thuộc vào thiên nhiên. Điều đó đòi hỏi tổ chức Đảng cần nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, nhất là công tác phát triển các hợp tác xã nông nghiệp ở Trung Thành.

Từ năm 1961-1963, Chi bộ xã Trung Thành tổ chức

3 lần Đại hội nhiệm kỳ 1961-1962, 1962-1963 và 1963-1964. Các kỳ Đại hội đề ra phương hướng phát triển trong giai đoạn tới là: “Lấy củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa là cơ sở để phát triển văn hóa, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)”. Các kỳ Đại hội bầu Ban Chi ủy khóa mới; trong đó đồng chí Nông Văn Mộng làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Văn Lập làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Nhằm từng bước mở rộng diện tích canh tác và tạo ra nguồn lương thực, thực phẩm từ những nơi đất đai cằn cỗi, dưới sự lãnh đạo của Chi ủy, xã viên trong các hợp tác xã ở Trung Thành còn tham gia tích cực vào phong trào “Tấn công lên đồi trọc”, thực hiện khẩu hiệu “Biến ruộng cạn thành ruộng nước” “biến ruộng một vụ thành ruộng hai vụ” các phong trào đã thu hút được đông đảo xã viên trong các đội sản xuất tham gia. Kết quả, 31 bung ruộng đồi trọc trở thành những khu vực trồng sắn, ngô, giúp nhân dân có thêm lương thực chống đói trong vụ giáp hạt.

Điều kiện phức tạp về mặt địa hình khiến nhiều cánh đồng trên địa bàn xã thường xuyên gặp khó khăn về nguồn nước, do đó, việc làm tốt công tác thủy lợi là nhiệm vụ cấp bách. Từ năm 1961-1962, địa phương đã huy động nhân lực, làm các phai dẫn nước Khuổi Quân, Phja Khao, Khau Ngòi, Cạm Mjầu. Kết quả, trong năm 1964, diện tích ruộng úng trong vụ mùa từng bước được thu hẹp.

Để thâm canh, tăng năng suất cây trồng, 2 hợp tác xã Nà Ban và Bản Pjây nghiên cứu, từng bước tiến tới thay thế những giống lúa cũ bằng một số giống mới có năng

suất cao, phù hợp với thổ nhưỡng trên địa bàn như: Nam Ninh, Khe Nam lùn. Các kỹ thuật xử lý giống “ba sôi hai lạnh”, kỹ thuật cấy dày (20x20) được phổ biến rộng rãi. Phong trào nuôi bèo hoa dâu, làm phân xanh, ủ phân chuồng được xã viên tham gia tích cực. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ xã là hai tổ chức làm nòng cốt, đi tiên phong trong phong trào làm phân bón và nuôi bèo hoa dâu.

Quy mô của các hợp tác xã được mở rộng khiến cho công tác quản lý trở nên phức tạp hơn, trong khi trình độ quản lý của cán bộ các hợp tác xã còn hạn chế đã ảnh hưởng nhất định đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân. Để khắc phục tình trạng này, công tác cải tiến quản lý hợp tác xã đòi hỏi phải được tiến hành nhanh chóng nhằm tạo ra những chuyển biến mới tích cực.

Trong năm 1963, Chi ủy xã chỉ đạo cho các cán bộ chuyên trách giám sát chặt chẽ chế độ “*Ba khoán*”, thực hiện chế độ tài vụ đúng nguyên tắc tài chính. Thực hiện dân chủ hóa và công khai kinh tế, hàng tháng, hàng vụ, hàng năm, hợp tác xã phải báo cáo tài chính công khai bằng văn bản đến từng đội sản xuất. Trong trường hợp cán bộ hợp tác xã tham nhũng sẽ bị xử lý nghiêm minh.

Sau khi tiến hành cải tiến quản lý hợp tác xã, về cơ bản, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ được nâng cao, các hộ xã viên gắn bó hơn với đồng ruộng theo tinh thần “Hợp tác xã là nhà, xã viên là chủ”, đồng thời tạo động lực cho phong trào sản xuất phát triển mạnh mẽ. Kết quả, năm 1964, năng suất lúa của 2 hợp tác xã trung bình đạt mức 180 kg/bung. Địa phương cũng đã trồng 705 ổng ngô, đạt sản lượng 31 tấn, 51.346 gốc sắn, đạt sản lượng

52 tấn.

Trồng trọt có những bước tiến nhất định tạo điều kiện cho chăn nuôi trên địa bàn xã phát triển. Phong trào làm chuồng trâu để bảo vệ trâu, đảm bảo sức kéo và lấy phân bón ruộng phát triển, toàn xã có trên 250 con trâu, bò. Trung bình, mỗi hộ gia đình nuôi 1 con, một số gia đình nuôi từ 2-3 con.

Sau khi đảm bảo điều kiện: Nông dân có giác ngộ chính trị tương đối khá và đòi hỏi tổ chức; cơ sở Đảng tương đối vững, có cán bộ tốt đảm bảo việc quản lý hợp tác xã, cuối năm 1963, hợp tác xã tín dụng được thành lập do ông Nông Văn Cửu làm Chủ nhiệm, ông Lâm Văn Xuân làm Thủ quỹ, ông Nông Thanh Sự làm Kế toán. Hợp tác xã tín dụng đã vận động được nhân dân đóng góp cổ phần, bình quân 3 đồng/hộ, đồng thời hợp tác xã tín dụng phụ trách cho xã viên vay vốn và thu nợ Ngân hàng Nhà nước. Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu mới thành lập, hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã tín dụng Trung Thành chưa cao do nguồn ngân sách địa phương hạn chế, đại bộ phận nhân dân còn nghèo khó.

Việc đẩy mạnh sản xuất lúa nương một cách không kiểm soát vô tình dẫn đến hậu quả nhiều cánh rừng bị tàn phá. Tình trạng đó diễn ra không chỉ ở xã Trung Thành mà còn xuất hiện ở nhiều xã khác trong huyện Na Rì, như Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đã nhận định: “Nạn phát rừng trồng lúa vẫn chưa giảm, trong khi đó, công tác trồng cây gây rừng là chủ yếu”¹. Trước tình hình đó, Ủy ban

1. Lịch sử Đảng bộ huyện Na Rì 1930-1975, tr.123.

hành chính xã đã chỉ đạo tổ chuyên bảo vệ rừng phối hợp với các đoàn thể thường xuyên tổ chức tuyên truyền công tác bảo vệ rừng, nhất là rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn hình thành các tổ chuyên trách khai thác, tu bổ và bảo vệ rừng. Tính riêng trong năm 1965, toàn xã đã trồng được 3.562 cây lấy gỗ các loại.

Là một trong những xã ở khu vực miền núi có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế, nhưng mật độ dân cư thưa thớt, xã Trung Thành được chỉ đạo là địa bàn đón nhận nhân dân miền xuôi đến khai hoang, xây dựng phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, năm 1963, có 10 hộ đồng bào Thái Bình lên xây dựng kinh tế mới ở bản Kéo Deng. Chính quyền xã đã phân công cụ thể các gia đình trong bản tiếp đón, giúp đỡ cho đồng bào chỗ ăn ở, hỗ trợ các vật dụng cần thiết cho sinh hoạt. Với tinh thần đùm bọc, tương thân tương ái, các hộ gia đình mới đến Trung Thành đã nhanh chóng thích ứng với điều kiện tự nhiên, ổn định sản xuất.

Trong công tác Đảng, từ năm 1964-1965, Chi bộ xã tiến hành 2 lần Đại hội nhiệm kỳ 1964-1965 và 1965-1966 với các nội dung tập trung chủ yếu vào mục tiêu phát triển các hợp tác xã. Đồng chí Nông Văn Mộ tiếp tục được bầu làm Bí thư Chi bộ. Những năm 1963-1964, phong trào cải tiến hợp tác xã chính là môi trường thuận lợi để tổ chức Đảng và các cán bộ, đảng viên rèn luyện, trưởng thành trong vai trò lãnh đạo, nghiêm khắc hơn trong công tác phê bình, tự phê bình. Một số quần chúng ưu tú trong các phong trào được giác ngộ lý tưởng cách mạng và xem xét kết nạp vào Đảng. Đến cuối năm 1964, toàn Chi bộ đã có

28 đảng viên.

Ngày 12-5-1964, Bộ Nội vụ ra Quyết định 150-NV về việc đổi tên một số xã ở tỉnh Bắc Kạn, theo đó, xã Trung Thành đổi tên thành xã Cự Lễ. Đồng chí Nông Văn Lập được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục phát huy được vai trò trong vận động nhân dân đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp.

Bộ máy chính quyền xã và các đoàn thể quần chúng từng bước vững mạnh có tác dụng tích cực đến công tác bảo vệ trật tự an ninh trên địa bàn. Ban Công an xã xử lý nghiêm một số trường hợp vi phạm pháp luật, nói xấu chế độ, phá cách mạng, bảo vệ trật tự trị an. Xã đội được tăng cường về lực lượng, trang bị thêm về vũ khí, sẵn sàng chiến đấu khi tình hình có những chuyển biến mới.

Sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế ở địa bàn Cự Lễ trong giai đoạn 1961-1965 có bước tiến nhất định. Năm 1965, được sự quan tâm chỉ đạo của Chi ủy, chính quyền và đóng góp của nhân dân, trường cấp I xã Cự Lễ được xây dựng ở khu đất Pò Duộng (Pò Pái), thay thế cho các lán học tạm trước đây, Hiệu trưởng là thầy Nông Văn Viên (người Lam Sơn). Trường gồm 4 phòng học, dựng bằng cột tre, mai, phên vầu và mái được lợp nứa, phục vụ 65-70 học sinh các lớp 1,2,3,4. Bên cạnh đó, các lớp bổ túc văn hóa cũng được duy trì nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho các đồng chí cán bộ, đảng viên. Các hoạt động văn hóa văn nghệ và thông tin có tác dụng tích cực trong việc tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, phục vụ các nhiệm vụ kinh tế, chính trị, xã hội

trên địa bàn xã.

Trong lúc cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Bắc nói chung và xã Cự Lễ nói riêng ra sức phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) thì đế quốc Mỹ ráo riết mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Quán triệt tinh thần chỉ thị về công tác phòng không và sẵn sàng chiến đấu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chi bộ xã Cự Lễ nhanh chóng chỉ đạo chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến.

II. VỪA XÂY DỰNG VỪA SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, TÍCH CỰC CHI VIÊN CHO CÁCH MẠNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

1. Vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu chống cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965-1968)

Trước tình hình đế quốc Mỹ ngày càng mở rộng quy mô chiến tranh trên miền Bắc, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tổ chức Hội nghị lần thứ 11 (tháng 3-1965), xác định nhiệm vụ cấp bách lúc này là phải “Kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế và tăng cường lực lượng quốc phòng cho hợp với tình hình mới”. Nhận rõ sự chuyển biến của tình hình, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái¹ và Huyện ủy Na Rì, Chi bộ Cự Lễ mở đợt sinh hoạt chính trị nhằm làm rõ cho cán bộ, đảng viên trong xã hiểu hơn về chủ trương của Đảng và

1. Từ năm 1965, 2 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn được sáp nhập thành tỉnh Bắc Thái.

nhiệm vụ của toàn dân tộc trong giai đoạn mới, từ đó nêu cao quyết tâm đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn của kẻ thù, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Qua đợt học tập chính trị, tinh thần “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” được nhân dân trong xã hưởng ứng nhiệt tình.

Từ năm 1966-1968, Chi bộ xã Cư Lễ tiến hành 3 lần Đại hội nhiệm kỳ 1966-1967, 1967-1968 và 1968-1969. Các kỳ Đại hội xác định phương hướng trước mắt là: chuyển kinh tế từ thời bình sang thời chiến, lãnh đạo nhân dân tiếp tục đẩy mạnh ba cuộc cách mạng về quan hệ sản xuất, khoa học kỹ thuật và tư tưởng văn hóa, đồng thời chuẩn bị phương án chiến đấu và di tản trong trường hợp máy bay Mỹ kéo đến đánh phá. Qua các kỳ Đại hội, Ban Chi ủy khóa mới được kiện toàn gồm 7 đồng chí, đồng chí Nông Công Mai được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Văn Lập làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Thực hiện công tác phòng không, sẵn sàng chiến đấu, lực lượng dân quân xã đã được củng cố bao gồm gần 100 đội viên với 1 trung đội trực chiến, 1 trung đội tại chỗ và 1 trung đội cơ động do đồng chí Nông Văn Dư Xã đội trưởng đứng đầu. Các bản đều có nơi trực chiến do tổ dân quân luân phiên canh gác cả ngày lẫn đêm. Ủy ban hành chính xã cũng tích cực tuyên truyền và vận động nhân dân trong xã đề cao tinh thần cảnh giác, kịp thời tìm nơi trú ẩn khi máy bay Mỹ đánh phá, tránh thiệt hại về người và của. Hưởng ứng cuộc vận động “Hũ gạo chống Mỹ”, hơn 100 hộ của xã đã tiết kiệm trong những tháng cuối năm 1965

được 83kg gạo¹. Số gạo ủng hộ tuy không lớn, song đã thể hiện được ý thức của đồng bào trong công tác chống chiến tranh phá hoại của Mỹ.

Bên cạnh việc tổ chức sẵn sàng chiến đấu, để tiếp tục củng cố hợp tác xã, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ lãnh đạo các hợp tác xã tiến hành cải tiến quản lý vòng 2. Cán bộ chủ chốt trong các hợp tác xã Nà Ban và bản Pjây được cử đi học, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý và kỹ thuật. Ban Quản trị các hợp tác xã lập kế hoạch quản lý và phân phối lao động, xếp bậc công việc, định tiêu chuẩn tính công, chi phí sản xuất cho từng ngành nghề. Công việc được phân công cụ thể, rõ ràng, hạn chế tình trạng chùng chẻo, góp phần tiết kiệm thời gian, công sức và nâng cao hiệu quả lao động. Qua cải tiến vòng 2, các hợp tác xã đẩy mạnh việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng quy hoạch đồng ruộng và hệ thống thủy nông...

Việc cải tiến nông cụ đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia tạo thành phong trào sâu rộng cụ thể như: bừa, cào cỏ, gàu guồng, cào lao đất, kéo cắt đất... Hưởng ứng cuộc phát động “Toàn Đảng toàn dân làm công tác thủy lợi”, từ năm 1967-1968, các hợp tác xã huy động nhân công làm hồ Kéo Còi. Công trình hoàn thành góp phần đảm bảo nước tưới cho hàng trăm bung ruộng tại Khau An, Khau Ngò.

Do làm tốt công tác quản lý hợp tác xã, thâm canh tăng năng suất, đưa khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng nên

1. Lịch sử Đảng bộ huyện Na Rì 1930-1975, tr.145.

năng suất lúa của xã tăng lên so với giai đoạn trước, đạt 200 kg/bung (năm 1968). Sau khi phân chia cho xã viên theo công điểm, xã Cư Lễ làm nghĩa vụ cho Nhà nước từ 13-15 tấn lương thực/năm.

Trong chăn nuôi, hệ thống chuồng, trại ở các hợp tác xã được xây dựng đảm bảo kỹ thuật. Công tác phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm được tiến hành thường xuyên, nên các loại dịch bệnh được phát hiện và xử lý kịp thời. Đến năm 1967, toàn xã đã có 275 con trâu, bò và 311 con lợn và 4.681 con gà, vịt. Cùng với đó, được sự chỉ đạo của Chi ủy, các tổ chức quần chúng như Hội Phụ nữ, Hội Nông dân... đã tổ chức phong trào đăng ký “Bán lợn phòng không” được đông đảo nhân dân hưởng ứng.

Bên cạnh trồng trọt và chăn nuôi, lâm nghiệp của xã cũng giữ vị trí quan trọng nhằm khai thác và phát huy những tiềm năng của tài nguyên trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, công tác bảo vệ rừng còn hạn chế, nạn phá rừng đốt nương làm rẫy vẫn diễn ra. Nguyên nhân chủ yếu là do sự giám sát thiếu chặt chẽ của cấp ủy Đảng và chính quyền, cùng với đó, đồng bào vẫn duy trì tập quán canh tác lạc hậu, chưa có ý thức trong bảo vệ rừng.

Trước thực trạng đó, năm 1967, Đảng bộ huyện Na Rì triển khai tổ chức Hội nghị gồm 20 đại biểu của bốn xã: Cư Lễ, Lương Hạ, Kim Lư, Lam Sơn về thực hiện cuộc vận động định canh, định cư. Kết thúc Hội nghị, các đoàn khảo sát, vận động được thành lập đã nhanh chóng tỏa xuống địa bàn tổ chức tuyên truyền, thuyết phục để

hiểu, cùng với việc làm cụ thể giúp đỡ đồng bào về ruộng đất, trâu cày, công cụ sản xuất. Nhiều hộ du canh, du cư sau khi nghe cán bộ tuyên truyền đã từng bước từ bỏ thói quen cũ để đi định canh, định cư lâu dài tại địa phương.¹

Công tác giáo dục ở Cư Lễ trong những năm 1965-1968 gặp rất nhiều khó khăn do trường học phải sơ tán vào sâu trong các bản. Mỗi lớp học trong một cái lán, lợp bằng tranh rạ hoặc lá mía, bốn phía đắp thành bằng đất cao từ 2-3m, dày 1,2-1,5m; xung quanh là hào giao thông sâu từ 1,2-1,5m và nhiều hầm trú ẩn. Học sinh khi đi học đều đội mũ rơm để phòng tránh bom đạn của địch.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ngày càng được cải thiện. Cán bộ y tế giúp nhân dân làm tốt công tác phòng và chữa bệnh, xây dựng 3 công trình vệ sinh (nhà tắm, giếng nước và nhà tiêu), thường xuyên vận động ăn chín, uống sôi, nằm màn chống muỗi.

Các hoạt động thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh. Ban Thông tin xã tích cực tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước cùng nhiệm vụ chính trị của địa phương cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Phong trào văn nghệ quần chúng thường xuyên được tổ chức, nhất là trong các ngày lễ, tết, ngày kỷ niệm của dân tộc. Hoạt động rèn luyện thể dục thể thao cũng được phát triển ở hầu khắp các đội sản xuất.

Trên mặt trận an ninh quốc phòng, phong trào thực

1. Trong năm 1967, 4 xã Lương Hạ, Kim Lư, Cư Lễ, Lam Sơn đã giúp đỡ 134 hộ đồng bào người Dao với 617 nhân khẩu sống định canh, định cư.

hiện 7 nội dung bảo vệ trị an nông thôn, thực hiện khẩu hiệu “Ba không” (không biết, không nghe, không thấy) được đông đảo nhân dân ủng hộ. Tinh thần cảnh giác cách mạng của nhân dân được nâng cao, an ninh trật tự được giữ vững. Trong khi đó, từ năm 1965-1968, xã đã tổ chức được 8 đợt tuyển quân với tổng số 21 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Về công tác xây dựng Đảng, cuộc vận động xây dựng Chi bộ, đảng viên “Bốn tốt” tiếp tục được đẩy mạnh. Đảng viên tiến hành tự phê bình và phê bình, nghiêm túc phát hiện và sửa sai, khắc phục những hạn chế. Qua đợt kiểm tra dân chủ, phong trào ở một số tổ Đảng yếu kém có chuyển biến tích cực. Từ năm 1965-1968, Chi bộ xã Cư Lễ đã tổ chức lễ kết nạp cho 12 quần chúng ưu tú vào Đảng, nâng số lượng đảng viên lên 37 đồng chí.

Bên cạnh đó, Chi bộ cũng rất quan tâm tới việc xây dựng chính quyền và đẩy mạnh vận động quần chúng. Từ năm 1965-1967, đảm nhiệm chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã là đồng chí Nông Văn Lập. Cuối năm 1967, thực hiện Chỉ thị số 143-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Chi ủy xã Cư Lễ tổ chức tuyên truyền, vận động cử tri hăng hái đi bầu cử. Đồng chí Nông Văn Lập tiếp tục được Hội đồng nhân dân xã khóa mới tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Mặt trận Tổ quốc xã động viên các đoàn thể thành viên và nhân dân hăng hái tham gia các phong trào trong sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Hưởng ứng phong trào “Ba sẵn sàng”, đoàn viên, thanh niên Cư Lễ đi đầu nhận

những công việc, nhiệm vụ khó khăn, gian khổ, xung phong ghi tên tình nguyện thực hiện vượt mức kế hoạch 5 năm, phong trào “thanh niên cấy thêm hai bó mạ”, làm phân, tham gia làm thủy lợi... Đoàn Thanh niên xã còn đẩy lên phong trào vận động đăng ký tình nguyện xung phong đi bộ đội. Hội Phụ nữ xã tiếp tục thực hiện phong trào “Ba đảm đang”, khắc phục mọi khó khăn, đảm nhận chăm lo tốt mọi công việc để chồng con yên tâm lên đường chiến đấu. Với những thành tích đã đạt được, Hội Phụ nữ xã Cư Lễ là một trong 4 xã¹ được huyện công nhận đạt tiêu chuẩn “3 đảm đang”.

2. Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ (1969-1972)

Thất bại liên tiếp ở cả 2 miền Nam - Bắc, Tổng thống Mỹ Giôn-xơn buộc phải tuyên bố “chấm dứt mọi việc ném bom bằng không quân, hải quân và bắn phá bằng pháo binh chống miền Bắc Việt Nam bắt đầu từ ngày 1-11-1968” và đề nghị đàm phán với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nhằm giải quyết vấn đề chiến tranh Việt Nam.

Từ năm 1969-1971, Chi bộ xã Cư Lễ tiến hành 2 lần Đại hội nhiệm kỳ 1969-1970 và 1970-1971. Các kỳ Đại hội đều đề ra phương hướng chỉ đạo chuyển hướng các hoạt động của xã từ thời chiến sang thời bình, sát sao trong công tác củng cố tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể, động viên nhân dân đẩy mạnh phát triển kinh

1. 4 xã gồm: Cư Lễ, Côn Minh, Hữu Thác, Kim Lư.

tế, văn hóa - xã hội, làm hậu phương vững chắc cho tiền tuyến miền Nam. Đồng chí Nông Công Mai được các kỳ Đại hội bầu làm Bí thư Chi bộ.

Để nâng cao ý thức làm chủ trong xã viên, từ năm 1969, Chi ủy chỉ đạo tổ chức một cuộc vận động lớn về học tập và thực hiện Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao cho bà con xã viên. Ở các bản, quần chúng được tham gia bàn bạc, xây dựng phương hướng sản xuất, phân phối. Phong trào hợp tác xã sau khi thực hiện Điều lệ mới được củng cố, tinh thần làm chủ tập thể của xã viên, tình đoàn kết, tương trợ nhau trong nội bộ hợp tác xã được nâng lên.

Giữa lúc phong trào thi đua lao động sản xuất đang diễn ra sôi nổi và giành được nhiều thắng lợi thì ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam qua đời. Trong niềm tiếc thương vô hạn, Chi bộ và nhân dân xã Cư Lễ tổ chức trọng thể lễ truy điệu và để tang Người. Chấp hành Chỉ thị số 134-CT/TW của Trung ương Đảng và Nghị quyết của Tỉnh ủy, Chi bộ phát động rộng rãi đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Cư Lễ cùng nhân dân cả nước đoàn kết, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ khôi phục, phát triển kinh tế và góp sức chi viện cho miền Nam.

Để thúc đẩy hoạt động sản xuất phát triển, Chi bộ xã tập trung lãnh đạo tăng cường củng cố hợp tác xã. Đến năm 1971, xã Cư Lễ đã thu hút 62% số hộ dân tham gia

vào các hợp tác xã¹. Để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý, đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, đội ngũ cán bộ quản lý thường xuyên được kiện toàn, Ban Chủ nhiệm hợp tác xã được học các lớp bồi dưỡng quản lý do huyện tổ chức, học tập Nghị quyết 149-CP ngày 17-8-1970 của Hội đồng Chính phủ về “Cuộc vận động phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, phát triển mạnh mẽ, vững chắc”.

Việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất được nông dân thực hiện có hiệu quả. Trên 50% diện tích gieo trồng toàn xã được đưa các loại giống mới có năng suất cao vào canh tác, kết hợp với bón phân. Theo chủ trương của huyện, đẩy mạnh mở rộng diện tích cây trồng vụ đông, năm 1969, xã hoàn thành nhiệm vụ thu lương thực vụ đông đạt 100,3% chỉ tiêu được giao, được Huyện ủy tuyên dương. Nhờ thực hiện đầy đủ các khâu sản xuất, thời tiết thuận lợi nên sản lượng lương thực không ngừng tăng, đến năm 1971, toàn xã thu hoạch được 211 tấn thóc, 73 tấn ngô, 29 tấn sắn, bình quân lương thực đạt 19 kg/người/tháng.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, năm 1969, Chi bộ lãnh đạo công tác định canh định cư, tập trung vận động đồng bào Dao tại các bản vùng cao (sống chủ yếu bằng nghề làm nương rẫy) “hạ sơn” xuống vùng thấp. Qua cuộc vận động, các bản trong diện đã lập được quy hoạch tổng thể,

1. Báo cáo của Huyện ủy Na Rì trước Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ VII, ngày 26-2-1971. Lưu tại văn phòng Huyện ủy.

khai hoang thêm hàng chục hecta ruộng nước, làm mới và cải tạo một số tuyến đường dân sinh, góp phần đưa sản xuất và đời sống của đồng bào bước đầu ổn định, có mặt được cải thiện.

Từ năm 1971-1972, Chi bộ xã tiến hành 2 lần Đại hội nhiệm kỳ 1971-1972 và 1972-1973. Các kỳ Đại hội đã kiểm điểm công tác lãnh đạo qua từng nhiệm kỳ, đồng thời đề ra phương hướng cho nhiệm kỳ tới nhằm tích cực cải tạo đồng ruộng, xây dựng các công trình thủy lợi; thực hiện tốt cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh. Các kỳ Đại hội đều bầu Ban Chi ủy khóa mới, đồng chí Nông Công Mai được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Văn Lập làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 195-NQ/TW và Chỉ thị 175-CT/TW của Bộ Chính trị về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên”, với phương châm của cuộc vận động “nâng từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài”. Đặc biệt, xã Cự Lễ được Huyện ủy chọn là nơi thí điểm học tập “nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân” vì vậy, công tác xây dựng Đảng của Chi bộ xã Cự Lễ đã đạt được những kết quả tích cực. Quần chúng ưu tú trong lao động sản xuất và chiến đấu, có phẩm chất chính trị vững vàng tiếp tục được Chi bộ xem xét đứng vào hàng ngũ của Đảng. Tính đến năm 1970, Chi bộ xã Cự Lễ có tổng số 39 đảng viên. Thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ việc kiểm điểm, phân loại đảng viên, toàn Chi bộ có 17 đảng viên “Bốn tốt”, 10 đảng viên đạt loại khá, 9 đảng viên trung bình và 3 đảng viên thuộc loại kém. Các đảng

viên xếp loại trung bình và yếu kém được tăng cường bồi dưỡng, giáo dục chính trị, tư tưởng để nhận thức rõ sai lầm, khuyết điểm, phấn đấu rèn luyện trở thành đảng viên khá và “Bốn tốt”.

Trong việc củng cố chính quyền, Chi ủy lựa chọn và giới thiệu các đồng chí đảng viên có năng lực, uy tín tham gia Hội đồng nhân dân, sau đó Hội đồng nhân dân tiếp tục bầu các chức danh chủ chốt trong Ủy ban hành chính xã. Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Phụ lão... tiếp tục tăng cường các hoạt động, thu hút, lôi cuốn hội viên và quần chúng nhân dân tích cực tham gia các phong trào “bán lợn phòng không”, “hũ gạo chống Mỹ”, “ba sẵn sàng”, “thanh niên ghi tên tòng quân, chống Mỹ, cứu nước” (Đoàn Thanh niên), “ba đảm đang”, “trung hậu, đảm đang chống Mỹ cứu nước” (Hội Phụ nữ), “ba hăng hái”, “ba giỏi” (Hội Phụ lão). Cùng với việc động viên mọi tầng lớp nhân dân đẩy mạnh sản xuất, Chi ủy, chính quyền và các đoàn thể quan tâm giúp đỡ, thăm hỏi, ưu tiên phân phối hàng hóa cho những gia đình có người đi bộ đội, gia đình thương binh, liệt sỹ, tạo điều kiện cho những người nhập ngũ yên tâm chiến đấu.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội phát triển theo hướng tích cực, lành mạnh. Phong trào văn nghệ quần chúng diễn ra sôi động với nhiều hình thức phong phú; nếp sống văn hóa mới được xác lập, những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan bị phê phán nghiêm khắc. Ngành giáo dục đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt” (dạy tốt - học tốt), tăng cường chất lượng đội ngũ giáo viên và chất lượng học tập, rèn luyện của học sinh. Năm 1972 trường cấp II Cự Lễ được

thành lập do thầy giáo Lâm Ngọc Doãn làm Hiệu trưởng. Trường có 2 lớp học với gần 70 học sinh. Phong trào lao động, vệ sinh trường lớp thường xuyên được nhà trường phát động. Ở các hợp tác xã đều có các tổ măng non, nuôi dạy trẻ để xã viên yên tâm lao động sản xuất. Tuy nhiên thời gian này, một sự cố hỏa hoạn đã xảy ra với trường cấp I Cư Lễ, các phòng học, trang thiết bị dạy học và cơ sở vật chất của trường bị cháy hết. Trước tình hình đó, trường được chuyển về địa điểm thôn Khau An (hiện nay là khu trụ sở Ủy ban nhân dân xã). Về y tế, công tác vệ sinh phòng bệnh được thực hiện với các phong trào xây dựng 3 công trình vệ sinh (giếng nước, nhà tiêu và nhà tắm hợp vệ sinh) và vận động nhân dân ăn sạch, ở sạch, làm chuồng trại xa nhà.

Giai đoạn 1969-1972, xã luôn đạt và vượt mức chỉ tiêu giao quân với trên 20 thanh niên nhập ngũ. Trong đó, tiêu biểu là gia đình ông Nguyễn Duy Thản có 4 người thân, gia đình ông Nông Văn Tèm có 3 người thân lên đường nhập ngũ. Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “cuộc vận động xây dựng, củng cố lực lượng dân quân tự vệ”, Chi ủy xã đã chăm lo đến công tác phát triển lực lượng vũ trang, cử cấp ủy viên sang phụ trách dân quân. Cán bộ xã đội thường xuyên được tham gia học tập chính trị và các buổi huấn luyện chiến thuật, kỹ thuật rà phá bom mìn, bắn máy bay địch bằng súng bộ binh...

Từ tháng 4-1972, đế quốc Mỹ phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai. Trước tình hình đó, địa phương nhanh chóng chuyển hướng từ thời bình sang thời chiến. Dân quân được tổ chức thành các lực lượng:

cơ động, chiến đấu tại chỗ, phục vụ chiến đấu. Công tác phòng không sơ tán được thực hiện triệt để. Hệ thống loa đài, mạng lưới thông tin liên lạc, giao thông, cứu thương, cứu sập được kiểm tra lại. Vừa sẵn sàng chiến đấu, vừa sản xuất. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân Cư Lễ đều bám ruộng đồng, đẩy mạnh chăn nuôi. Việc thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước, chi viện cho tiền tuyến miền Nam vẫn đảm bảo.

Với thất bại nặng nề trong trận “Điện Biên Phủ trên không”, ngày 18-29/12/1972, Chính phủ Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom toàn miền Bắc và đề nghị nối lại đàm phán ở Pa-ri. Ngày 27-1-1973, Hiệp định về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam chính thức được kí kết.

3. Đẩy mạnh chi viện cho tiền tuyến đến ngày toàn thắng (1973-1975)

Sau khi Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, cùng với nhân dân miền Bắc, nhân dân xã Cư Lễ bước vào công cuộc đẩy mạnh phát triển kinh tế, làm hậu phương vững chắc cho tiền tuyến lớn miền Nam. Bên cạnh những thuận lợi cơ bản, xã Cư Lễ cũng gặp những khó khăn nhất định: Yêu cầu về khôi phục sản xuất, ổn định đời sống nhân dân rất khẩn trương nhưng vật tư, tiền vốn có hạn, thời tiết diễn biến thất thường làm hư hỏng nhiều nhà cửa, lúa và hoa màu. Vượt qua những khó khăn, thử thách, cấp ủy Đảng chỉ đạo chính quyền và các tổ chức đoàn thể giúp đỡ nhân dân khắc phục khó khăn, ổn định đời sống.

Từ năm 1973-1975, Chi bộ xã Cư Lễ tiến hành 2 lần

Đại hội nhiệm kỳ 1973-1974 và 1974-1975. Các kỳ Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới và khẳng định trong những năm 1971-1973, Chi bộ và nhân dân trong xã đã phát huy truyền thống đoàn kết, nỗ lực vượt qua nhiều khó khăn và từng bước đưa phong trào mọi mặt tiến lên. Hai kỳ Đại hội bầu đồng chí do đồng chí Nông Công Mai giữ chức Bí thư Chi bộ, đồng chí Nông Văn Lập làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Xác định năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng là điều kiện quyết định sự thành bại của việc thực hiện các nhiệm vụ ở địa phương, Chi ủy xã tiếp tục triển khai học tập và thực hiện Nghị quyết số 195-NQ/TW và Chỉ thị số 192-CT/TW qua đó nâng cao tinh thần, trách nhiệm của đảng viên. Trình độ lý luận chính trị, chuyên môn của đảng viên trong từng chi bộ từng bước được nâng cao. Các kỳ sinh hoạt Đảng được duy trì đều đặn nhằm tăng cường khối đoàn kết trong nội bộ Đảng. Bên cạnh đó, Chi ủy tiếp tục tổ chức giáo dục, bồi dưỡng lý luận nhận thức về Đảng, chủ nghĩa Mác - Lênin, mục đích lý tưởng cách mạng cho các đối tượng Đảng, qua đó lựa chọn những quần chúng ưu tú đưa vào hàng ngũ Đảng, đặc biệt là lớp đảng viên Hồ Chí Minh. Trong 3 năm (1973-1975), Chi bộ kết nạp được 7 đảng viên mới, nâng tổng số đảng viên lên 46 đồng chí.

Cùng với sự trưởng thành của tổ chức Đảng, bộ máy chính quyền và các đoàn thể không ngừng được củng cố, kiện toàn. Hội đồng nhân dân xã tiến hành bầu các đồng chí có năng lực, trách nhiệm, được Chi bộ và nhân dân tín nhiệm giữ các chức vụ chủ chốt trong Ủy ban hành chính

xã. Chính quyền xã phát huy có hiệu quả chức năng quản lý Nhà nước. Mặt trận Tổ quốc giữ vai trò chủ đạo trong việc tập hợp các tổ chức chính trị tiến hành các hoạt động thiết thực, vận động nhân dân tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Thực hiện Nghị quyết số 229-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Cư Lễ đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, trọng tâm là cây lương thực và phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi lợn với phương châm coi trọng sản xuất toàn diện, thâm canh tăng năng suất, phát triển chăn nuôi.

Công tác nâng cao hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp được quan tâm. Hợp tác xã xây dựng được phương hướng, kế hoạch sản xuất tương đối phù hợp với chủ trương của tỉnh, huyện. Cơ sở vật chất, kỹ thuật của hợp tác xã được đầu tư, mở rộng. Tinh thần làm chủ tập thể của xã viên được nâng cao. Đại đa số xã viên tin tưởng vào con đường làm ăn tập thể, số hộ xin ra làm ăn riêng lẻ chỉ chiếm một phần không đáng kể. Đến năm 1975, diện tích canh tác toàn xã là 75ha. Năng suất lúa bình quân đạt 2,2 tấn/ha. Ngoài lúa, các loại cây hoa màu như sắn, ngô, khoai lang tiếp tục được mở rộng diện tích và cho thu hoạch khá.

Trong chăn nuôi, để phát triển đàn lợn, hợp tác xã được hỗ trợ vay vốn để mua thức ăn chăn nuôi cho trang trại lợn. Các loại gia súc lớn (trâu, bò) cũng được nuôi để lấy sức kéo trong sản xuất nông nghiệp.

Về quốc phòng - an ninh, Ban Công an xã kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp gây rối,

những phần tử phản động, âm mưu phá vỡ khối đoàn kết toàn dân, giữ vững trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Lực lượng dân quân vừa tích cực lao động sản xuất, vừa thường xuyên luyện tập, đảm bảo bảo vệ chính quyền và sẵn sàng chiến đấu khi có nhiệm vụ cách mạng mới.

Trong điều kiện hòa bình, các mặt văn hóa - xã hội ở xã có điều kiện phát triển hơn trước. Mạng lưới loa truyền thanh được tăng cường, thường xuyên thông báo chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tới đông đảo nhân dân. Những nhiệm vụ trọng tâm của huyện, xã, những tin tức chiến đấu của quân và dân ta trên chiến trường được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân, góp phần động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất, chi viện cho chiến trường miền Nam.

Trong giáo dục, phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt” tiếp tục được duy trì. Các lớp học của trường cấp I được tu sửa lại khang trang hơn. Phong trào bổ túc văn hóa tiếp tục thu hút thanh niên, phụ nữ, cán bộ theo học đông đảo. Trong công tác bảo vệ sức khỏe nhân dân, cán bộ y tế xã tích cực thực hiện những chương trình y tế cộng đồng, tổ chức tiêm chủng phòng chống dịch bệnh, bảo đảm phát hiện và dập tắt kịp thời các dịch bệnh xảy ra trên địa bàn.

Ngày 30-4-1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của cả dân tộc Việt Nam kết thúc thắng lợi. Trong không khí tung bừng, phấn khởi, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Cư Lễ sôi nổi treo cờ, biểu ngữ, tổ chức mít tinh mừng chiến thắng.

Trải qua 21 năm tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Cư Lễ, nhân dân và lực lượng vũ trang địa phương luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, từ đó phát huy mạnh mẽ truyền thống yêu nước, từng bước xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, vừa đảm bảo ổn định đời sống, vừa bảo đảm sức người, sức của đóng góp cho sự nghiệp kháng chiến. Với ý chí “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, từ năm 1965-1975, đã có nhiều người con của quê hương Cư Lễ đã lên đường nhập ngũ, trong đó, nhiều người đã anh dũng hy sinh ngoài mặt trận như Nông Quốc Phong, Vi Văn Niệm, Đàm Quang Di, Nông Văn Dâu, Triệu Phúc Thanh, nhiều đồng chí đã để lại một phần xương máu trên chiến trường. Cùng với đó, ở hậu phương, cán bộ, đảng viên và nhân dân tích cực lao động sản xuất đảm bảo đóng góp đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước.

Có được những thành tích trên là nhờ vào tinh thần yêu nước, sự đoàn kết chiến đấu, lao động sản xuất của nhân dân xã nhà, nhờ vào đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam mà trực tiếp là Chi bộ Đảng xã Cư Lễ. Hơn 20 năm lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, Chi bộ xã luôn lấy công tác xây dựng Đảng làm then chốt. Cuộc vận động xây dựng Đảng “Bốn tốt”. Các đợt học tập nghị quyết của Trung ương Đảng, các lớp đào tạo, bồi dưỡng đảng viên... đã thực sự làm cho Chi bộ ngày càng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Hầu hết cán bộ, đảng viên đều nêu cao phẩm chất đạo đức cách mạng, gương mẫu trong tư tưởng

và hành động, kịp thời đấu tranh khắc phục những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, mất đoàn kết nội bộ. Chi bộ thực sự trở thành trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân, trở thành cầu nối giữa Đảng với quần chúng. Từ đó, đã huy động được sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi những mục tiêu cách mạng do Trung ương Đảng đề ra.

Chương IV

CƠ LỄ TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI (1975-1995)

I. KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI SAU CHIẾN TRANH, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU BẢO VỆ TỔ QUỐC (1975-1985)

1. Đảng bộ xã Cư Lễ lãnh đạo nhân dân khôi phục và phát triển kinh tế, bước đầu đổi mới cơ chế quản lý trong sản xuất nông nghiệp

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 thắng lợi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc, đưa cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới - thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Tháng 8-1975, Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã họp đánh giá tình hình và xác định nhiệm vụ cách mạng của nước ta trong giai đoạn mới: “Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ

nghĩa xã hội”¹.

Hòa chung với cả nước trong niềm vui chiến thắng, đồng thời quán triệt tinh thần Nghị quyết của Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (tháng 11-1975), Chi bộ Đảng xã Cư Lễ tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1975-1976. Trong bối cảnh mới, Đại hội xác định: Thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước một lần nữa khẳng định niềm tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng. Trải qua hai cuộc kháng chiến đầy gian khổ của dân tộc đã tôi luyện cho con người Cư Lễ bản lĩnh vững vàng, trong thời kỳ mới tiếp tục phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng, đoàn kết, cần cù trong lao động sản xuất, tổ chức chính quyền và các ban, ngành, các đoàn thể không ngừng được củng cố. Tuy nhiên, con đường đi lên của Cư Lễ còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại cần giải quyết: Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu, nhất là về hệ thống giao thông. Sản xuất vẫn mang nặng tính tự cung, tự cấp làm cho nền kinh tế trì trệ, chậm phát triển. Trong khi đó, trình độ chuyên môn của cán bộ còn thấp, thiếu tính sáng tạo trong chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống nhân dân và việc hoàn thành mục tiêu, kế hoạch đề ra. Kịch bản về tổ chức Đảng, Đại hội bầu Ban Chi ủy nhiệm kỳ mới gồm 5 đồng chí, trong đó đồng chí Nông Công Mai được bầu giữ chức Bí thư Chi bộ; đồng chí Nông Văn Lập là Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 36, Nxb. Chính trị Quốc gia, năm 2004.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã nhiệm kỳ 1975-1976, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế địa phương, Chi bộ, chính quyền và hợp tác xã tập trung mọi nguồn lực, chỉ đạo công tác khôi phục kinh tế, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, mở rộng diện tích canh tác, gieo trồng. Tuy nhiên, do những khó khăn chung, cộng thêm diễn biến thất thường của thời tiết những tháng cuối năm 1975 đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp của xã.

Bước sang năm 1976, năm cả nước diễn ra nhiều sự kiện lớn, trong đó có cuộc bầu cử Quốc hội khóa VI tổ chức ngày 25-4-1976. Cử tri toàn xã Cư Lễ đã tích cực tham cuộc bầu cử, góp phần vào thành công của cuộc Tổng tuyển cử nước Việt Nam độc lập, thống nhất. Tiếp đó, tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng ta được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa hội trên phạm vi cả nước, trong đó nhiệm vụ trước mắt là thực hiện kế hoạch Nhà nước về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm lần thứ hai (1976-1980).

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV và đặc biệt là sự chỉ đạo của Đảng bộ huyện Na Rì qua các khóa VIII (1977-1979), IX (1980-1982), Chi bộ xã Cư Lễ tích cực chỉ đạo các hợp tác xã nông nghiệp đẩy mạnh sản xuất, từng bước khắc phục khó khăn do thiếu giống, thiếu cơ sở vật chất và thời tiết gây ra. Đặc biệt, trên cơ sở sự phát triển của tổ chức Đảng ở địa phương, đồng thời nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng về tất cả các mặt, ngày 3-3-1977, Ban Thường vụ

Huyện ủy Na Rì ra Quyết nghị số 11 công nhận việc thành lập Đảng bộ xã Cur Lễ gồm 3 chi bộ trực thuộc là: Bản Pjây; Na Ban và trường cấp I, II. Trên cơ sở đó, ngày 6-3-1977, xã Cur Lễ tổ chức Đại hội công bố quyết định thành lập Đảng bộ hai cấp. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa I, nhiệm kỳ 1977-1978, gồm 7 đồng chí. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu đồng chí Nông Công Mai làm Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nông Văn Lập - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân)¹; đồng chí Lâm Văn Xuân - Thường trực Đảng ủy; các đồng chí: Nông Văn Lưu, Nông Văn Mộng, Hoàng Văn Nam và Hoàng Văn Bào là Đảng ủy viên.

Tiếp đó, đến tháng 6-1978, Đại hội Đảng bộ xã Cur Lễ lần thứ II, nhiệm kỳ 1978-1980, được tổ chức tại trụ sở Ủy ban nhân dân. Ban Chấp hành Đảng bộ xã khóa mới được bầu gồm 7 đồng chí do đồng chí Nông Văn Hàm làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nông Văn Dư làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Chủ trương trọng tâm, xuyên suốt của Đảng bộ xã Cur Lễ giai đoạn này là: phát triển kinh tế nông nghiệp - lâm nghiệp, tăng sản lượng lúa, màu; chú trọng đến chăn nuôi; đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu huyện giao. Bên cạnh đó, tiếp tục quan tâm chăm lo công tác chính quyền, các tổ chức đoàn thể; phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội;

1. Tháng 7-1976, Quốc hội khóa VI quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Ủy ban hành chính các cấp đổi gọi là Ủy ban nhân dân các cấp.

không ngừng củng cố quốc phòng - an ninh, sẵn sàng bảo vệ chủ quyền lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

Trong nông nghiệp, Đảng bộ, chính quyền xã chủ trương phát động các phong trào thi đua lấy thành tích cao trong lao động sản xuất. Các hợp tác xã Bản Pjây, Na Ban thực hiện cải tiến công tác quản lý, tiếp thu khoa học kỹ thuật, thay đổi cơ cấu giống lúa. Chính quyền xã huy động nhân lực tổ chức cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi mương phai, đảm bảo nguồn nước cho sản xuất. Tuy nhiên, vụ mùa năm 1977, do tình trạng hạn hán kéo dài đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất của địa phương. Các hợp tác xã không có đủ nước để cày bừa, vì vậy tính đến tháng 6-1977, toàn xã mới chỉ cấy được 377 bung (đạt 45% diện tích). Để khắc phục tình trạng thiếu nước sản xuất trầm trọng, chính quyền đã huy động toàn xã viên đóng góp trên 780 ngày công trong khoảng nửa tháng để chống hạn. Kết quả, đã nâng mức gieo cấy lúa mùa lên được 650/837 bung, đạt 77,6% kế hoạch. Cur Lễ cùng với Lam Sơn, Văn Minh, Hảo Nghĩa, Quang Phong là 5 xã thực hiện tích cực và hiệu quả nhất trong phong trào chống hạn do huyện Na Rì phát động¹. Toàn bộ diện tích lúa mùa xã được trồng là giống lúa Nông nghiệp 8, Nông nghiệp 5, Trân Châu lùn. Tuy nhiên, do thời tiết có nhiều diễn biến thất thường, công tác phòng chống sâu bệnh bị lơ lửng nên năng suất lúa năm 1977 chỉ đạt 1,8 tạ/bung, tổng sản lượng thu được

1. Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Na Rì tại Đại hội đại biểu huyện lần thứ VIII, nhiệm kỳ 1977-1980, ngày 29-10-1977, Phòng Lưu trữ Huyện ủy Na Rì, tr.5.

117 tấn (đạt 60% kế hoạch).

Để đảm bảo nguồn lương thực cung ứng cho xã viên, đồng thời thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước. Theo Nghị quyết của Đại hội lần thứ 7 của Huyện ủy Na Rì đã ra chủ trương quay đất ruộng sang trồng ngô. Đảng ủy xã Cù Lũ lãnh đạo các Hợp tác xã nông nghiệp Bản Pjây tích cực động viên nhân dân trồng, chăm sóc tốt cây ngô vụ xuân trong năm 1975. Tuy nhiên, do địa phương chưa có kinh nghiệm chăm sóc cây ngô, kỹ thuật làm đất, đánh luống trồng ngô khác xa so với gieo cấy lúa nên nhiều xã viên trong hợp tác xã còn e ngại trong việc đẩy mạnh gieo trồng cây ngô. Vì vậy, diện tích ngô xuân của xã trồng chưa nhiều, chỉ đạt 120 bung, năng suất đạt 80-90 kg/bung. Ngoài cây ngô, các hợp tác xã nông nghiệp ở Cù Lũ cũng dành ra một phần diện tích đất để trồng cây sắn và dong riềng. Tuy nhiên, do hiệu quả kinh tế thấp nên các hợp tác xã và xã viên chưa mặn mà đến việc chăm sóc, phát triển những loại cây này.

Từ năm 1978, thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì về việc tập trung gieo cấy thêm vụ lúa xuân, sau khi tiến hành thí điểm ở một số diện tích, đến năm 1979-1980, toàn xã đã cấy được 122 bung (tăng 14 bung so với năm 1978). Việc đưa vụ lúa xuân vào gieo cấy đã thực hiện đúng chủ trương đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích đất nông nghiệp mà Huyện ủy cũng như Đảng ủy xã đề ra. Tuy nhiên, sự tăng về diện tích lại không đi liền với cải tiến về khâu kỹ thuật nên năng suất tăng chậm, đạt 2 tạ/bung. Diện tích lúa mùa vẫn chiếm vị trí tuyệt đối trong hoạt động sản xuất lương thực của địa phương.

Nhận thấy hạn chế đó, Đảng ủy, chính quyền xã Cù Lũ đã chỉ đạo Ban Quản trị các hợp tác xã nông nghiệp, có kế hoạch tổ chức các buổi tập huấn khâu kỹ thuật, chăm sóc cho các hộ xã viên; công tác thủy lợi cũng được quan tâm thường xuyên hơn. Nhờ sự chỉ đạo kịp thời của các cấp ủy Đảng, chính quyền cộng thêm điều kiện thời tiết trong 3 năm (1978-1980) thuận lợi nên các hợp tác xã ở Cù Lũ đều hoàn thành việc cấy 100% diện tích, năng suất bình quân cả năm đạt 2,3 tạ/bung, sản lượng thóc là 274 tấn/năm.

Do nằm ở khu vực miền núi, xã Cù Lũ có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển lâm nghiệp. Tuy nhiên, do tập quán canh tác lạc hậu nên việc đốt rừng làm rẫy vẫn được duy trì, thêm vào đó đời sống cán bộ, nhân dân còn nhiều khó khăn nên công tác chăm sóc, khai thác, bảo vệ rừng còn những hạn chế, nhất là vào những năm mất mùa, tình trạng phá rừng làm nương của đồng bào diễn ra phổ biến. Vì vậy, thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, từ năm 1976, Hợp tác xã Nà Ban đã lập ra một đội chuyên về làm nghề rừng, có trách nhiệm trong việc quản lý, bố trí lao động khai thác và bảo vệ rừng. Từ đây, các hoạt động lâm nghiệp của xã từng bước đi vào hoạt động có nền nếp. Theo định hướng phát triển lâu dài, Huyện Ủy Na Rì chọn Cù Lũ và Hữu Thác để mở rộng quy mô và chuẩn bị điều kiện khai thác phát triển ngành lâm nghiệp và chăn nuôi.

Quán triệt chủ trương chú trọng đầu tư cho chăn nuôi trở thành ngành sản xuất chính, theo chỉ đạo của cấp ủy, các hợp tác xã ở Cù Lũ tập trung phát triển chăn nuôi cả 2 khu vực tập thể và gia đình. Trước năm 1975, hầu hết

các gia đình trong xã đều nuôi được từ 2-3 con lợn để làm nghĩa vụ thực phẩm, song do điều kiện khó khăn, nguồn thức ăn cho chăn nuôi còn hạn chế nên trọng lượng lợn khi xuất chuồng còn thấp. Để cải tạo nguồn giống, từ năm 1976, Hợp tác xã Bản Pjây đã được Phòng Nông nghiệp huyện Na Rì hỗ trợ nhập giống lợn ngoại để tạo nguồn cung ứng cho các hợp tác xã. Năm 1979, địa phương xây dựng trại chăn nuôi lợn tập thể tại bản Kéo Deng, tiến hành mua lợn trắng về lai giống với số lượng 147 con. Tính đến năm 1980, đàn lợn toàn xã có 372 con; đàn trâu, bò có 432 con. Ngoài ra, tận dụng các diện tích ao, hồ, sông suối, nhân dân Cư Lễ tích cực đắp hồ, đào ao để lấy nước tưới ruộng kết hợp thả cá. Dù chưa trở thành phong trào mạnh mẽ và rộng khắp, nhưng đây là một hướng đi mới trong phát triển ngành chăn nuôi ở Cư Lễ.

Thực hiện phong trào “Ba ngọn cờ hồng” ở nông thôn, năm 1979, Hợp tác xã mua bán Cư Lễ được thành lập, do ông Nguyễn Bá Thành¹ làm Chủ nhiệm, bà Nông Thị Liên làm Kế toán. Cửa hàng mua bán đặt tại bản Khau An. Trong thời gian đầu mới thành lập, hợp tác xã mua bán có vai trò lớn trong việc phân phối, lưu thông hàng hóa phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhân dân².

Giai đoạn 1976-1980 ghi nhận những kết quả tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế của Chi bộ, Đảng bộ xã Cư Lễ: Xã đã quy được vùng sản xuất

trên đồng ruộng ổn định; củng cố các đội sản xuất, bố trí cây trồng hợp lý; hai hợp tác xã nông nghiệp Bản Pjây và Nà Dài chủ động được kế hoạch sản xuất, định mức khoán hàng năm được phân bổ, điều chỉnh cho các ngành theo thực tế. Ban Tài vụ kế toán xây dựng kế hoạch chi tiêu từng năm, báo cáo công khai, hạch toán giá thành của các ngành sản xuất. Hàng vụ đều có báo cáo quyết toán và phân phối thu chia trước toàn thể xã viên. Năng suất lúa, cây trồng cũng như hoạt động chăn nuôi hàng năm về cơ bản đảm bảo được chỉ tiêu, kế hoạch đề ra. Xã hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm cho Nhà nước, bình quân từ 10-15 tấn lương thực và 3-5 tấn thực phẩm/năm.

Bên cạnh những kết quả đạt được công tác lãnh đạo chỉ đạo của Chi bộ, Đảng bộ và chính quyền xã Cư Lễ còn tồn tại nhiều khó khăn cần khắc phục: cơ chế quản lý kinh tế theo hình thức tập trung, bao cấp kéo dài đã xuất hiện nhiều bất cập, nguồn vốn để tái sản xuất cho hợp tác xã ngày một eo hẹp; năng suất lúa tuy có tăng nhưng chậm, vì vậy số lương thực dành để phân phối cho xã viên thấp (mỗi lao động từ 13-15 kg/tháng), chưa đảm bảo mức ăn cơ bản của xã viên. Tình trạng thu thuế nông nghiệp để đóng nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước với các gia đình gặp nhiều khó khăn dẫn đến nợ đọng sản phẩm nhiều. Trong khi đó, vấn đề lãng phí, thất thoát tài sản của tập thể cũng ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý xã viên: đàn trâu, bò không được chăm sóc tốt dẫn đến tình trạng chết đói, chết rét về mùa đông còn diễn ra; cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh tế vừa thiếu lại vừa yếu; hiện

1. Sau một thời gian ông Nguyễn Duy Kinh lên thay.

2. Tuy nhiên, trong các giai đoạn sau, hoạt động của hợp tác xã gặp nhiều khó khăn nên đã giải thể.

tượng “rong công, phóng điểm” trong sản xuất diễn ra ngày càng nhiều, chất lượng lao động có chiều hướng đi xuống. Thực trạng trên vừa là khó khăn riêng nhưng cũng là vấn đề chung mà nhiều địa phương trong huyện Na Rì phải đối mặt.

Trước thực tiễn nền kinh tế đất nước đang rơi vào tình trạng khủng hoảng, ngày 13-1-1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 100-CT/TW về “Cải tiến công tác khoán, mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp”; thực hiện theo nguyên tắc khoán 5 khâu 3 việc¹. Trên cơ sở chỉ thị của Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái ban hành Chỉ thị số 06-CT/BT ngày 16-6-1981 về phương hướng và chủ trương khoán sản phẩm trong thời gian tới.

Chấp hành sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Na Rì, cũng như để tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiện toàn tổ chức cơ sở Đảng, đưa Chỉ thị 100 vào cuộc sống. Tháng 9-1982, Đảng bộ xã Cự Lễ tổ chức Đại hội lần thứ IV, nhiệm kỳ 1982-1984. Đại hội kiểm điểm công tác lãnh đạo trong nhiệm kỳ (1980-1982)², đồng thời chỉ rõ trong 2 năm tiếp theo: tập trung sức mạnh của toàn Đảng, toàn dân thực hiện các nhiệm vụ tổ chức và sử dụng tốt lực lượng lao động khai thác mọi tiềm năng đất đai và

1. Thực hiện cơ chế Khoán 100, xã viên được giao làm 3 khâu: cấy, chăm sóc, thu hoạch; còn hợp tác xã đảm nhận 5 khâu: cung cấp giống, làm đất, nước, phân bón, bảo vệ thực vật.

2. Nhiệm kỳ 1980-1982, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cự Lễ gồm 7 đồng chí. Đồng chí Nông Văn Hàm - Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nông Văn Lưu - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

kinh nghiệm. Đặc biệt nhanh chóng đưa Chỉ thị 100 vào thực tế địa phương, tạo bước chuyển mạnh mẽ trong phát triển nông nghiệp. Toàn xã phấn đấu đạt mục tiêu đến năm 1984, năng suất lúa mùa đạt 3,2 tấn thóc/ha, lương thực bình quân đầu người đạt 240 kg/năm, hoàn thành tốt nghĩa vụ đóng góp lương thực, thực phẩm đối với Nhà nước.

Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 7 đồng chí. Tại phiên họp đầu tiên của Ban Chấp hành, đồng chí Lâm Văn Xuân được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nông Văn Lưu - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã); đồng chí Nông Quốc Việt - Thường trực Đảng ủy; các đồng chí Nông Xuân Hùng, Lâm Ngọc Chúc, Nguyễn Bá Thành và Nông Văn Thay là Đảng ủy viên.

Thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương và Nghị quyết số 02/NQ-TU của Tỉnh ủy Bắc Thái, đặc biệt là Nghị quyết số 07/NQ-HU ngày 25-11-1982 của Huyện ủy Na Rì “về việc hoàn thiện khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp” được ban hành đã trở thành động lực để thúc đẩy sản xuất phát triển. Theo kế hoạch của Huyện ủy Na Rì, Đảng bộ xã Cự Lễ bắt tay vào việc triển khai Chỉ thị 100 với nội dung: Tổ chức cho cán bộ học tập nghiên cứu Chỉ thị trong Đảng bộ, đi từ các đoàn thể quần chúng xuống từng cơ sở đội sản xuất để nâng cao nhận thức cho từng cá nhân, nắm vững nội dung, chủ trương biện pháp, qua đó tạo sự nhất trí cao. Đảng bộ xã cũng thành lập Ban Chỉ đạo Khoán 100, lãnh đạo các đội sản xuất tiến hành chia ruộng cho người lao động theo diện tích cấy lúa với mức bình quân của hợp tác xã. Các hợp

tác xã Bản Pjây và Nà Ban giao khoán cho đội sản xuất. Đội sản xuất giao khoán cho xã viên (hộ gia đình). Trong quá trình triển khai, một số khu vực ruộng gần, ruộng tốt được ưu tiên cho hộ gia đình chính sách (liệt sỹ, thương binh, người già neo đơn).

Chỉ thị 100 được triển khai theo nguyên tắc xã viên đảm nhận khoán 3 khâu (cấy, thu hoạch, chăm sóc); hợp tác xã đảm nhận 5 khâu (cung cấp giống, làm đất, phân, nước, bảo vệ thực vật). Sau khi thu hoạch, hợp tác xã thu lại những khoản đầu tư phục vụ cho sản xuất và các khoản từ quỹ tích lũy, công ích, hành chính, thuế thủy lợi, phí thủy nông... còn lại xã viên được hưởng toàn phần năng suất vượt khoán. Đảng bộ xã tổ chức lại quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo tinh thần Chỉ thị 100 về cơ chế quản lý mới trong nông nghiệp; nâng cao năng lực trình độ, trách nhiệm quản lý của đội ngũ cán bộ từ Bí thư chi bộ đến các đội trưởng đội sản xuất, điều hành các khâu công việc trên cơ sở kế hoạch sản xuất.

Hợp tác xã Bản Pjây và Nà Ban tổ chức hướng dẫn cho xã viên thực hiện chế độ hoạch toán kinh tế cho người lao động từ đó từng bước ngăn chặn hiện tượng tiêu cực trong hợp tác xã; tạo cho xã viên tinh thần làm chủ tập thể trong sản xuất và phân phối sản phẩm; củng cố các đội sản xuất, mỗi đội sản xuất có tổ Đảng lãnh đạo; Ban Quản trị của Hợp tác xã Bản Pjây và Nà Ban phân công trách nhiệm đến từng người, đảm bảo đủ sức điều hành công việc. Nhờ thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 100 và sự chủ động trong chỉ đạo của Đảng ủy xã, xã viên Cur Lễ phấn khởi, tích cực lao động sản xuất: cấy hết 100% diện tích kịp thời vụ, thu hoạch nhanh

gọn, qua đó thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển mạnh.

Trải qua gần 4 năm thực hiện Khoán 100 (1982-1985), dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, mà trực tiếp là Đảng ủy xã Cur Lễ qua các khóa IV (1982-1984), khóa V (1984-1986)¹, cán bộ, đảng viên và xã viên địa phương vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Cuối năm 1985, Đảng bộ mở Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 100. Hội nghị đã nhất trí đánh giá sản xuất nông nghiệp phát triển đi lên, năng suất phát triển mạnh: Từ 2,5 tấn thóc/ha năm 1981 lên xấp xỉ 3 tấn/ha năm 1985 (đạt 93,7% kế hoạch đề ra). Tổng sản lượng thóc giai đoạn 1981-1985 đạt 1.450 tấn; bình quân lương thực tăng từ 18,8 kg/người/tháng (1981) lên 22 kg/người/tháng (1985). Đàn lợn năm 1985 có 390 con, đàn trâu, bò có trên 440 con. Trong 5 năm (1981-1985), xã Cur Lễ đóng góp cho Nhà nước được 73 tấn lương thực và 15 tấn thực phẩm.

Nhìn chung, từ sau khi Chỉ thị 100 được đi vào cuộc sống địa phương, tinh thần làm chủ của xã viên được phát huy, hiệu quả lao động đạt được tốt hơn trước; tình trạng “dong công, phóng diêm” từng bước được hạn chế; sản phẩm làm ra chia theo ngày công lao động. Mặc dù tình trạng đói ăn trong những tháng giáp hạt vẫn xảy ra ở một số hộ gia đình nhưng về cơ bản mức sống đã được cải thiện. Những người già yếu, sống neo đơn, không có khả

1. Đảng bộ xã Cur Lễ khóa V, nhiệm kỳ 1984-1986 đồng chí Lâm Văn Xuân làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nông Quốc Việt làm Thường trực Đảng ủy, đồng chí Nông Xuân Hùng làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

năng lao động và trẻ em được hưởng điều hòa lương thực theo chế độ (tùy theo thu hoạch hàng vụ, hàng năm). Lúc này, việc thực hiện Khoán 100 vẫn được đảm bảo theo 3 lợi ích (Nhà nước, tập thể và người lao động), tạo chuyển biến tích cực để phát triển nông nghiệp.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai Chi thị 100, địa phương vẫn còn tồn tại những hạn chế: Tình trạng khoán trắng cho xã viên (đất, nước, bảo vệ thực vật) bắt đầu phổ biến. Kế hoạch sản xuất chưa thực hiện đầy đủ; tình trạng nợ đọng sản phẩm tăng nhanh ảnh hưởng đến quỹ của hợp tác xã. Tính chất bao cấp tuy đã giảm nhưng sản phẩm chia theo ngày công lao động còn thấp, vẫn là phân phối bình quân trong khi chưa khai thác hết khả năng tiềm năng đất đai và sức lao động của người nông dân.

Song song với hoạt động cải tiến trong phương thức làm ăn của hợp tác xã nông nghiệp, giai đoạn 1976-1986, hợp tác xã tín dụng vẫn đảm bảo vai trò huy động và hỗ trợ vốn để tái đầu tư sản xuất cho hợp tác xã nông nghiệp; cung cấp được một phần vốn cho các hộ xã viên vay để làm ăn. Trong khi đó, hợp tác xã mua bán giữ vai trò trong khâu phân phối, lưu thông hàng hóa ở địa phương, là nơi nhận hàng hóa của Nhà nước để trực tiếp đến người dân; đồng thời thu mua sản phẩm của địa phương để nộp lại cho Nhà nước. Tuy nhiên, những khó khăn chung của nền kinh tế đã tác động không nhỏ đến hoạt động của các hợp tác xã. Giai đoạn này, hợp tác xã tín dụng và mua bán không còn giữ được vai trò quan trọng như thời kỳ trước. Trong khi hợp tác xã tín dụng không được huy động được

nguồn vốn trong dân, dẫn đến tình trạng nguồn vốn cơ bản luôn trong tình trạng thiếu hụt, thậm chí trống rỗng, không đủ nguồn hàng (nước mắm, gạo, vải...) để cung ứng cho dân. Tình trạng cán bộ hoặc người dân phải đi đến cửa hàng mua bán của huyện (thị trấn Yên Lạc) để lấy hàng, mua hàng nhưng không diễn ra thường xuyên. Do đó, đời sống cán bộ và nhân dân gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

2. Đảng bộ xã Cư Lễ chú trọng phát triển văn hóa - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh

Năm 1976, thực hiện sự chỉ đạo của ngành giáo dục, trường cấp I và cấp II Cư Lễ được sáp nhập thành trường phổ thông cơ sở Cư Lễ. Địa điểm trường được đặt tại thôn Khau An, do thầy Lâm Ngọc Doãn làm Hiệu trưởng. Nhìn chung, 10 năm sau ngày đất nước thống nhất cũng là 10 năm ngành giáo dục ở Cư Lễ khắc phục mọi khó khăn để duy trì và phát triển công tác giáo dục. Trong bối cảnh đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế, địa phương vốn là xã miền núi nên việc đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật cho nhà trường là vô cùng hạn chế; tình trạng học sinh phải bỏ học giữa chừng vì điều kiện kinh tế gia đình không phải là hiếm. Tuy nhiên, vượt lên trên tất cả, đội ngũ đội ngũ giáo viên nhà trường luôn đề cao tinh thần trách nhiệm, yêu nghề, khắc phục mọi gian khổ để bám trường, bám lớp; rèn luyện nâng cao trình độ, cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng chuyên môn; động viên học sinh tích cực học tập, đến trường đến lớp đầy đủ. Vì vậy, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm của học sinh nhà trường luôn đạt trên 90%. Trường phổ thông cấp I+II xã Cư Lễ được

đánh giá là trường tiên tiến của huyện Na Rì, có phong trào hoạt động khá của huyện, từ năm 1976-1985, năm nào nhà trường cũng được Ủy ban nhân dân tỉnh và huyện tặng cờ và hiện vật về những thành tích trong phong trào giáo dục, thể dục thể thao.

Tuy điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn nhưng Đảng ủy, chính quyền xã Cự Lễ luôn quan tâm đầu tư cơ sở vật chất cơ bản nhằm đảm bảo thực hiện tốt việc khám, chữa bệnh cho nhân dân. Đội ngũ y sỹ, y tá được đi học thêm các lớp bồi dưỡng trình độ chuyên môn phục vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Ngành y tế hoạt động đúng theo chức năng, nhiệm vụ của mình, công tác tuyên truyền phòng chống các bệnh dịch được tiến hành thường xuyên, đảm bảo không để dịch bệnh bùng phát trong nhân dân. Năm 1978, xã đã xây dựng được một ngôi nhà 5 gian, trụ sở cho trạm xá đặt tại thôn Phja Khao, Trạm trưởng trạm là ông Hoàng Văn Trung.

Công tác văn hóa - thông tin được Đảng ủy chú trọng, tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nâng cao tinh thần cảnh giác, phê phán các hiện tượng tiêu cực trong xã hội. Hưởng ứng phong trào xây dựng gia đình văn hóa mới của Bộ Văn hóa - Thông tin và Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động, năm 1976, xã Cự Lễ đẩy mạnh thực hiện phong trào xây dựng gia đình văn hóa, nếp sống văn minh, nhiều hủ tục lạc hậu, lãng phí trong tổ chức đám cưới, đám tang, các tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi. Phong trào thể dục thể thao phục vụ sản xuất phát triển thành phong trào quần chúng trong thanh thiếu niên và

trường học.

Sau giải phóng miền Nam, tình hình tỉnh Bắc Thái nói chung và nhiều địa phương trong huyện Na Rì còn những diễn biến phức tạp. Các thế lực thù địch tìm mọi cách chống phá, kích động nhân dân gây rối. Thực hiện Chỉ thị 92-CT/TW của Bộ Chính trị về “Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới”, Đảng ủy xã đã chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ công an xã vững mạnh, thành lập mạng lưới an ninh thôn bản. Nhờ đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của xã được giữ vững. Đảng bộ xã Cự Lễ chỉ đạo Ban Công an đẩy mạnh phong trào “Chiếc gậy an ninh”, “Tiếng keng 3 phòng”; xây dựng lực lượng công an với 10 tổ an ninh tại 10 thôn (bản) trong xã.

Từ năm 1977, tình hình quan hệ Việt Nam - Trung Quốc ngày càng trở nên căng thẳng, phía Trung Quốc đưa ra các luận điệu xuyên tạc về chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với đồng bào người Hoa, gây tâm lý hoang mang trong bộ phận quần chúng người Hoa, không những thế phía Trung Quốc còn lập ra các trạm tiếp đón dọc theo biên giới hai nước, tuyên bố đón “nạn kiều” về nước. Tại địa bàn huyện Na Rì nói chung và xã Cự Lễ nói riêng có một bộ phận đồng bào người Việt gốc Hoa đến cư trú, vì vậy, giải quyết tốt vấn đề người Hoa là một trong những nhiệm vụ được các cấp ủy Đảng quan tâm hàng đầu. Thực hiện đúng Chỉ thị số 53-CT/TW, Chỉ thị 74-CT/TW của Trung ương; Chỉ thị số 24-CT/BT và Kế hoạch hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy (năm 1979) về giải quyết chính

sách đối với người Hoa, Đảng bộ đã quán triệt đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao tinh thần cảnh giác, nhận rõ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch, bên cạnh đó, Đảng ủy, chính quyền đã tiến hành xác minh, phân loại người Hoa để có biện pháp phù hợp với từng đối tượng, không để kẻ địch lợi dụng, gây chia rẽ tình đoàn kết giữa các đồng bào dân tộc.

Về công tác quân sự, thực hiện Nghị quyết 12 (khóa V) của Trung ương về công tác quân sự quốc phòng, đồng thời tiếp tục quán triệt 2 nhiệm vụ chiến lược trong giai đoạn cách mạng mới là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, lực lượng quân sự địa phương được củng cố cả về số lượng và chất lượng. Ban Chỉ huy Quân sự xã Cur Lễ tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, động viên lực lượng vũ trang phát huy vai trò nòng cốt trong chiến đấu và sản xuất; kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với quốc phòng, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, sẵn sàng lên đường chiến đấu khi Tổ quốc cần.

Năm 1977, tập đoàn phản động Pôn-Pốt Iêng-sary ở Campuchia công khai phát động cuộc chiến tranh Biên giới Tây Nam; đến ngày 17-2-1979, ở phía Bắc, Trung Quốc cũng huy động một lực lượng với 600.000 quân tấn công dọc 6 tỉnh biên giới nước ta. Tuy cuộc chiến tranh Biên giới phía Bắc chưa lan xuống đến Na Rì, nơi đây vẫn được coi là vùng hậu phương an toàn của tỉnh Bắc Thái, các công tác chuẩn bị vẫn được Đảng ủy, chính quyền địa phương tích cực triển khai. Đảng ủy đã họp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng ban, ngành: Ban Chỉ huy Quân sự xã phụ trách việc huy động cán bộ, nhân dân tập trung

đào hầm hào quanh xã, củng cố lại lực lượng dân quân tự vệ; các chi bộ, tổ Đảng dưới cơ sở phối hợp với các ngành đoàn thể phân công cán bộ làm tốt công tác tư tưởng cho nhân dân; chính quyền xã lập ban hậu phương, có nhiệm vụ giúp đỡ cho đồng bào từ Cao Bằng sơ tán về xã. Nhờ có sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy Na Rì và kế hoạch cụ thể của Đảng ủy Cur Lễ nên nhìn chung địa phương không bị động trong việc giải quyết các vấn đề. Trong năm 1979, xã Cur Lễ tiếp nhận 7 hộ gia đình từ Cao Bằng chuyển về địa phương. Chính quyền xã đã chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể trong xã đã làm tốt công tác động viên nhân dân trong xã giúp đỡ đồng bào, tạo điều kiện tốt nhất để họ yên tâm sản xuất. Thời gian này, địa bàn xã Cur Lễ còn là nơi đóng quân của Trung đoàn 575 thuộc Sư đoàn 473. Gia đình ông Khánh đã nhường nhà làm trụ sở chỉ huy cho đơn vị. Một số gia đình ở Khau Ngò, Phja Khao, Khau Pằn nhận chứa kho đạn và lương thực cho chính quyền cấp trên. Ngoài ra, xã còn lập ra một tổ dân công lao động đi tham gia đào hầm hào ở xã Cường Lợi và đội tải đạn phục vụ chiến trường, xuất phát từ thị trấn Yên Lạc lên Lạng Sơn.

Bên cạnh đó, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, Đảng bộ xã Cur Lễ phát động trong toàn lực lượng vũ trang và nhân dân các dân tộc trong xã nêu cao tinh thần sẵn sàng chiến đấu. Xã Cur Lễ cùng với các địa phương trong toàn huyện Na Rì đoàn kết, hình thành một thể trận sẵn sàng chiến đấu bảo vệ quê hương, Tổ quốc. Phát huy truyền thống đấu tranh cách mạng của quê hương, với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, trong hai năm

1978-1979, xã Cư Lễ đã tổ chức được 6 đợt tuyển quân. Nhiều thanh niên địa phương đã hăng hái lên đường nhập ngũ, đặc biệt, có những người là bộ đội phục viên theo lệnh Tổng động viên của Chủ tịch nước đã tình nguyện đăng ký lên đường chiến đấu, bảo vệ quê hương, tiêu biểu như các đồng chí: Nông Quốc Nạnh, Nông Văn Việt. Tính chung trong 10 năm (1976-1985), toàn xã có gần 70 thanh niên lên đường nhập ngũ làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Với những thành tích đạt được về công tác tuyển quân, năm 1982, Đảng bộ và nhân dân xã Cư Lễ vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất, trong buổi lễ đón nhận huy hiệu, đồng chí Lê Hoàng - Ủy viên dự khuyết Trung ương, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái đã về thăm và dự lễ.

3. Xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của Chi bộ, Đảng bộ xã Cư Lễ trong giai đoạn 1975-1985, công tác xây dựng Đảng được chú trọng trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng bộ xã luôn quán triệt các chủ trương của Trung ương thông qua các chỉ thị, nghị quyết như: Nghị quyết Trung ương 4 (khóa IV), Chỉ thị 192-CT/TW, Chỉ thị 72-CT/TW về việc làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên; nâng cao năng lực lãnh đạo tổ chức, chỉ bộ Đảng trong thực tế lãnh đạo, chỉ đạo các phong trào ở địa phương. Năm 1981, thực hiện Chỉ thị 83-CT/TW ngày 26-11-1979 của Trung ương Đảng về công tác phát triển đảng viên, Đảng bộ xã Cư Lễ đã phát động một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn nhằm giáo dục ý thức trách nhiệm cho mỗi đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đảng bộ xã Cư Lễ

nêu cao tinh thần phê bình, tự phê bình kiểm điểm trong Đảng, lấy chi bộ làm cơ sở phát động quần chúng đóng góp ý kiến vào công tác xây dựng Đảng. Đảng ủy còn tổ chức Hội nghị để quần chúng đóng góp ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên. Kết quả, trong tổng số 51 đảng viên toàn Đảng bộ, có 38 đồng chí¹ đủ tiêu chuẩn phát thẻ vào đợt 1 (ngày 19-5-1981), đạt 74,5%. Sau đợt phát thẻ, ý thức trách nhiệm, tính kỷ luật và nhận thức tư tưởng của đảng viên trong toàn Đảng bộ được nâng lên; công tác đấu tranh phê và tự phê của cán bộ, đảng viên được thực hiện nghiêm túc, củng cố vững chắc về lập trường tư tưởng. Tính tiên phong gương mẫu của đảng viên được phát huy, những đảng viên có khuyết điểm được tập thể chỉ rõ để có hướng phấn đấu, khắc phục tiến bộ.

Về công tác tổ chức và cán bộ, trong giai đoạn 1976-1985, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cư Lễ thường xuyên được kiện toàn về tổ chức, đi vào hoạt động có nền nếp và chất lượng. Những chi bộ yếu được tập trung chỉ đạo để nâng cao sức chiến đấu. Các buổi sinh hoạt định kỳ của

1. Đảng bộ xã Cư Lễ có 39 đồng chí được phát thẻ đảng viên đợt 19-5-1981 gồm: Nguyễn Công Bảo, Hoàng Xuân Bằng, Hoàng Văn Bào, Lôi Văn Bộ, Nguyễn Văn Cầm, Nông Văn Cháp, Nông Đình Cáp, Tô Văn Đình, Lâm Ngọc Doãn, Nông Văn Dư, Nguyễn Duy Đại, Nông Văn Đạt, Nông Thị Đành, Nông Văn Hàm, Nông Văn Học, Nông Thị Kìa, Hứa Văn Tân, Nông Văn Lập, Nông Văn Lưu, Nông Văn Mộ, Nguyễn Thị Mai, Nông Công Mai, Lê Thị Luyện Nim, Hoàng Văn Nam, Nông Thị Nhiêu, Phạm Thị Oanh, Nông Đình Phụng, Hoàng Văn Quảy, Nông Văn Riện, Nông Thị Sâm, Lâm Ngọc Tinh, Nguyễn Bá Thành, Hoàng Thị Tồn, Chu Văn Thảo, Nông Văn Thay, Nông Văn Toàn, Bàn Văn Thắng, Lâm Văn Xuân.

Đảng ủy, chi bộ đều tập trung vào những nội dung cụ thể, trọng tâm, thiết thực, dựa trên sự chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì và tình hình thực tế ở địa phương. Mặt khác, Đảng bộ xã Cù Lũ còn chú ý đến việc đào tạo trình độ lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ. Từ năm 1976-1985, Đảng bộ đã cử 3 đồng chí đi học lớp quản lý kinh tế, 3 đồng chí đi học lớp quản lý Nhà nước, 1 đồng chí đi học lớp chính trị.

Ngoài ra, Đảng bộ xã Cù Lũ cũng luôn quan tâm đến công tác phát triển đảng viên mới, trung bình mỗi năm xã kết nạp được từ 2-4 đảng viên mới. Tính đến đầu năm 1984, Đảng bộ xã Cù Lũ có 60 đảng viên¹ sinh hoạt tại 3 chi bộ, trong đó Chi bộ Bản Pjây có 39 đảng viên, Chi bộ Nà Ban có 15 đảng viên, Chi bộ nhà trường có 6 đảng viên.

Nhận thức đúng đắn vị trí, chức năng, nhiệm vụ của chính quyền Nhà nước trong việc tổ chức điều hành, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, trong 10 năm (từ 1975-1985), cấp ủy Đảng đã quan tâm lãnh đạo, xây dựng củng cố bộ máy chính quyền. Từ năm 1977 đến 1985, cử tri xã Cù Lũ đã tham gia bầu 4 kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân xã các nhiệm kỳ 1977-1979, 1979-1981, 1981-1983, 1983-1985, tương ứng với đó là 4 đồng chí được giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã gồm: Nông Văn Dư (1978-1979), Nông Văn Lưu (1980-1983), Lâm Ngọc

1. Tuy nhiên, đến tháng 10-1984, Đảng bộ còn 53 đảng viên do 4 đồng chí đã qua đời, 3 đồng chí bị khai trừ ra khỏi Đảng do vi phạm kỉ luật.

Chúc (Quyền Chủ tịch 1983-1984) và Nông Xuân Hùng (1984-1988).

Các đoàn thể được tăng cường củng cố và đi vào hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ. Mặt trận Tổ quốc xã chỉ đạo chặt chẽ cho các đoàn thể chuẩn bị và thực hiện đạt kết quả tốt đợt bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp theo từng nhiệm kỳ; làm tốt chức năng, nhiệm vụ trong công tác vận động quần chúng làm chủ tập thể; tích cực lao động sản xuất xây dựng hợp tác xã vững mạnh, góp phần thực hiện mục tiêu, phương hướng được đề ra tại Đại hội Đảng bộ các khóa.

Đoàn Thanh niên xã Cù Lũ luôn nêu cao vai trò tiên phong trong các phong trào của xã; đồng thời vận động đoàn viên, thanh niên hăng hái tham gia thi đua lao động sản xuất. Năm 1976, hưởng ứng chiến dịch làm thủy lợi, giao thông của Tỉnh ủy Bắc Thái phát động, nhiều thanh niên nam nữ của xã tham gia chiến dịch xây dựng công trường kênh mương Hồ Núi Cốc. Qua các phong trào, Đoàn Thanh niên xã Cù Lũ đã giới thiệu một số đối tượng để bồi dưỡng và kết nạp vào Đảng

Hội Phụ nữ xã Cù Lũ hưởng ứng thực hiện phong trào “Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, Hội tiến hành giáo dục, động viên hội viên tích cực lao động sản xuất với tinh thần làm chủ tập thể trong hợp tác xã nông nghiệp; chăm lo quyền lợi cho phụ nữ và trẻ em; tích cực thực hiện phong trào xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới; phát triển kinh tế gia đình, nâng cao đời sống cho hội viên, thực hiện mục tiêu mỗi người nuôi 5 con gà, mỗi nhà 2 con lợn.

Trong 10 năm cùng cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội (1975-1985), những khó khăn trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế sau chiến tranh đã ảnh hưởng không nhỏ đến công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, đây được coi là những năm tháng khó khăn nhất của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Cư Lễ nói riêng, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta nói chung. Thành công lớn nhất của Đảng bộ và nhân dân trong xã là đã triển khai hiệu quả Chỉ thị 100-CT/TW, bước đầu giải quyết những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, tạo động lực cho phát triển sản xuất.

II. BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI DO ĐẢNG KHỞI XƯỚNG VÀ LÃNH ĐẠO (1986-1995)

1. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Cư Lễ đoàn kết, nỗ lực phát triển kinh tế, bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng

Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, cuối tháng 8-1986, Đảng bộ xã Cư Lễ tổ chức Đại hội lần thứ VI, nhiệm kỳ 1986-1988. Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, Đại hội đề ra chủ trương: Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế khoán theo tinh thần của Chỉ thị 100 của Trung ương và Nghị quyết số 53/NQ-HU ngày 15-11-1984 của Huyện ủy Na Rì về việc tiếp tục hoàn chỉnh công tác khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp; lấy phát triển nông nghiệp là trọng tâm của kinh tế địa phương; từng bước giải quyết khó khăn về vấn đề lương thực, thực phẩm, mở rộng diện tích trồng cây màu; tiếp tục đi vào củng cố làm trong sạch

bộ máy tổ chức Đảng, chính quyền và hiệu quả hoạt động của các ngành, đoàn thể. Đại hội cũng đề ra mục tiêu phấn đấu: duy trì diện tích cấy lúa mùa từ 837-840 bung, đến hết năm 1987, năng suất lúa bình quân đạt 3,25 tạ/bung; đưa một số diện tích lúa nương vào trồng, phấn đấu đạt năng suất xấp xỉ 1 tạ/bung.

Trên tinh thần đoàn kết, thống nhất, Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa VI gồm 9 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu các đồng chí: Lâm Văn Xuân giữ chức Bí thư Đảng ủy, Nông Xuân Hùng - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), Sầm Văn Nhậy - Thường trực Đảng ủy, các đồng chí Nguyễn Duy Kinh, Nông Văn Lú, Nông Thị Kia, Nguyễn Văn Cầm, Nông Văn Slay, Nông Văn Lại - Đảng ủy viên.

Tháng 12-1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tổ chức tại Thủ đô Hà Nội. Trên tinh thần nhất trí cao, Đảng ta đã thống nhất và thông qua đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Trước hết là đổi mới về tư duy kinh tế với nội dung cốt lõi là xóa bỏ cơ chế tập trung, bao cấp, phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự kiện trọng đại này đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam, khẳng định bản lĩnh, tinh thần sáng tạo vươn lên của Đảng.

Thực hiện chủ trương đổi mới của Trung ương, đồng thời căn cứ theo chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ VI, cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc xã Cư Lễ phấn khởi bắt tay vào

nhiệm vụ phát triển kinh tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh nền kinh tế đất nước nói chung và tình hình địa phương nói riêng vẫn trong thời khủng hoảng nên việc triển khai còn gặp nhiều khó khăn: Hàng hóa vật tư phục vụ đời sống và sản xuất thiếu trầm trọng; tình hình thời tiết lại diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng không nhỏ cho sản xuất và đời sống nhân dân; năng lực trình độ quản lý kinh tế của cán bộ còn hạn chế; quá trình thực hiện Khoán 10 xuất hiện nhiều hạn chế, bất cập, do đó yêu cầu đổi mới là vấn đề cấp bách. Dưới sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy Na Rì, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Cư Lễ nêu cao tinh thần tự lực tự cường, chủ động sáng tạo vượt qua mọi khó khăn để phát triển kinh tế, thực hiện đổi mới toàn diện. Trong sản xuất nông nghiệp, 2 năm 1986-1987, toàn xã phân đấu cấy hết 837 bung lúa (đạt 100% kế hoạch). Nhưng do sâu bệnh phá hoại ảnh hưởng lớn đến năng suất lúa mùa của xã, mặc dù Đảng ủy đã chỉ đạo Hợp tác xã nông nghiệp Bản Pjây và Nà Ban tăng cường các biện pháp bảo vệ, chăm sóc lúa, song vẫn chưa đạt kế hoạch đề ra: năng suất 3 tạ/bung (đạt 92,3% so với mục tiêu đề ra), cho sản lượng 249,9 tấn. Chăn nuôi gia súc, gia cầm vẫn được duy trì ở cả 2 khu vực tập thể và gia đình. Tính đến cuối năm 1987, toàn xã vẫn duy trì được 420 con lợn và 492 con trâu, bò.

Trên tinh thần đổi mới từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, đồng thời nhằm khắc phục những hạn chế của Chỉ thị 100, ngày 5-4-1988, Bộ Chính trị (khóa VI) ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về “Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp” (gọi tắt là Nghị quyết 10 hay Khoán 10).

Đây là nghị quyết có sức đột phá mãnh liệt, tác động tích cực nhiều mặt đến nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam. Nghị quyết khẳng định hợp tác xã là đơn vị kinh tế tự chủ tự quản, hộ xã viên là người nhận khoán của hợp tác xã, quyết định việc giao ổn định ruộng đất cho hộ nông dân. Trên cơ sở Nghị quyết 10, ngày 25-7-1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Thái họp bàn, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp. Ngay trong thời gian này, Huyện ủy Na Rì cũng tổ chức triển khai, chỉ đạo việc thực hiện Khoán 10 xuống toàn bộ các địa phương. Quá trình thực hiện Khoán 10 ở tỉnh Bắc Thái nói chung và ở Na Rì nói riêng gọi tắt là khoán gọn.

Từ quý IV năm 1988, xã Cư Lễ bắt đầu thực hiện Khoán 10 theo hướng dẫn của cấp trên, chú trọng đến một số vấn đề:

- Rà soát lại số lao động, số khẩu, tổng diện tích trong nông nghiệp; xác định phương hướng sản xuất, biện pháp luân canh cây trồng khoán sản phẩm trên đơn vị diện tích đất.

- Xác định chi phí sản xuất và từng hộ xã viên, khoán công gián tiếp cho một sào ruộng khoán nghĩa vụ quỹ hợp tác xã; dự phòng thiên tai, khoán sức kéo cho nhóm và từng hộ xã viên.

- Khoán trâu, bò, máy móc, công cụ, tư liệu sản xuất tập thể cho các hộ xã viên.

Tháng 12-1988, Đại hội Đảng bộ xã Cư Lễ lần thứ VII, nhiệm kỳ 1989-1991, được tổ chức. Trên cơ sở báo cáo kiểm điểm quá trình công tác của Đảng ủy khóa trước,

Đại hội đã thảo luận và thông qua nhiều vấn đề trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và xây dựng, củng cố hệ thống chính trị. Trong đó, yêu cầu lớn nhất là tập trung vào thực hiện Nghị quyết 10 của Trung ương, thay đổi phương thức quản lý và làm ăn kinh tế, từng bước nâng cao đời sống nhân dân. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cur Lễ nhiệm kỳ 1989-1991 được bầu gồm 5 đồng chí. Trong đó, đồng chí Lâm Ngọc Doãn được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Lâm Văn Xuân - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), 3 đồng chí: Đà Quang Khải, Bàn Văn Hoàn và Nguyễn Duy Kinh là Đảng ủy viên.

Quá trình triển khai thực hiện Khoản 10, xã Cur Lễ đã thu được nhiều kết quả tích cực. Xã viên tích cực lao động sản xuất, khai thác hết tiềm năng đất đai; nhiều biện pháp khoa học kỹ thuật được áp dụng để nâng cao hiệu quả kinh tế. Do đó, chỉ sau một năm thực hiện, cuối năm 1989, toàn xã Cur Lễ đã có 80% số hộ gia đình vượt khoán, công ngoài khoán được giảm bớt, sản phẩm sau thu hoạch được bảo quản tốt hơn. Kết quả, năng suất lúa tăng nhanh, nếu như năm 1985 toàn xã mới đạt 3 tạ/bung đến năm 1991 đạt là 3,7 tạ/bung, sản lượng thu được xấp xỉ 320,8 tấn thóc/năm. Không chỉ phát triển trồng trọt, thời điểm sau thực hiện Nghị quyết 10 của Trung ương, nhất là đầu thập niên 90, ở Cur Lễ bắt đầu xuất hiện một số hộ kinh doanh dịch vụ buôn bán nhỏ lẻ, cửa hàng tạp hóa... từng bước đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân¹. Thời

1. Do sự thay đổi của cơ chế thị trường, vai trò của hợp tác xã tụt

điểm này, toàn xã Cur Lễ đã có 95% số hộ đủ ăn, trong đó có 35% số hộ dư thừa lương thực.

Thực tế sau mấy năm triển khai, bên cạnh những kết quả tích cực mà Nghị quyết 10 mang lại, xã Cur Lễ cũng nảy sinh một số khó khăn, vướng mắc về ruộng đất, thậm chí còn dễ xảy ra tình trạng tranh giành “đất ông cha”; tình trạng nợ đọng sản phẩm từ nhiều năm trước chưa được giải quyết triệt để. Huyện ủy Na Rì tổ chức nhiều cuộc họp với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã để tìm ra nguyên nhân và đề ra hướng giải quyết. Nguyên nhân chính là do: sự phối hợp giữa tổ công tác và cơ sở không thường xuyên liên tục, thiếu chặt chẽ và đồng bộ; Ban Quản trị hợp tác xã chưa chủ động trong công tác quản lý và giải quyết vấn đề công việc gây ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân. Trên cơ sở đó, Huyện ủy có ý kiến chỉ đạo: Cấp ủy Đảng, chính quyền cần nhanh chóng rút kinh nghiệm chỉ đạo thực hiện, nêu cao tinh thần trách nhiệm để giải quyết công việc. Tiếp tục tổ chức thu hồi các khoản nợ giữa cá nhân với hợp tác xã bằng các biện pháp cụ thể. Đối với trường hợp quá khó khăn, xin khất nợ thì phải lập biên bản và công bố trước hội nghị toàn dân về kết quả thu nợ sản phẩm. Kiện toàn lại Ban Quản trị hợp tác xã; tiến hành tổng kiểm kê ruộng đất, sức kéo, lao động để lập phương án giao khoán cụ thể. Trên cơ sở nguyên trạng ruộng đất hiện có sẽ tiến hành điều chỉnh lại cho hợp lý theo quy định trên cơ sở đều diện tích đối với hộ thừa sang

dụng và hợp xã mua bán không còn phù hợp, vì vậy đến năm 1991, hai hợp tác xã này lần lượt bị giải thể.

cho hộ thiếu.

Nhờ sự chỉ đạo sát sao của Huyện ủy Na Rì và sự vào cuộc tích cực của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương nên về cơ bản các vấn đề thực hiện Khoán 10 ở Cư Lễ đã được giải quyết, không khí trong thôn dần ổn định, mỗi đoàn kết dân cư được củng cố, đó là tiền đề để địa phương tập trung vào các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả phong trào.

Năm 1990, thực hiện chỉ đạo của Trung ương về việc Đảng bộ các cấp tổ chức hai vòng Đại hội, đến đầu năm 1991, Đảng bộ xã Cư Lễ đã tổ chức xong Đại hội vòng 1. Tại đây, Đại hội chủ yếu đi sâu vào việc thảo luận, đóng góp ý kiến về Văn kiện chuẩn bị cho Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII (1991-1996), cũng như các vấn đề về đường hướng phát triển của địa phương trong nhiệm kỳ mới. Tiếp đó, đến đầu năm 1992, xã Cư Lễ tiếp tục tổ chức vòng hai Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ VIII, nhiệm kỳ 1991-1993. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cư Lễ nhiệm kỳ mới được bầu gồm các đồng chí: Nguyễn Duy Kinh - Bí thư Đảng ủy, Lâm Văn Xuân - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), Nông Văn Lú - Đảng ủy viên, Đàm Quang Khải - Đảng ủy viên, Hoàng Văn Cương - Đảng ủy viên, Bàn Văn Chải - Đảng ủy viên.

Tiếp đó, đầu năm 1994, xã Cư Lễ tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ lần thứ IX, nhiệm kỳ 1994-1995. Đại hội đề cao kết quả mà địa phương đã đạt được trên tất cả các mặt của đời sống kinh tế - xã hội trong những năm đầu thực hiện đổi mới. Cùng với đó, Đại hội cũng nghiêm túc đánh giá và nhìn nhận những tồn tại, khó khăn, hạn chế chưa được

khắc phục. Từ đó, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu trong nhiệm kỳ mới: Phấn đấu đến năm 1995, năng suất lúa đạt 4 tạ/bung, bình quân lương thực đạt 360 kg/người/năm, trong đó bình quân thóc là 295 kg/năm; nghiên cứu để trồng thêm một số loại cây ăn quả và cây công nghiệp phù hợp với địa phương; tiếp tục đẩy mạnh phát triển đàn gia súc, gia cầm; theo hướng dẫn của huyện sẽ tiến hành bàn giao diện tích rừng cho các hộ gia đình chăm sóc; củng cố hệ thống tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cư Lễ nhiệm kỳ 1994-1995 gồm 7 đồng chí: Đồng chí Nông Thanh Cận¹ - Bí thư Đảng ủy, Nông Văn Lú - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), đồng chí Nông Văn Lại, Phạm Ngọc Chinh - Phó Bí thư Thường trực, đồng chí Bàn Văn Hoàn - Đảng ủy viên.

Sau khi tiến hành Đại hội, bầu được các chức danh chủ chốt, Đảng bộ xã Cư Lễ bắt tay ngay vào công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Trong phát triển kinh tế, chính quyền phát động phong trào làm thủy lợi để đảm bảo việc chủ động tưới tiêu, phục vụ sản xuất. Các cán bộ chuyên trách thường xuyên đi kiểm tra đồng ruộng, phát hiện sâu bệnh và hướng dẫn cho bà con nhân dân phòng trừ sâu bệnh kịp thời, làm giảm mức thiệt hại do sâu bệnh phá hoại. Cơ cấu mùa vụ hình thành rõ rệt do có sự thay đổi về giống lúa mới (chiếm 30% tổng diện tích), một số diện tích lúa xuân

1. Trích theo Quyết định số 306/QĐ-HU của Huyện ủy Na Rì, ngày 19-4-1994 về công nhận Ban Đảng ủy mới.

được đưa vào gieo trồng trở lại, ngoài ra, xã còn có một phần ruộng cao sản. Hàng năm, Cư Lễ thực hiện cấy hai vụ: vụ lúa hè thu và cây màu vụ đông. Diện tích sản xuất được mở rộng, năng suất và sản lượng lương thực qua các năm không ngừng tăng lên. Đến năm 1995, năng suất lúa đạt 4,1 tạ/bung (đạt 102,5% kế hoạch); sản lượng lương thực (bao gồm cả lúa) đạt xấp xỉ 420 tấn. Bình quân lương thực đầu người đạt 365 kg/năm, riêng thóc là 297 kg/năm.

Tận dụng lợi thế của địa phương trong việc cung cấp nguồn thức ăn cho gia súc và thời gian nghỉ mùa vụ, được sự hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước, nhiều hộ gia đình đẩy mạnh chăn nuôi với quy mô ngày càng mở rộng. Công tác thú y, phòng dịch luôn được triển khai theo định kỳ nên tỉ lệ vật nuôi chết vì dịch đã giảm xuống. Đến năm 1995, đàn trâu, bò có 569 con, đàn lợn là 1.113 con, đạt chỉ tiêu xuất chuồng từ 50-80 kg/con, đàn gà, vịt có trên 7.200 con.

Trong hoạt động lâm nghiệp, thực hiện Luật Bảo vệ rừng (năm 1991), Quyết định 327-QĐ/CT (năm 1992) của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về chính sách sử dụng đất trống đồi núi trọc. Bộ phận đồng bào không có đất hoặc thiếu đất canh tác được chính quyền xã Cư Lễ hướng dẫn thực hiện trồng rừng theo Chương trình 06 và Dự án 327. Theo chủ trương giao đất rừng của huyện, năm 1993, xã Cư Lễ giao 803,4ha rừng cho 124 gia đình nhận chăm sóc, trung bình 6,4 ha/hộ. Ngoài ra, xã còn trồng mới được thêm 13ha rừng. Diện tích đất lâm nghiệp chủ yếu được dùng để trồng một số cây ăn quả, cây keo, hồi...

Sự cởi mở trong thực hiện đường lối, chính sách đã

có tác động tích cực trong việc thúc đẩy phát triển của các ngành nghề phụ tại địa phương. Từ một vài trường hợp đơn lẻ trong giai đoạn trước, đến năm 1995, toàn Cư Lễ có trên 10 hộ kinh doanh với các loại hình như mộc, nề, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng quán... thu hút nhiều lao động từ nông nghiệp sang. Sự phát triển mạnh mẽ của các ngành thương mại và dịch vụ không chỉ làm thay đổi cơ cấu lao động mà còn dẫn đến sự chuyển dịch trong cơ cấu kinh tế của Cư Lễ, đến năm 1992, hai hợp tác xã nông nghiệp Nà Ban và Bản Pjây tuy vẫn tồn tại nhưng chỉ còn trên danh nghĩa hình thức, không còn vai trò trong thúc đẩy kinh tế của địa phương như thời kỳ trước.

Công tác xây dựng cơ bản đạt được những kết quả khả quan. Chính quyền tiến hành củng cố hệ thống các trường học, đảm bảo đủ tiện nghi vui chơi và học tập cho các cháu; tu sửa hoàn chỉnh Hội trường Ủy ban nhân dân. Toàn bộ hệ thống đường liên bản, đường trục chính ở Cư Lễ được nâng cấp, mở rộng tạo thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu của nhân dân. Đặc biệt, năm 1993 xã hoàn thành việc xây dựng xong nhà cấp 4 trụ sở Ủy ban nhân dân xã đặt tại thôn Khau An.

2. Chú trọng phát triển văn hóa - xã hội, thực hiện tốt công tác an ninh - quốc phòng

Công tác giáo dục tiếp tục được đẩy mạnh. Cơ sở vật chất, bàn ghế, thiết bị dạy và học được tăng cường, đội ngũ giáo viên các nhà trường không ngừng được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức nhằm đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp đổi mới. Số học sinh trong độ tuổi đến trường luôn đạt trên 95%, tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp các cấp

hàng năm đạt 95%.

Hoạt động y tế dự phòng được tiến hành thường xuyên, kịp thời và đạt hiệu quả cao. Hàng năm, trạm xá đã khám và điều trị, chuyển tuyến trên cho hàng nghìn lượt bệnh nhân. Nhiều dịch bệnh được phát hiện và dập tắt kịp thời. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ y tế kết hợp với Hội Phụ nữ tổ chức tốt việc vận động chị em trong độ tuổi sinh đẻ thực hiện kế hoạch hóa gia đình. Đến năm 1995, trạm xá xã đã triển khai tiêm chủng và uống thuốc Vitamin A cho 97,2% các cháu trong độ tuổi.

Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cũng có những chuyển biến. Ngành văn hóa phối hợp với các đoàn thể, nhà trường tổ chức một số hoạt động văn nghệ, thể thao như: thi học sinh thanh lịch, thi hát, thi đấu bóng đá... tạo nên không khí vui tươi, đoàn kết trong cộng đồng dân cư và giữa các thôn (bản). Tuy nhiên, vẫn còn một số phong trào mới chỉ dừng lại ở bề nổi, chưa thật sự tạo nên được sức hút. Trong khi đó, một số tệ nạn ở địa phương như mê tín dị đoan, trộm cắp, đánh bạc... có dấu hiệu khôi phục, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về thực hiện phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” Đảng bộ xã Cư Lễ luôn coi đây là một nhiệm vụ quan trọng, tạo ổn định cho sự phát triển của địa phương. Vì vậy, giai đoạn này, Ban Công an xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân; thường xuyên giáo dục quần chúng tinh thần bảo vệ an ninh Tổ quốc. Ngoài ra, Ban Công an kết hợp

với đơn vị tự vệ tiến hành tuần tra canh gác bảo vệ tài sản cho tập thể và nhân dân, bài trừ các tệ nạn xã hội như: cờ bạc, số đề, ...

Ban Chỉ huy Quân sự xã hàng năm thực hiện tốt việc đăng ký nghĩa vụ quân sự cho thanh niên trong độ tuổi; thực hiện nghiêm chỉnh công tác khám tuyển và gọi thanh niên nhập ngũ. Từ năm 1986-1995, xã Cư Lễ có 32 thanh niên lên đường nhập ngũ. Lực lượng dân quân xã được biên chế thành 2 trung đội. Hàng năm, thực hiện chỉ đạo của cấp trên, Ban Chỉ huy Quân sự xã tổ chức các đợt huấn luyện và diễn tập quân sự đạt chất lượng và hiệu quả cao.

3. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng

Trong 10 năm từ 1986-1995, tình hình trong nước và quốc tế có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt bước sang những năm đầu thập niên 90 của thế kỉ XX, hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu lần lượt bị sụp đổ. Trong khi đó, việc quản lý kinh tế bộc lộ nhiều mặt tiêu cực làm giảm lòng tin của nhân dân vào công cuộc đổi mới. Vì vậy, một bộ phận cán bộ đảng viên tỏ ra bi quan, dao động. Trong bối cảnh đó, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, tổ chức các hội nghị, mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn để nâng cao nhận thức, lập trường, quan điểm; phát huy truyền thống cách mạng của địa phương chống các hiện tượng tiêu cực dẫn đến bất ổn xã hội. Qua học tập sinh hoạt, lập trường tư tưởng của cán bộ, đảng viên được giữ vững, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và sự thành công của công cuộc đổi mới đất

nước.

Công tác kiểm tra đơn vị và tổ chức Đảng từ năm 1986-1995 được chỉ đạo chặt chẽ, thực hiện thường xuyên, luôn bám sát vào các nhiệm vụ của Đảng bộ. Kế hoạch kiểm tra có chương trình, nội dung cụ thể, mang tính trọng điểm góp phần làm trong sạch đội ngũ cán bộ và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức Đảng, ngăn ngừa vi phạm của cán bộ, đảng viên. Năm 1988, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tổ chức đợt kiểm tra ở hai chi bộ hợp tác xã nông nghiệp Nà Ban và Bản Pjây đối với việc chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt Đảng, công tác quản lý thu chi tài chính Đảng. Sau kiểm tra, các nội dung được kết luận làm rõ, mang tính công khai được đưa ra trước Đảng bộ để thống nhất chủ trương và biện pháp xử lý. Việc xử lý, giải quyết sai phạm của cán bộ, đảng viên được Đảng ủy xã Cù Lũ thực hiện kiên quyết. Trong giai đoạn từ 1991-1995, Đảng bộ đã xử lý kỷ luật 7 đồng chí vì vi phạm nguyên tắc sinh hoạt Đảng, vi phạm chính sách pháp luật và phẩm chất đạo đức. Năm 1995, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, qua việc phân loại, Đảng bộ xã Cù Lũ có 82 đảng viên xếp loại 1 (83,7%), 12 đảng viên xếp loại 2 (12,4%), 3 đảng viên xếp loại 3 (2,9%), 1 đảng viên xếp loại 4 (1%).

Song song với hoạt động kiểm tra thi hành kỷ luật, Đảng bộ xã Cù Lũ cũng rất chú trọng đến công tác bồi dưỡng, phát triển đảng viên mới. Từ năm 1986-1990, trung bình mỗi năm Đảng bộ tổ chức kết nạp được thêm 2-3 đảng viên mới; giai đoạn từ 1991-1995, bình quân

mỗi năm kết nạp thêm được 4-5 đồng chí. Ngoài ra, Đảng bộ cũng tiếp nhận các đồng chí đảng viên là cán bộ nghỉ hưu, các đồng chí được kết nạp trong quân ngũ trở về địa phương sinh sống. Vì vậy, tính đến cuối năm 1995, toàn Đảng bộ có 98 đảng viên.

Từ năm 1986-1995, xã Cù Lũ đã tổ chức thành công 3 kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1987-1989; 1989-1994; 1994-1999. Hội đồng nhân dân xã được củng cố và kiện toàn thể hiện được vai trò và chức năng là cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương. Thông qua tiếp xúc cử tri, những ý kiến nguyện vọng chính đáng của nhân dân được tập hợp báo cáo và giải quyết trước Hội đồng. Bước đầu đã thực hiện được chức năng giám sát, hướng dẫn việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ủy ban nhân dân xã thực hiện chức năng quản lý, điều hành kinh tế - xã hội, thúc đẩy sản xuất phát triển, giữ vững ổn định tình hình. Tại cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1987-1989, đồng chí Nguyễn Duy Kinh được bầu là Chủ tịch Ủy ban nhân dân; nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân 1989-1994, đồng chí Lâm Văn Xuân được bầu làm Chủ tịch Ủy ban; đến nhiệm kỳ 1994-1999, đồng chí Nông Văn Lú được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Phạm Ngọc Chinh làm Phó Bí thư Thường trực¹.

1. Theo Quyết định số 306/QĐ-HU ngày 19-04-1994 của Huyện ủy Na Rì về công nhận Ban Đảng ủy mới.

Đi đôi với công tác xây dựng chính quyền, Đảng ủy cũng chú trọng đến hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Mặt trận Tổ quốc thực sự trở thành cầu nối giữa Đảng với dân, dân với Đảng. Trong các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Mặt trận đã thể hiện tốt vai trò hiệp thương, giới thiệu nhân sự, giúp cử tri hiểu rõ lý lịch, quá trình công tác của các ứng viên, đảm bảo bầu cử dân chủ, đúng luật. Mặt trận còn thể hiện vai trò của mình thông qua việc phát động các phong trào xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, bài trừ các tệ nạn xã hội, tích cực vận động nhân dân tham gia các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, ủng hộ đồng bào các địa phương bị bão lụt...

Hội Nông dân đã bám sát những chỉ đạo của Đảng ủy và chính quyền để hướng dẫn hội viên thực hiện có hiệu quả. Hội phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện đưa giống lúa mới vào sản xuất đại trà tại các cánh đồng, vận động hội viên sản xuất, kinh doanh giỏi, giúp nhau xóa đói giảm nghèo. Hội còn tổ chức các lớp tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân.

Hội Cựu Chiến binh xã Cư Lễ được thành lập năm 1991, đồng chí Nguyễn Duy Kinh bầu là Chủ tịch Hội. Từ khi thành lập cho đến năm 1995, Hội Cựu chiến binh xã Cư Lễ đã có nhiều hoạt động tích cực, nhất là các hoạt động giáo dục truyền thống, động viên hội viên phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, góp phần thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, giữ vững tình hình an ninh trật tự, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, xứng đáng là chỗ dựa tin cậy của Đảng bộ và chính quyền địa phương.

Hội Phụ nữ đã đẩy mạnh thi đua lao động sản xuất, triển khai tích cực các chương trình của Trung ương Hội như: Chương trình bồi dưỡng và nâng cao kiến thức năng lực cho phụ nữ; chương trình chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, nuôi con khỏe, dạy con ngoan, xây dựng gia đình ấm no hạnh phúc. Công tác củng cố tổ chức luôn được quan tâm, tạo điều kiện cho chị em phụ nữ tham gia đầy đủ các phong trào của địa phương.

Đoàn Thanh niên phát động những phong trào gắn với các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nhà nước, Trung ương Đoàn ... Thông qua hoạt động sinh hoạt, đoàn viên, thanh niên Cư Lễ nhận thức sâu sắc hơn về lý tưởng cộng sản, về đạo đức cách mạng và nhiều đoàn viên ưu tú đã được các chi bộ giới thiệu đi học cảm tình Đảng, một số được kết nạp Đảng.

Tròn một thập kỷ bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ và nhân dân xã Cư Lễ đã vượt qua nhiều khó khăn của một địa phương miền núi để phấn đấu thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (1986-1991) và lần thứ VII (1991-1996). Những thành tích đạt được dù chỉ là bước đầu nhưng đó là nguồn cổ vũ, động viên Đảng bộ cùng nhân dân Cư Lễ vững tin vào đường lối cách mạng của Đảng, vững tin vào chính khả năng của mình để phấn đấu vươn lên xây dựng quê hương giàu đẹp, xứng đáng với truyền thống văn hóa bao thế hệ đi trước góp công vun đắp.

Chương V
CƯ LỄ TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI
ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG TRONG
THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
(1996-2015)

I. TẬN DỤNG CÁC NGUỒN LỰC PHÁT TRIỂN,
VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO THẾ KỶ XXI (1996-2005)

Giai đoạn 1986-1995, dựa trên đường lối đổi mới được Đảng khởi xướng tại Đại hội VI (12-1986), dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái¹ và Huyện ủy Na Rì, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Cư Lễ đã đạt nhiều kết quả trong phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng; công tác xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền, các đoàn thể được củng cố và hoạt động có hiệu quả.

Thực hiện Chỉ thị 51-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII về Đại hội Đảng bộ các cấp, cuối tháng 12-1995, Đảng bộ xã Cư Lễ tổ chức Đại hội lần thứ X, nhiệm kỳ 1996-2000, tại Hội trường Ủy ban nhân dân

1. Ngày 1-1-1997, tỉnh Bắc Thái được tách ra thành hai tỉnh: Bắc Kạn và Thái Nguyên. Xã Cư Lễ thuộc quản lý của huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

xã. Đại hội đã tổng kết 10 năm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội từ 1986-1995, đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ 5 năm tới (1996-2000) - nhiệm kỳ 5 năm đầu tiên được áp dụng tại cấp ủy Đảng cơ sở. Nhận định về tình hình địa phương 10 năm (1986-1995), Đại hội chỉ rõ: Đời sống của đại bộ phận nhân dân Cư Lễ đã có những bước tiến đáng kể, diện mạo nông thôn được thay đổi từng ngày. Có được kết quả đó trước tiên là do đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Na Rì; cùng với đó, việc vận dụng linh hoạt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào thực tế địa phương cũng như tinh thần hăng say lao động sản xuất của nhân dân chính là những yếu tố quan trọng để đưa quê hương Cư Lễ phát triển đi lên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 7 đồng chí. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành phân công đồng chí Nông Thanh Cận giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nông Văn Lú - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã), đồng chí Phạm Ngọc Chinh - Thường trực Đảng ủy; các đồng chí Hoàng Văn Cường, Nông Văn Lại, Hoàng Văn Bích, Sầm Minh Phương là Đảng ủy viên.

Tiếp tục tinh thần đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, trong hai ngày 30 và 31 tháng 8-2000, Đảng bộ xã Cư Lễ long trọng tổ chức Đại hội lần thứ XI, nhiệm kỳ 2000-2005. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ tới với nội dung chính là: Triệt để khai thác tiềm năng về đất đai, lao động để phát triển sản xuất, tăng nhanh nông sản hàng hóa, cải

thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; tiến hành chuyển dịch cơ cấu kinh tế; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế; thực hiện tốt công tác quân sự địa phương, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cù Lũ nhiệm kỳ 2000-2005 được bầu gồm 9 đồng chí. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí: Nông Thanh Cận - Bí thư Đảng ủy, Nông Thanh Tiến - Phó Bí thư Thường trực, Nông Văn Thịnh - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân). Các đồng chí Đảng ủy viên gồm: Nông Văn Lại, Nông Văn Oánh, Hoàng Văn Cương, Lâm Ngọc Tá, Bàn Văn Hoàn, Nguyễn Thị Lê.

Những chủ trương, đường lối đề ra tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII (1996-2000), lần thứ IX (2000-2005), cũng như các chỉ thị, nghị quyết của Huyện ủy Na Rì được ban hành trong thời gian này chính là cơ sở quan trọng để Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Cù Lũ tiếp tục thực hiện công cuộc đổi mới, xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

1. Tập trung phát triển kinh tế, đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới

Bắt tay vào thực hiện nghị quyết do Đại hội Đảng các cấp đề ra, Cù Lũ có những thuận lợi căn bản: Tình hình kinh tế - xã hội từng bước đi vào ổn định, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện; cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động dần có sự chuyển dịch gắn với sản xuất hàng hóa. Tuy nhiên, xã cũng phải đối

mặt với một số khó khăn: Cơ sở hạ tầng của xã còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ đổi mới; tuy được Đảng bộ cấp trên quan tâm nhưng do còn khó khăn nên nguồn kinh phí đầu tư chưa được nhiều; kinh tế chủ yếu vẫn là nông nghiệp, chịu ảnh hưởng nhiều bởi yếu tố thời tiết...

Trên cơ sở đường lối phát triển kinh tế nhiều thành phần, thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, Đảng bộ xã Cù Lũ tiếp tục xác định nông nghiệp là mặt trận hàng đầu; thực hiện chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, nghiên cứu để áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật phù hợp với địa phương để phát triển ngành nông nghiệp; chú trọng công tác thủy lợi, phát triển chăn nuôi. Trong 5 năm (1996-2000), nền kinh tế của xã có mức tăng trưởng đạt 4,91 %/năm; giai đoạn 2000-2005, mức tăng trưởng bình quân đạt 5,7 %/năm.

Đối với sản xuất nông nghiệp, đến năm 2000, xã Cù Lũ đã duy trì và mở rộng diện tích trồng cây lương thực ngắn ngày lên 367ha, trong đó diện tích trồng cả năm là 170,9ha (diện tích lúa hè thu là 145ha, lúa xuân¹ là 35ha), năng suất bình quân lúa hè thu từ 25-27 tạ/ha, năng suất vụ xuân 32 tạ/ha; tổng sản lượng thóc đạt 463 tấn. Ngoài cây lúa, cây ngô cũng được coi là cây trồng chủ lực của xã. Được sự hỗ trợ và khuyến khích của chính quyền, nhân dân trong xã tích cực trồng được 2 vụ với tổng diện tích 142 ha/năm, cho sản lượng trung bình trên 650 tấn.

1. Từ giữa thập niên 90 của thế kỷ XX, Cù Lũ trở lại làm vụ lúa xuân.

Ngoài ra, tận dụng diện tích đồi bãi, đồng bào còn trồng thêm cây lạc, khoai tây, sắn, đậu đỗ các loại... Đến năm 2000, tổng sản lượng lương thực có hạt là 1.143 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 580 kg/năm.

Bước sang giai đoạn 2000-2005, ngành nông nghiệp của xã tuy gặp một số khó khăn do tình hình thời tiết (rét đậm, rét hại kéo dài) và sâu bệnh gây ra, nhưng nhờ sự chỉ đạo sát sao của chính quyền địa phương và nỗ lực, chủ động của bà con nhân dân nên nhìn chung vẫn có bước tăng trưởng khá. Diện tích gieo trồng bình quân hàng năm đạt trên 420ha. Tính đến năm 2005, toàn xã Cur Lễ duy trì được diện tích lúa 2 vụ là 182ha (trong đó có 15% diện tích lúa lai được đưa vào sản xuất); năng suất lúa bình quân cả năm là 31,5 tạ/ha; diện tích ngô 2 vụ có 153,2ha. Tổng sản lượng lương thực cả năm là 1.212 tấn (tăng 106% so với giai đoạn trước). Hệ số sử dụng đất đạt 1,5 lần. Đời sống nhân dân được nâng lên rõ rệt so với những năm của thập niên 90. Xã không còn hộ gia đình bị đói lúc giáp hạt.

Cùng với sự đi lên của nền kinh tế, ngành chăn nuôi của địa phương cũng dần chuyển từ tính tự cấp tự túc sang hướng sản xuất hàng hóa. Giai đoạn 1996-2000, tuy đã được chú trọng đầu tư nhưng về cơ bản ngành chăn nuôi vẫn có quy mô nhỏ lẻ. Bước sang giai đoạn 2000-2005, chăn nuôi ở xã Cur Lễ bắt đầu chuyển sang phương thức tập trung thành các gia trại. Mặc dù chịu ảnh hưởng của một số dịch bệnh như: lở mồm long móng ở lợn, cúm H5N1 ở gia cầm... nhưng nhìn chung ngành chăn nuôi vẫn có bước tăng trưởng cả về số lượng và chất lượng.

Tính đến năm 2005, toàn xã Cur Lễ có 782 con trâu, 53 con bò, 8.200 con gia cầm. Ngoài ra, một số hộ cũng bắt đầu đưa dê vào chăn thả, tạo hướng đi mới cho kinh tế gia đình.

Về lâm nghiệp, quán triệt Nghị định 02-NĐ/CP ngày 15-1-1994 của Chính phủ về trồng cây, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, công tác giao đất, giao rừng được tiến hành khẩn trương. Từ năm 1996-2005, xã Cur Lễ tiếp tục thực hiện theo hướng dẫn, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện Na Rì về việc động viên nhân dân tổ chức nhận đất, nhận rừng để trồng mới, bảo vệ và tái sinh rừng ... Nhân dân còn tiếp tục chăm sóc và bảo vệ 100ha rừng đã trồng theo Chương trình PAM, trồng rừng mới theo các Chương trình 327 và 661 được 90,7ha. Đến năm 2005, xã lên kế hoạch thành lập các tổ quản lý bảo vệ rừng ở từng thôn trong xã. Hàng năm, Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo tổ chức các đợt kiểm tra rừng giáp ranh tại các thôn Sắc Sái, Nà Dài, Khuổi Quân.

Do có Quốc lộ 3B chạy qua tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy việc giao lưu kinh tế, buôn bán trao đổi hàng hóa trên địa bàn nên từ những năm đầu thế kỷ XXI, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở Cur Lễ bắt đầu có những chuyển biến tích cực, hàng hóa dần trở nên đa dạng, phong phú. Tính đến năm 2005, toàn xã có hàng chục cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ được thành lập và phát triển ổn định như mộc, nề, sản xuất vật liệu xây dựng, hàng quán ăn uống, cửa hàng tạp hóa...

Trong xây dựng cơ bản, chính quyền xã đã tranh thủ nguồn vốn hỗ trợ của cấp trên, ngân sách địa phương có

cùng nguồn vốn do nhân dân và các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn xã đóng góp để xây dựng cơ sở hạ tầng, phục vụ sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân. Xã quan tâm tới hệ thống thủy lợi nội đồng; sửa chữa và xây dựng mới các hạng mục công trình trường học. Ngoài ra, nhân dân trong xã còn đóng góp xây dựng, rải cấp phối các tuyến đường liên thôn. Từ năm 1997, xã Cur Lễ bắt đầu kéo được điện sinh hoạt về phục vụ nhân dân, khởi điểm tại các thôn Cạm Mjầu, Khau Ngò, Pò Pải và Phja Khao, Khau An, Pò Rì, Khau Pằn, Kéo Deng. Do sản xuất phát triển, các sản phẩm hàng hóa ngày càng nhiều, để thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm, mang lại hiệu quả kinh tế và cải thiện đời sống, người dân trong xã đã tập trung nhau lại trao đổi buôn bán hình thành nên các phiên chợ. Đến năm 2005, trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương, Đảng ủy và chính quyền xã cùng nhân dân đã xây dựng và khánh thành khu chợ tại thôn Khau An, chợ được tổ chức họp vào các ngày 1 và ngày 6 hàng tháng¹.

2. Công tác văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng

Về công tác giáo dục (giai đoạn 1996-2000), theo Quyết định số 446/TC-ĐT ngày 31/7/1997, trường phổ thông cấp I+II xã Cur Lễ được tách thành hai trường: Trường tiểu học do thầy Nông Văn Lưu làm Hiệu trưởng; trường trung học cơ sở do thầy Hoàng Văn Cương làm Hiệu trưởng. Do mới tách nên cơ sở dạy và học của cả 3 cấp học mầm non, tiểu học, trung học cơ sở của xã nhà còn thiếu thốn, xuống cấp; thêm vào đó do cuộc sống mưu

1. Tức các ngày 1, 6, 11, 16, 21, 26 hàng tháng.

sinh cũng như tư tưởng của nhiều bậc cha mẹ phụ huynh còn lạc hậu nên tình trạng học sinh bỏ học giữa chừng vẫn diễn ra. Bước sang giai đoạn 2000-2005, chất lượng dạy và học ở Cur Lễ có bước phát triển mới. Tình trạng học sinh bỏ học đã giảm so với thời kỳ trước; tỷ lệ tốt nghiệp tiểu học đạt trên 85%, tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 80% trở lên. Năm 2005, trường mầm non xã Cur Lễ có 54 cháu; trường tiểu học có 102 học sinh; trường trung học cơ sở có 148 học sinh.

Công tác y tế tiếp tục được cấp ủy Đảng và chính quyền xã quan tâm. Đội ngũ y tế viên ở các bản được kiện toàn, bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tinh thần trách nhiệm với nhân dân. Giai đoạn này, trạm y tế xã Cur Lễ thường xuyên phối kết hợp với các ngành, đoàn thể trong xã theo dõi, giám sát các bệnh dịch trên địa bàn. Bên cạnh đó, tổ chức tuyên truyền, giáo dục sức khỏe, kiến thức về vệ sinh phòng bệnh, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm đến nhân dân. Nhờ đó, trên địa bàn xã không có dịch bệnh lớn xảy ra.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được cấp ủy Đảng và chính quyền xã Cur Lễ quan tâm. Ngoài việc bố trí một cán bộ chuyên trách, củng cố đội ngũ cộng tác viên cũng như sự phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức đoàn thể (lấy Hội Phụ nữ làm nòng cốt) để tuyên truyền, vận động thuyết phục, đã góp phần giảm tỷ lệ sinh xuống còn 1,4% (năm 2000). Tuy nhiên, trong khi tỷ lệ sinh giảm thì ở địa phương việc sinh con thứ 3 lại có xu hướng tăng.

Thực hiện Nghị định số 28-NĐ/CP ngày 29-4-1995 của Chính phủ về chế độ ưu đãi và khen thưởng đối với

người có công, trong nhiệm kỳ 1996-2000, Đảng ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã làm hồ sơ đề nghị chế độ cho những người đủ điều kiện công nhận là liệt sỹ; làm thủ tục khen thưởng huân, huy chương cho các cá nhân và tổ chức xã hội. Cùng với sự đi lên của kinh tế, Đảng và Nhà nước cũng có điều kiện để quan tâm, giúp đỡ hơn đến các đối tượng gia đình chính sách, do đó, từ năm 2000-2005, Ban Thương binh - xã hội xã cũng tích cực thực hiện việc trợ cấp xã hội cho các đối tượng. Chính quyền xã vận động toàn dân tham gia mua tặng sổ tình nghĩa, đóng góp vật tư, công sức, tiền bạc để giúp đỡ gia đình chính sách có hoàn cảnh khó khăn. Phong trào xóa đói giảm nghèo cũng đạt kết quả tích cực, nhiều hộ trong xã được ủng hộ về lương thực, thực phẩm, tạo điều kiện để vay vốn phát triển kinh tế, hỗ trợ kỹ thuật sản xuất... Do vậy, tỷ lệ hộ đói, hộ nghèo giảm dần qua các năm, đời sống nhân dân được cải thiện nhiều so với thời kỳ trước.

Công tác quốc phòng thường xuyên được quan tâm chỉ đạo. Giai đoạn từ 1996-2005, Đảng bộ xã Cư Lễ luôn quán triệt và lãnh đạo thực hiện nghiêm túc các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy Bắc Thái (từ 1997 là Tỉnh ủy Bắc Kạn) và Huyện ủy Na Rì về chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Ban Chỉ huy xã đội thường xuyên được củng cố, nâng cao năng lực chỉ huy, tác chiến. Hàng năm đều tham gia các đợt huấn luyện, hội thao, diễn tập quân sự... Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Xã đội quản lý tốt thanh niên trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự, tổ chức khám tuyển đạt 100%. Tù theo kế hoạch của cấp

trên, trung bình mỗi năm xã Cư Lễ có từ 4-7 thanh niên lên đường nhập ngũ.

Bên cạnh công tác quốc phòng, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội giai đoạn này luôn được giữ vững. Ban Công an xã đã chủ động phối hợp với các ban ngành, đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân phòng chống các tệ nạn xã hội xảy ra trên địa bàn. Chủ động tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương có giải pháp lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để tồn đọng, bức xúc kéo dài, gây mất ổn định. Tích cực phối hợp với các đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân tham gia tố giác tội phạm, xây dựng đội tự quản an ninh, trật tự, an toàn giao thông. Thời điểm trước năm 2000, chức danh Trưởng Công an xã do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã kiêm nhiệm. Từ đầu năm 2000, việc kiêm nhiệm chức danh này chấm dứt, đồng chí Nông Thanh Tiến được phân công giữ chức Trưởng Công an (1/2000 - 9/2000), từ tháng 9-2000 đến 2-2001, đồng chí Nông Văn Oánh thay đồng chí Tiến và đến tháng 3-2001, đồng chí Nông Văn Tấn được phân công làm Trưởng Công an xã Cư Lễ thay đồng chí Nông Văn Oánh.

3. Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, hiệu quả hoạt động của chính quyền và các đoàn thể chính trị

Quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội trọng tâm trong giai đoạn 1996-2005, Đảng ủy xã Cư Lễ luôn xác định việc xây dựng, củng cố tổ chức Đảng là một nhiệm vụ hàng đầu, đảm bảo hoàn thành tốt các nhiệm vụ được đề ra qua 2 kỳ Đại hội

Đảng bộ lần thứ X, nhiệm kỳ 1996-2000 và lần thứ XI, nhiệm kỳ 2000-2005.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng. Đảng bộ luôn coi trọng công tác giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục truyền thống cách mạng, nâng cao nhận thức và năng lực cho cán bộ, đảng viên. Đảng ủy đã tổ chức cho đảng viên nghiên cứu, quán triệt kịp thời, đúng kế hoạch Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII (1996-2001) và lần thứ IX (2001-2006) của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Tỉnh ủy và Huyện ủy. Công tác tư tưởng được thông tin nhiều chiều, có định hướng, giúp cho đảng viên và nhân dân nhận thức rõ thời cơ thuận lợi và những thách thức, khó khăn trong sự nghiệp đổi mới đất nước. Từ đó, xác định trách nhiệm của mỗi tổ chức, mỗi cá nhân không ngừng nỗ lực, phấn đấu, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, đồng thời tích cực đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, quan điểm sai trái, bảo vệ đường lối của Đảng, chống âm mưu “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Công tác phát triển đảng viên được sự chỉ đạo tích cực của Đảng ủy và sự quan tâm của các chi bộ cơ sở, các ban, ngành, đoàn thể trong xã. Giai đoạn 1996-2000, Đảng bộ xã Cư Lễ đã kết nạp được 12 đảng viên mới; từ năm 2000-2005, có 15 quần chúng ưu tú được kết nạp, nâng tổng số đảng viên toàn Đảng bộ đến năm 2005 lên 119 đồng chí, sinh hoạt tại 13 chi bộ.

Bên cạnh công tác phát triển đảng viên mới thì Đảng ủy xã Cư Lễ thường xuyên chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc

công tác kiểm tra Đảng. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy tiến hành kiểm tra việc chấp hành chế độ sinh hoạt Đảng ở tất cả các chi bộ. Việc xử lý, kỷ luật đảng viên kịp thời, đúng quy định, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ, đồng thời cho thấy tình hình đảng viên chấp hành kỷ luật cơ bản tốt, giữ vững và phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu và phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên.

Trong công tác xây dựng chính quyền và các đoàn thể nhân dân, việc phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chính trị ngày càng tốt hơn, phát huy được khối đại đoàn kết toàn dân, nhất là trong việc vận động nhân dân tham gia cuộc bầu cử Quốc hội khóa X (1997-2002) và khóa XI (2002-2011) và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp diễn ra an toàn và đạt kết quả tốt. Hội đồng nhân dân xã Cư Lễ nhiệm kỳ 1999-2004 đã bầu được 19 đại biểu. Tại kỳ họp lần thứ nhất (tháng 12-1999), Hội đồng nhân dân đã bầu đồng chí Nông Thanh Cận giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân; đồng chí Nông Văn Thịnh được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Nông Văn Oánh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Hội đồng nhân dân xã Cư Lễ nhiệm kỳ 2004-2011¹ bầu được 21 đại biểu; đồng chí Nông Thanh Tiến - Phó Bí thư được bầu là Chủ tịch Hội đồng nhân dân; đồng chí Nông Văn Oánh giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Trong xây dựng các phong trào, mỗi tổ chức đoàn thể

1. Tháng 11-2008, theo yêu cầu và nhiệm vụ trong tình hình mới, Quốc hội khóa XII đã ra Quyết định số 25/2008/QH12 về việc kéo dài thời gian hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp đến năm 2011.

nhân dân theo đặc thù riêng của mình đã có những hoạt động cụ thể, thiết thực góp phần vào thực hiện nhiệm vụ chung của địa phương:

Mặt trận Tổ quốc xã đã duy trì và phát huy được vai trò là hạt nhân lãnh đạo phong trào ở địa phương, là trung tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Cư Lễ đã chỉ đạo nhân dân thực hiện tốt cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”, phát động chương trình xây dựng Quy ước văn hóa, ủng hộ “Quỹ đền ơn đáp nghĩa”...

Hội Phụ nữ xã đã xây dựng được 5 chương trình hành động và phát động 2 phong trào “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo nuôi con giỏi, dạy con ngoan, xây dựng gia đình hạnh phúc”, “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình, cần kiệm xây dựng đất nước”. Ngoài ra, Hội còn tổ chức được các tổ phụ nữ ở cơ sở, đi vào hoạt động có nền nếp, đạt hiệu quả cao.

Hội Nông dân xã là tổ chức có số lượng hội viên đông nhất, đóng vai trò là lực lượng chính trong lao động sản xuất và làm ăn kinh tế. Hội đã có nhiều hoạt động trong công tác tham gia xóa đói giảm nghèo cho hội viên, hướng dẫn hội viên tổ chức các mô hình phát triển kinh tế, vươn lên thoát nghèo. Các nghĩa vụ về thuế nông nghiệp, thu sản phẩm, thủy lợi phí... đều hoàn thành 100% chỉ tiêu được giao.

Đoàn Thanh niên xã đã có nhiều hình thức đổi mới, vận động, tập hợp thanh niên, đoàn viên tham gia sinh hoạt. Chế độ sinh hoạt Đoàn được duy trì có nền nếp, nội dung sinh hoạt phong phú, các phong trào thi đua yêu

nước được phát động kịp thời, sát với nhiệm vụ chính trị của địa phương. Hàng năm, số đoàn viên, thanh niên thuộc diện đăng ký khám tuyển nghĩa vụ quân sự đều đạt tỷ lệ cao.

Nhìn chung, giai đoạn từ năm 1996-2005, thông qua hai nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ xã lần thứ X và XI, mặc dù còn gặp không ít khó khăn trong phát triển kinh tế cũng như thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, song cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức kinh tế từ xã đến thôn đã bám sát Nghị quyết Đại hội để triển khai chỉ đạo và thực hiện đạt được những kết quả quan trọng: ngành nông nghiệp đã có sự chuyển dịch nhanh chóng về cơ cấu theo hướng sản xuất hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của thị trường, các giống lúa ngắn ngày cho năng suất cao được đưa vào gieo trồng; chăn nuôi tăng cả về số lượng và chất lượng; cơ sở hạ tầng tiếp tục được đầu tư, nâng cấp đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của nền kinh tế; sự nghiệp văn hóa - xã hội có những biến chuyển tích cực; quốc phòng - an ninh được đảm bảo; công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể tiếp tục được giữ vững.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, xã Cư Lễ có một số hạn chế cần khắc phục: Tốc độ phát triển kinh tế chưa cao; việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm, quy mô còn nhỏ. Trong sinh hoạt Đảng, chính quyền và các đoàn thể chính trị xã hội vẫn đi theo lối mòn, chậm đổi mới nội dung, hình thức hoạt động phù hợp với điều kiện thực tế đặt ra; một số đảng viên, đoàn viên, hội viên ý thức kỷ luật, tác phong, lề lối làm việc

chưa nghiêm túc, hiệu quả thấp. Một số phong trào địa phương được triển khai chưa mang lại hiệu quả thiết thực, còn mang tính hình thức. Từ những hạn chế trên, Đảng bộ xã rút ra những kinh nghiệm để tiếp tục lãnh đạo nhân dân đạt được những kết quả tích cực hơn trong xây dựng và phát triển những năm tiếp theo.

II. PHÁT HUY TỐI ĐA CÁC NGUỒN LỰC CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, BƯỚC ĐẦU TRIỂN KHAI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI (2005-2015)

Tiếp nối những thành công của Đảng bộ giai đoạn trước, trong 10 năm từ 2005-2015, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Na Rì, Đảng bộ xã Cư Lễ chủ động bắt nhịp với những thay đổi của cơ chế thị trường; chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo để thực hiện có hiệu quả các chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra, từ đó đưa chủ trương, nghị quyết của Đảng vào thực tiễn đời sống nhân dân. Gắn liền với đó là thành công của hai kỳ Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XII, nhiệm kỳ 2005-2010 và lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2010-2015.

Trên cơ sở đánh giá những kết quả, hạn chế gặp phải, Đại hội Đảng bộ xã Cư Lễ nhiệm kỳ 2005-2010 và 2010-2015 đều đưa ra các mục tiêu cụ thể, trong đó mục tiêu đến năm 2015 là:

Tổng sản lượng lương thực hàng hóa phấn đấu đạt 1.680 tấn; bình quân lương thực đạt 800 kg/người/năm trở lên. Tổng đàn trâu 950 con; đàn bò 120 con; đàn lợn 1.500 con; đàn gia cầm 18.000 con. Độ che phủ rừng đạt 70%. Giảm hộ nghèo từ 8-10 %/năm trở lên.

Phấn đấu tỷ lệ học sinh khá, giỏi các cấp đạt bình

quân từ 25-30%. Giảm tỷ lệ sinh dưới 1%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 8%; không có trường hợp sinh con thứ 3.

Hàng năm phấn đấu đạt 80% các chi bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng đạt trong sạch vững mạnh.

Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cư Lễ khóa XII và XIII được Đại hội Đảng bộ bầu, kiện toàn theo chỉ tiêu và kế hoạch đề ra. Ban Chấp hành khóa XII, nhiệm kỳ 2005-2010, được bầu gồm 11 đồng chí. Trong đó, đồng chí Nông Văn Oánh được bầu giữ chức Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nông Thanh Tiến - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; đồng chí Nguyễn Thị Lê - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Ban Chấp hành khóa XIII, nhiệm kỳ 2010-2015, được bầu gồm 13 đồng chí. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ tiếp tục tín nhiệm bầu đồng chí Nông Văn Oánh giữ chức Bí thư Đảng ủy; đồng chí Nông Thanh Tiến - Phó Bí thư Thường trực; đồng chí Nông Văn Thùy được bầu là Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

Giai đoạn từ 2005-2015, Đảng ủy Cư Lễ đã lãnh đạo nhân dân xã nhà phấn đấu hoàn thành các mục tiêu đề ra trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp: Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu ảnh hưởng không nhỏ đến nước ta; tranh chấp giữa nhiều khu vực diễn ra ngày càng căng thẳng. Ở địa phương, nhiều vấn đề nảy sinh: kinh tế nông nghiệp chủ yếu dựa nhiều vào thời tiết; giá cả vật tư hàng hóa tăng cao ảnh hưởng không nhỏ đến tốc độ phát triển kinh tế - xã hội; đời sống nhân dân được cải thiện nhưng so với mặt bằng chung của

cả nước vẫn còn thấp. Tuy nhiên, với những kinh nghiệm trong việc lãnh đạo phong trào địa phương qua các thời kỳ, lại được sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Huyện ủy Na Rì, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Cự Lễ đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế, trọng tâm là thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; đảm bảo an ninh - quốc phòng; xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh đáp ứng yêu cầu trong thời kỳ mới.

1. Quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, Đảng bộ xã Cự Lễ lãnh đạo phát triển kinh tế, trọng tâm là xây dựng nông thôn mới

Đối với sản xuất nông nghiệp, giai đoạn từ 2005-2010, xã Cự Lễ duy trì được tổng diện tích gieo trồng bình quân là 435,25ha¹. Trong đó, diện tích cây lương thực bình quân đạt 387 ha/năm. Hệ số sử dụng đất trong 5 năm đạt 1,75 lần (đạt 83,33% mục tiêu đề ra). Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 1.302 tấn (mục tiêu là 1.205 tấn). Bình quân lương thực đầu năm 2009 đạt 704,22 kg/người/năm (mục tiêu đề ra là 600 kg/người/năm). Để có được kết quả trên, Đảng ủy, chính quyền cùng các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân đã khai thác tối đa hiệu quả từ các công trình thủy lợi; khắc phục hạn hán; bảo vệ diện tích và thời vụ gieo cấy; cung ứng giống, phân bón khá đầy đủ và kịp thời cho sản xuất; đặc biệt là mở các lớp tập huấn chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào gieo cấy, chăm sóc, bảo vệ cây trồng cho nhân dân.

Cùng với trồng trọt, hoạt động chăn nuôi cũng có

1. So với năm 2005 tăng 41,29ha.

bước tăng trưởng khá, đem lại nguồn thu nhập cao cho nhiều hộ gia đình. Tính đến năm 2009, tổng đàn trâu toàn xã Cự Lễ có 881 con (đạt 94,6% mục tiêu Đại hội). Đàn bò giảm mạnh, năm 2009 còn 73 con, đạt 31,7% so với mục tiêu Đại hội đề ra. Nguyên nhân khiến số lượng đàn trâu, bò thời gian này giảm, không đạt mục tiêu Đại hội vì nhiều hộ đã chuyển việc làm đất từ sức kéo sang dùng máy cày; một số bãi chăn thả bị thu hẹp do nhiều diện tích được chuyển sang trồng ngô, đậu đỗ... và một số khác bị chết rét trong các đợt rét đậm, rét hại cuối năm 2008. Tuy một số mục tiêu không đạt kế hoạch đề ra nhưng nhìn chung giai đoạn 2005-2010, ngành chăn nuôi ở Cự Lễ tiếp tục có bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa. Các hộ gia đình đã áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi như: tiêu độc, khử trùng dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; nhiều hộ thực hiện trồng cỏ để chăn nuôi, sử dụng giống lai (bò, lợn, gà, vịt, ngan) để cho năng suất cao, chất lượng tốt. Đặc biệt, thời gian này xã đã bắt đầu phát triển được các mô hình kinh tế trang trại. Tính đến tháng 12-2009, xã Cự Lễ đã có 7 mô hình cho mức thu nhập lãi từ 20-60 triệu đồng/năm trở lên, gồm các mô hình kinh tế hộ kết hợp trồng trọt với chăn nuôi và phát triển vườn cây ăn quả. Trong đó, có một mô hình kinh tế tập thể thuộc Chi hội 5 Hội Cựu chiến binh thôn Nà Dài.

Bước sang giai đoạn 2010-2015, quán triệt phương châm Đại hội Đảng bộ xã đề ra là “tập trung nguồn lực đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch kinh tế, phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân để xây dựng xã Cự Lễ

phát triển bền vững”¹, Đảng bộ, chính quyền xã Cư Lễ tiếp tục đề ra các chủ trương, biện pháp nhằm đưa sản xuất của địa phương tiến lên.

Về trồng trọt, trong 5 năm (2010-2015), xã có tổng diện tích gieo trồng bình quân là 496,2ha (tăng 60,9ha so với nhiệm kỳ trước). Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm đạt 1.740 tấn (tăng 438 tấn so với nhiệm kỳ trước và 60 tấn so với mục tiêu Đại hội đề ra). Bình quân lương thực tính đến đầu năm 2015 là 800,45 kg/người/năm (vượt mục tiêu Đại hội là 0,45kg). Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Cư Lễ đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp khuyến khích nhân dân phát triển kinh tế, hỗ trợ vốn và bồi dưỡng kiến thức về nông nghiệp thông qua các lớp tập huấn; đồng thời đẩy mạnh việc đầu tư, mở rộng và cải tạo hệ thống thủy lợi, mương phai; áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, trồng thêm cây dong riềng, ngô cho hiệu quả kinh tế cao nhằm phá thế độc canh cây lúa. Tất cả những bước tiến đó đã cho thấy việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở địa phương đã đi đúng hướng, tạo ra hiệu quả tích cực.

Trong xu hướng phát triển chung của kinh tế khi máy móc dần đảm nhiệm vai trò chính trong hoạt động sản xuất thì số lượng đàn trâu, bò của xã giảm xuống cũng là tất yếu. Tính đến đầu năm 2015, tổng đàn trâu của toàn xã có 660 con (bằng 74,9% so với nhiệm kỳ trước), đàn bò có 38 con (bằng 52% so với giai đoạn 2005-2010). Trong khi đó, đàn lợn và đàn gia cầm lại có bước phát triển mạnh

so với thời gian trước: năm 2015, toàn xã có 1.650 con lợn (tăng 520 con so với năm 2010 và đạt 106,7% so với mục tiêu đề ra); đàn gia cầm có 18.500 con (tăng 4.000 con so với 2010). Chăn nuôi tiếp tục có bước phát triển đa dạng, cho năng suất và sản lượng tốt. Tuy nhiên, vẫn còn gặp một số hạn chế: khu vực chăn thả thiếu do giao đất, giao rừng; một số hộ chưa chú trọng đến công tác chăm sóc và bảo vệ, dẫn đến việc dễ xảy ra dịch bệnh.

Cùng với sản xuất nông nghiệp, hoạt động lâm nghiệp của địa phương từ năm 2005-2015 cũng đạt được những kết quả nhất định. Công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng được triển khai trên 14 thôn. Mỗi thôn đều thành lập tổ quản lý bảo vệ rừng. Ban Chỉ đạo thường xuyên phân công lực lượng tuần tra, kiểm tra tại các vùng trọng điểm, nhất là khu vực giáp ranh với huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân xã còn thực hiện kế hoạch tạm giao rừng núi đá cho tập thể thôn quản lý.

Giai đoạn 2005-2010, xã Cư Lễ triển khai trồng rừng theo dự án được 111ha; bình quân mỗi năm đạt 22,218ha. Tỷ lệ cây sống bình quân trong 5 năm đạt 80%. Việc quản lý, chăm sóc, khoanh nuôi, bảo vệ rừng được quan tâm chỉ đạo thường xuyên. Ủy ban nhân dân xã đã khoán 1.266ha cho các hộ gia đình nhận khoanh nuôi bảo vệ rừng. Việc khai thác lâm sản thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, khai thác gỗ xoan vườn, rừng trồng, gỗ phân tán tận thu, tận dụng được 782,1m³. Bước sang giai đoạn 2010-2015, xã Cư Lễ triển khai việc trồng rừng theo Dự án 147, bình quân mỗi năm được 125,23ha, đã giao khoán, khoanh nuôi, bảo vệ rừng được 1.261ha. Tính đến cuối năm 2014,

1. Trích chủ đề Đại hội Đảng bộ xã Cư Lễ lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2010-2015.

độ che phủ rừng của toàn xã Cù Lũ đạt 72% (tăng 2% so với mục tiêu Đại hội). Nhìn chung, thời gian này, địa phương không để xảy ra các vụ cháy rừng; các trường hợp vi phạm về bảo vệ, chăm sóc, phát triển rừng được kịp thời phát hiện, xử lý theo đúng pháp luật hiện hành.

Kinh tế phát triển tạo điều kiện để Đảng ủy, chính quyền xã tập trung vào hoạt động đầu tư xây dựng và cải tạo hệ thống cơ sở vật chất cho địa phương. Giai đoạn 2005-2010, xã Cù Lũ đã huy động được tổng nguồn vốn đầu tư hơn 8,6 tỷ đồng, trong đó tập trung vào xây dựng các công trình: Trạm điện hạ thế Nà Dài, xây trường mầm non và trạm y tế xã. Bước sang nhiệm kỳ 2010-2015, với việc triển khai Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới do Trung ương phát động, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, các đoàn thể chính trị và nhân dân xã Cù Lũ đã hưởng ứng, quyết tâm phấn đấu hoàn thành các tiêu chí đề ra. Trong 5 năm, nhờ sự hỗ trợ của cấp trên và nỗ lực của địa phương, chính quyền đã đầu tư hơn 16,2 tỷ đồng vào xây dựng kết cấu hạ tầng, kinh tế - xã hội, trong đó tập trung chủ yếu vào xây dựng trường học, đường giao thông nông thôn¹, điện, nước sạch sinh hoạt và giao thông thủy lợi. Nhờ vậy, tính đến tháng 12-2014, xã Cù Lũ đã hoàn thành được 9/19 tiêu chí về nông thôn mới. Cù Lũ được đánh giá là một trong những địa phương có phong trào xây dựng nông thôn khá của huyện Na Rì.

2. Hoạt động văn hóa - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh

1. Năm 2014, xã Cù Lũ triển khai và hoàn thành xong công trình đường nội thôn Phja Khao với tổng số vốn 348 triệu đồng, trong đó nhân dân đóng góp là 149,1 triệu đồng.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo của xã được phát triển, định hướng toàn diện, quy mô của hoạt động giáo dục cơ bản đáp ứng được nhu cầu dạy và học. Với phương châm coi “Giáo dục là quốc sách hàng đầu”, giai đoạn 2005-2015, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Cù Lũ luôn quan tâm, chăm lo cho sự phát triển, tạo điều kiện tốt nhất cho thầy, trò ở 3 khối trường. Xã có đầy đủ hệ thống trường học từ mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở.

Trong 10 năm, số lượng lớp và học sinh ở cả 3 cấp trường xã Cù Lũ có sự thay đổi: Năm học 2005-2006, xã có 26 lớp/3 khối trường; năm học 2009-2010, xã có 22 lớp/3 khối trường, trong đó số lớp ở bậc trung học cơ sở giảm 4 lớp. Giai đoạn 2010-2015, số lớp học ở cả 3 khối duy trì ổn định là 23 lớp, trong đó trường mầm non có 8 lớp với 135 học sinh; trường tiểu học có 11 lớp với 104 học sinh; trường trung học cơ sở có 4 lớp với 76 học sinh.

Nhìn chung, chất lượng dạy và học ở cả 3 cấp học tiếp tục được nâng lên. Tỷ lệ giáo viên các cấp mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đạt chuẩn 100%; số giáo viên đạt trên chuẩn 50%. Năm học 2009-2010, Cù Lũ có 18 giáo viên dạy giỏi cấp huyện, 4 giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh. Tỷ lệ học sinh chuyển lớp, tốt nghiệp, học sinh giỏi hàng năm đều tăng: Chuyển lớp đạt 88,2%, chuyển cấp đạt 97%. Học sinh giỏi cấp trường là 78 em, cấp huyện là 10 em, cấp tỉnh là 1 em.

Về y tế, từ năm 2005-2009, do chưa có điều kiện để cải tạo, đầu tư nên cơ bản cơ sở vật chất của trạm y tế xã còn hạn chế, phương tiện, trang thiết bị thiếu thốn nhiều. Đến cuối năm 2009, trạm y tế xã Cù Lũ đã được đầu tư

xây dựng mới. Từ năm 2010-2015, trạm y tế tiếp tục được chính quyền xã quan tâm đầu tư, khắc phục thiếu thốn về cơ sở vật chất trong những năm trước. Qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả khám và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Tính bình quân từ năm 2005-2015, trạm y tế đã tổ chức khám được từ 2.400-2.600 lượt người/năm. Vì vậy, thời gian này, trên địa bàn xã hầu như không xảy ra dịch bệnh lớn, duy chỉ có các năm 2005 và 2007 xảy ra dịch lỵ nhỏ ở các thôn Khuổi Quân và Nà Dài.

Sự nghiệp văn hóa - xã hội của địa phương thời gian này cũng có nhiều cố gắng. Ban Thông tin xã đã truyền tải đầy đủ thông tin về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, cũng như các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội được Đảng ủy, chính quyền xã ban hành. Qua đó, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đã trở thành phong trào trong thanh thiếu niên, các tổ phụ nữ, nhất là ở trường học. Tình hình và kết quả thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Năm 2009, xã Cự Lễ có 279/460 gia đình đạt tiêu chuẩn Gia đình văn hóa. Đến năm 2014, xã Cự Lễ có 7/14 thôn đạt Khu dân cư văn hóa (chiếm 50%).

Sự đi lên của kinh tế đã góp phần để địa phương giải quyết tốt chính sách xã hội. Đảng ủy, chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể xã Cự Lễ luôn thực hiện các chế độ chính sách đối với người có công, gia đình chính sách. Việc chi trả trợ cấp ưu đãi, trợ cấp khó khăn, chế độ đối với người có công và chính sách xã hội được Ban Thương binh - Xã hội xã làm đúng, đủ theo quy định. Bên cạnh

đó, thông qua các Chương trình 134, 135 của Chính phủ về hỗ trợ làm nhà ở và nước sinh hoạt phân tán, trong 5 năm (2005-2010), xã đã hỗ trợ làm được 41 nhà cho các hộ với số tiền đầu tư là 231 triệu đồng; hỗ trợ nước sinh hoạt 98 hộ bằng 35,9 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo năm 2009 còn 18,61% (so với năm 2005 giảm 39,8%); năm 2014, tỷ lệ hộ nghèo là 18,1%.

Cấp ủy, chính quyền đã quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng về an ninh Quốc gia, chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tổ chức tốt việc giáo dục kiến thức quốc phòng cho các đối tượng, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vững mạnh. Hàng năm, xã đội tổ chức huấn luyện dân quân và tham gia hội thao đảm bảo chất lượng, đạt thành tích cao. Công tác tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ được thực hiện nghiêm túc. Các chính sách hậu phương quân đội được quan tâm thực hiện tốt. Giai đoạn 2005-2015, toàn xã có 38 thanh niên nhập ngũ, đảm bảo 100% chỉ tiêu cấp trên giao.

Trong công tác giữ gìn an ninh trật tự, Đảng bộ, chính quyền xã đã chủ động làm tốt công tác tuyên truyền, vận động nhân dân bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phòng chống ma túy, nâng cao tinh thần cảnh giác với âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch; triển khai thực hiện nghiêm túc các nghị quyết của Đảng, Nhà nước, các chương trình Quốc gia về phòng chống tội phạm, ma túy, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Từ năm 2010-2015, tình hình trật tự xã hội của xã vẫn còn những diễn biến phức tạp như: buôn bán và sử dụng ma túy...

Tổng số có 47 vụ xảy ra, Ban Công an xã giải quyết theo thẩm quyền 39 vụ, chuyển huyện giải quyết 8 vụ.

3. Tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng, xây dựng chính quyền, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Đảng bộ xã Cư Lễ phấn đấu thực hiện thành công Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XII và XIII, cũng như các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên nhằm đảm bảo triển khai kịp thời đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trong bối cảnh tình hình an ninh thế giới, khu vực, tình hình biển đảo có nhiều diễn biến phức tạp đã tác động đến tư tưởng của đảng viên và nhân dân. Vì vậy, công tác chính trị, tư tưởng được cấp ủy Đảng đặc biệt quan tâm. Đảng bộ cũng chú trọng vào thông tin có định hướng, nhiều chiều, tập trung tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Đặc biệt, năm 2006, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Đảng bộ xã Cư Lễ triển khai cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Tiếp đó, trong nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng ủy tích cực triển khai có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và Chỉ thị 03-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Qua triển khai, cuộc vận động đã tạo ra những chuyển biến trong nhận thức và hành động của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương.

Công tác xây dựng Đảng về tổ chức cũng được coi là nhiệm vụ trọng tâm nhất, nhằm xây dựng tổ chức Đảng

vững mạnh, đủ sức lãnh đạo phong trào. Trong nhiệm kỳ 2005-2010, Đảng ủy đã cử 3 đồng chí đi học lớp trung cấp lý luận chính trị tại tỉnh Bắc Kạn và 3 đồng chí đi học tại huyện; học chuyên môn nghiệp vụ có 3 đồng chí; học kiến thức quản lý Nhà nước 2 đồng chí. Ngoài ra, Đảng ủy còn thực hiện tốt việc rà soát, quy hoạch cán bộ giai đoạn 2006-2015. Nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng ủy đã cử 3 đồng chí đi học lớp lý luận chính trị tại huyện; 3 đồng chí đi học lớp quản lý Nhà nước, 1 đồng chí đi học chuyên môn nghiệp vụ. Ngoài ra, Đảng ủy cũng thực hiện tốt việc rà soát, quy hoạch cán bộ trong giai đoạn 2010-2015 và 2015-2020.

Công tác kiểm tra được quan tâm thường xuyên, coi đây là chức năng quan trọng trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Từ năm 2006-2009, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy đã tổ chức 10 cuộc kiểm tra tại 14/14 chi bộ. Tất cả đều thực hiện tốt việc triển khai học tập các nghị quyết của cấp trên và Đảng bộ xã đề ra; có 6/14 chi bộ còn bộc lộ những mặt hạn chế như việc xây dựng nghị quyết hàng năm về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Từ năm 2010-2014, Ủy ban kiểm tra Đảng ủy đã tổ chức được 9 cuộc kiểm tra, giám sát tại 16/16 chi bộ. Về cơ bản, các chi bộ đều thực hiện tốt nhiệm vụ đề ra, chỉ có một số ít chi bộ còn hạn chế trong việc triển khai học tập tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh và các mục tiêu Đại hội chi bộ đã đề ra. Thông qua kiểm tra, Đảng ủy đã thi hành kỷ luật 1 đảng viên bằng hình thức khai trừ do vi phạm Điều 17 - Quy định về những điều đảng viên không được làm.

Trong công tác phát triển đảng viên mới, Đảng ủy xã Cư Lễ luôn coi trọng việc bổ sung số lượng đi đôi với sàng lọc, nâng cao chất lượng đảng viên, kiên quyết đưa những người không đủ tiêu chuẩn ra khỏi Đảng. Tính chung trong nhiệm kỳ 2005-2010, Đảng ủy xã đã tổ chức lễ kết nạp cho 40 đảng viên mới; nhiệm kỳ 2010-2015, có 22 đảng viên mới được kết nạp. Chất lượng sinh hoạt của tổ chức cơ sở Đảng và đảng viên đều đạt kết quả tốt. Tính đến tháng 12-2015, Đảng bộ xã Cư Lễ có 190 đảng viên sinh hoạt tại 16 chi bộ.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy Na Rì về công tác dân vận trong tình hình mới, Đảng ủy xã Cư Lễ đã tiến hành kiện toàn tổ chức khối dân vận, xây dựng quy chế hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức trong hệ thống chính trị, vận động cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương; thường xuyên nắm bắt tình hình diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là đối với công tác tư tưởng, tín ngưỡng, tôn giáo; tham mưu với Đảng ủy có biện pháp giải quyết kịp thời, góp phần xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân có nhiều tiến bộ. Chất lượng các kỳ họp Hội đồng nhân dân xã ngày càng được nâng cao; phát huy được tinh thần dân chủ, trách nhiệm của các đại biểu trong thảo luận, quyết định các vấn đề kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương. Năm 2011, cử tri xã Cư Lễ đã tham gia và góp phần vào thành

công của cuộc bầu cử Quốc hội khóa XIII và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, nhiệm kỳ 2011-2016. Tại kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân xã khóa mới, đồng chí Nông Văn Oánh - Bí thư Đảng ủy được các đại biểu tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã; đồng chí Nông Văn Lại là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Sau đó, Hội đồng nhân dân cũng tiến hành bầu các thành viên chính quyền: đồng chí Nông Văn Thùy giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã; đồng chí Nông Văn Vinh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Bộ máy chính quyền được củng cố, kiện toàn thường xuyên nhằm xây dựng chính quyền vững mạnh, vì vậy hàng năm, công tác chỉ đạo, điều hành đều có chuyển biến tích cực, góp phần thực hiện thắng lợi nhiều mục tiêu quan trọng do Đại hội Đảng bộ xã đề ra. Tiêu chuẩn, chất lượng đại biểu, hiệu quả hoạt động được nâng lên. Việc tiếp xúc cử tri thực hiện theo luật định và đã tích cực cải tiến theo hướng đối thoại trực tiếp, dân chủ. Sau các đợt tiếp xúc cử tri, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân có biện pháp khắc phục những yếu kém, tồn tại, được đông đảo cử tri hoan nghênh. Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân xã tập trung giải quyết đúng, đủ các chế độ, chính sách, công tác thi đua khen thưởng. Việc tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo cơ bản kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên đã thực hiện có hiệu quả chương trình phối hợp thống nhất hành động: Tập trung vận động các tầng lớp nhân dân trong xã thi đua lập thành tích chào mừng các sự kiện chính trị của dân tộc cũng như các ngày lễ lớn trong năm; phát động

phong trào giúp đỡ nhau trong phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo; đẩy mạnh phong trào xã hội học tập nâng cao dân trí, xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Các phong trào về cơ bản đều nhận được sự đồng tình hưởng ứng của nhân dân, tạo không khí thi đua sôi nổi, góp phần tăng khối đại đoàn kết toàn dân.

Hội Phụ nữ và Hội Nông dân xã Cư Lễ làm tốt công tác hỗ trợ hội viên vay vốn phát triển sản xuất, hướng dẫn đoàn viên, hội viên ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, thực hiện tốt các phong trào như “Phụ nữ tích cực lao động sáng tạo, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình văn minh, hạnh phúc”, “Nông dân thi đua lao động sản xuất kinh doanh giỏi”. Tính đến cuối năm 2014, Hội Phụ nữ xã Cư Lễ có 442 hội viên, tăng 73 hội viên so với năm 2010. Hội Nông dân có 400 hội viên, tăng 69 hội viên so với năm 2010.

Đoàn Thanh niên xã Cư Lễ đã làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia vào các phong trào thi đua, làm tốt công tác giáo dục thiếu niên nhi đồng, đẩy mạnh phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, xung kích đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn xã và giới thiệu nhiều đoàn viên ưu tú đi học lớp cảm tình Đảng. Trong giai đoạn 2005-2010, Ban Chấp hành Đoàn xã đã tiến hành tách Chi đoàn I thành 5 chi đoàn là: Khau An, Khau Ngoà, Pò Pái, Kéo Deng, Pò Rì; tách Chi đoàn Bản Pò thành 2 chi đoàn gồm Bản Pò, Pác Phàn. Trong 10 năm từ 2005-2015, trung bình mỗi năm Đoàn xã kết nạp được 10 đoàn viên. Tính đến cuối năm 2014, Đoàn Thanh niên xã Cư Lễ có 140

đoàn viên, sinh hoạt tại 15 chi đoàn.

Hội Cựu chiến binh xã Cư Lễ luôn giữ vững và phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ”, vận động hội viên thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tích cực hưởng ứng phong trào xây dựng gia đình hội viên gương mẫu, tăng cường công tác giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ, tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự an toàn xã hội, xây dựng đội tự quản ở các thôn, được cấp ủy đánh giá là đoàn thể vững mạnh, là chỗ dựa tin cậy của Đảng bộ và nhân dân. Tính đến cuối năm 2014, Hội có 89 hội viên sinh hoạt tại 10 chi hội.

Ngoài hoạt động tích cực, hiệu quả của 5 tổ chức đoàn thể chính trị, ở xã Cư Lễ các tổ chức xã hội như: Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ, Hội Cựu thanh niên xung phong... đã phối hợp chặt chẽ tuyên truyền, vận động hội viên tích cực lao động sản xuất, chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật, tham gia tích cực xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, xây dựng tổ chức hội vững mạnh.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2010-2015, Đảng bộ và nhân dân Cư Lễ vẫn còn những thiếu sót cần khắc phục: Việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa vững chắc, chưa đồng đều giữa các ngành nông, lâm nghiệp; sản xuất vẫn mang tính tự cung tự cấp, chưa tạo ra sản phẩm hàng hóa lớn; thu nhập của người lao động còn thấp. Công tác tuyển chọn công dân nhập ngũ còn gặp khó khăn; việc tham mưu, nắm bắt tình hình

và tuân tra kiểm soát của Ban Công an xã chưa được kịp thời thường xuyên. Trong khi đó, công tác quản lý hành chính của chính quyền còn chậm đổi mới, kinh nghiệm quản lý, tính năng động, sáng tạo và trách nhiệm của một số cán bộ có mặt còn hạn chế. Hoạt động của một số đoàn thể, cơ sở thôn đôi khi còn mang tính hình thức, hiệu quả tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện một số nhiệm vụ chính trị của địa phương chưa cao. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng còn hạn chế; việc tiến hành tự phê bình và phê bình trong Đảng chưa thẳng thắn. Một số chi bộ chưa làm tốt công tác phát triển đảng viên.

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/ TW ngày 30-5-2014 của Bộ Chính trị về tổ chức Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ XII của Đảng, tháng 6 năm 2015, Đảng bộ xã Cư Lễ long trọng tổ chức Đại hội lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2015-2020. Đại hội đã nghe Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2010-2015, đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời chỉ những hạn chế, rút ra kinh nghiệm, xây dựng mục tiêu, phương hướng lãnh đạo chủ yếu trong 5 năm (2015-2020). Đại hội đã thông qua những mục tiêu cụ thể đến năm 2020: “Duy trì diện tích cây lương thực 387,6 ha/năm; tổng sản lượng lương thực có hạt 1.845 tấn, bình quân lương thực đạt 820 kg/người/năm. Tổng đàn trâu 725 con; đàn bò 50 con; đàn lợn 1.800 con; đàn gia cầm 22.000 con. Diện tích trồng rừng mới mỗi năm đạt 20ha, độ che phủ rừng tăng 0,5 %/năm. Phân đầu mỗi năm hoàn thành 1 tiêu chí xây dựng nông thôn

mới trở lên. Giảm hộ nghèo đến năm 2020 xuống dưới 10%; tỷ lệ hộ dân được sử dụng điện lưới 98%, sử dụng nước sạch là 96%. Kiểm chế gia tăng tội phạm, tai nạn giao thông, đẩy lùi tệ nạn xã hội, tệ nghiện hút các chất ma túy. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, làm tốt công tác quân sự địa phương. Hàng năm, phấn đấu 80% các chi bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng đạt trong sạch vững mạnh”.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành khóa mới gồm 11 đồng chí. Tại phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí: Nông Văn Oánh - Bí thư Đảng ủy; Nông Văn Đức - Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy; Nông Văn Thùy - Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã).

Kế thừa những kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng bộ xã trong nhiều thập kỷ qua, với quyết tâm và tinh thần đoàn kết, đặc biệt là trong gần 30 thực hiện công cuộc đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo (1986-2015), Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Cư Lễ tập trung mọi nguồn lực trong phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với yêu cầu bảo vệ Tổ quốc; hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới trong thời gian sớm nhất. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, có chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, Đảng ủy, chính quyền xã Cư Lễ lãnh đạo nhân dân phấn đấu đạt thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội trong nhiệm kỳ 2015-2020, xây dựng quê hương phát triển bền vững.

KẾT LUẬN

Cư Lễ là vùng đất có lịch sử hình thành lâu đời, người dân nơi đây qua bao thế hệ luôn biết phát huy truyền thống lao động cần cù, sáng tạo, bền bỉ, kiên trì trong công cuộc chinh phục thiên nhiên; dũng cảm trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Truyền thống tốt đẹp ấy tiếp tục được phát huy trong thời đại Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, nhân dân các dân tộc Cư Lễ cũng như nhiều địa phương khác ở Na Rì đã vùng lên đập tan xiềng xích cai trị của thực dân phong kiến, giành lại chính quyền từ tháng 4-1945, tạo tiền đề cho sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9-1945). Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch, trực tiếp là Huyện ủy Na Rì, quân dân địa phương tiếp tục đứng lên góp sức trong cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược. Đầu năm 1946, xã Trung Thành được thành lập, tiếp đó, năm 1947, Chi bộ Đảng xã Trung Thành cũng chính thức ra đời, đó là minh chứng cho sự lớn mạnh của phong trào cách mạng nơi đây. Khi cuộc kháng chiến toàn quốc nổ ra, với đặc trưng là vùng hậu phương kháng chiến, cán bộ và nhân dân xã Trung Thành đã tranh thủ thời gian, không ngại khó khăn, gian khổ, tích cực lao động sản xuất, thi đua lập thành tích chi viện sức người sức của

cho chiến trường, góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược vừa kết thúc nhân dân Cư Lễ bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, chi viện cho nhân dân miền Nam kháng chiến chống Mỹ. Trải qua 21 năm kháng chiến (1954-1975), cán bộ và nhân dân các dân tộc xã Trung Thành (từ năm 1964 là xã Cư Lễ) đã thực hiện hoàn thành tốt nhiệm vụ lớn: lao động sản xuất, xây dựng thành công mô hình hợp tác xã ở địa phương; đồng thời hoàn thành các chỉ tiêu về lương thực, thực phẩm, chi viện sức người cho tiền tuyến.

Năm 1975, miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước ta bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Bước vào thời kỳ mới, trải qua chặng đường 10 năm đầu (1976-1985), dưới sự lãnh đạo của Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân Cư Lễ tiếp tục phát huy ý chí tự lực tự cường, khắc phục khó khăn trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế của đất nước; đóng góp sức người, sức của cho cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Tây Nam và biên giới phía Bắc. Từ sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI (12-1986), thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Bắc Thái (từ năm 1997 là Tỉnh ủy Bắc Kạn) và Huyện ủy Na Rì, Đảng bộ xã Cư Lễ đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp tích cực, xóa bỏ cơ chế tập trung, bao cấp; từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi vào sản xuất hàng hóa gắn với phân phối lưu thông và tiêu dùng, thích ứng với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sự trưởng thành của Chi bộ, Đảng bộ xã Cù Lũ trong gần 70 năm (1947-2015) đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy Na Rì là kết quả của sự vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng vào hoàn cảnh thực tế của địa phương, để lại cho Đảng bộ và nhân dân Cù Lũ những bài học kinh nghiệm lịch sử quý báu:

Một là: Phát huy truyền thống, kế thừa những thành quả cách mạng, nắm vững đường lối, chủ trương chiến lược của Đảng, nghiêm chỉnh chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, vận dụng vào hoàn cảnh thực tế của địa phương.

Để thực hiện được điều đó, Đảng bộ xã không những tìm tòi, nâng cao năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao mà còn phải đi sâu, bám sát, nắm bắt tình hình địa phương, phát huy tính năng động, sáng tạo để đưa ra những phương hướng chỉ đạo và giải pháp thực hiện cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế, riêng biệt của địa phương.

Hai là: Dựa vào dân, tin tưởng vào sức mạnh của dân, luôn giữ mối liên hệ mật thiết với dân, kiên trì giáo dục và phát huy những mặt tích cực trong nhân dân.

Ngày nay, trong giai đoạn mới, đảng viên phụ trách công tác Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể phải gắn bó với dân, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần nhân dân, thuyết phục và phát huy quyền làm chủ của mỗi công dân với phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân hưởng lợi”. Có như vậy, mới thấy được những mặt tích cực trong dân, mọi phong trào mới đi đến thắng lợi, đúng như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh

đã dạy “Đề trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong”.

Ba là: Coi công tác xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Trong quá trình lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, Đảng bộ luôn chăm lo xây dựng tổ chức Đảng vững mạnh trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức; giữ vững nguyên tắc “tập trung dân chủ”, “tự phê bình và phê bình” trong Đảng. Luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, có năng lực, trình độ, sự tin nhiệm để tập hợp nhân dân và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Coi trọng việc xem xét, đánh giá, phân công cán bộ, đồng thời thường xuyên bồi dưỡng, nâng cao trình độ, giáo dục phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Nội bộ Đảng và chính quyền phải luôn đoàn kết, thống nhất. Tổ chức thực hiện nghiêm túc cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm việc theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn những biểu hiện tiêu cực trong Đảng, nhất là suy thoái về tư tưởng chính trị, phẩm chất, đạo đức cách mạng.

Bốn là: Thường xuyên chăm lo xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh từ xã đến cơ sở, đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các đoàn thể quần chúng, mở rộng khối đoàn kết toàn dân, đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước, liên tục tạo khí thế cách mạng sôi nổi trong toàn xã, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Lịch sử Đảng bộ và nhân dân xã Cư Lễ sẽ mãi ghi nhận công lao, thành tích phục vụ sự nghiệp cách mạng, phục vụ nhân dân của các bậc tiền bối, giữ gìn cán bộ, đảng viên và đông đảo tầng lớp nhân dân trong xã qua các thời kỳ đấu tranh cách mạng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quê hương. Mỗi chặng đường đã qua, nhân dân Cư Lễ có thể tự hào với những gì đạt được trên quê hương mình. Phát huy truyền thống cách mạng của cha ông trong đấu tranh và xây dựng quê hương. Một tương lai tươi sáng đang được mở ra với những con người sẽ tiếp bước những truyền thống tốt đẹp mà cha anh đi trước để lại. Đảng bộ và nhân dân Cư Lễ vững tin bước vào thời kỳ mới, đoàn kết để xây dựng và phát triển, xứng đáng với truyền thống cách mạng quê hương.

PHỤ LỤC

NHỮNG SỰ KIỆN ĐÁNG NHỚ CỦA ĐẢNG BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ CƯ LỄ

- Năm 1946, xã Trung Thành (lớn) được thành lập.
- Năm 1952, xã Trung Thành (lớn) tách ra thành 4 xã nhỏ: Trung Thành (nhỏ) - tức Cư Lễ ngày nay, Văn Minh, Lương Thành, Tô Hiệu.
- Năm 1952, Chi bộ Đảng xã Cư Lễ được thành lập.
- Ngày 12-5-1964: Thực hiện Quyết định 150-QĐ/BNV của Bộ Nội vụ về việc đổi tên các xã trong tỉnh Bắc Kạn, xã Trung Thành được đổi tên thành xã Cư Lễ.
- Ngày 3-3-1977, Đảng bộ xã Cư Lễ được thành lập.
- Năm 1982, Đảng bộ và nhân dân xã Cư Lễ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến công hạng Nhất, đồng chí Lê Hoàng - Ủy viên dự khuyết Trung ương, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Thái đã về dự lễ trao tặng.

ĐẢNG BỘ XÃ CƯ LỄ QUA CÁC KỲ ĐẠI HỘI

STT	Các kỳ Đại hội	Nhiệm kỳ
1	Đại hội Đảng bộ lần thứ I	1977-1978
2	Đại hội Đảng bộ lần thứ II	1978-1980
3	Đại hội Đảng bộ lần thứ III	1980-1982
4	Đại hội Đảng bộ lần thứ IV	1982-1984
5	Đại hội Đảng bộ lần thứ V	1984-1986
6	Đại hội Đảng bộ lần thứ VI	1986-1988
7	Đại hội Đảng bộ lần thứ VII	1989-1991
8	Đại hội Đảng bộ lần thứ VIII	1991-1993
9	Đại hội Đảng bộ lần thứ IX	1994-1995
10	Đại hội Đảng bộ lần thứ X	1996-2000
11	Đại hội Đảng bộ lần thứ XI	2000-2005
12	Đại hội Đảng bộ lần thứ XII	2005-2010
13	Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII	2010-2015
14	Đại hội Đảng bộ lần thứ XIV	2015-2020

**DANH SÁCH BÍ THƯ CHI BỘ, ĐẢNG BỘ XÃ CƯ LỄ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Chức vụ
1	Nông Văn Ngọc	1947-1950	Bí thư Chi bộ
2	Hứa Văn Tần	1950-1959	Bí thư Chi bộ
3	Nông Văn Mộ	1960-1965	Bí thư Chi bộ
4	Nông Công Mai	1966-1977	Bí thư Chi bộ
		1977-1978	Bí thư Đảng ủy
5	Nông Văn Hàm	1978-1982	Bí thư Đảng ủy
6	Lâm Văn Xuân	1982-1988	Bí thư Đảng ủy
7	Lâm Ngọc Doãn	1988-1992	Bí thư Đảng ủy
8	Nguyễn Duy Kinh	1992-1994	Bí thư Đảng ủy
9	Nông Thanh Cận	1994-2004	Bí thư Đảng ủy
10	Nông Thanh Tiến	1/2005-8/2005	Quyền Bí thư ĐU
11	Nông Văn Oánh	Từ 8/2005	Bí thư Đảng ủy

**DANH SÁCH CÁC ĐỒNG CHÍ PHÓ BÍ THƯ
PHỤ TRÁCH TỔ CHỨC, PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
ĐẢNG ỦY XÃ CƯ LỄ QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Chức vụ
1	Lâm Văn Xuân	1977-1982	Phó Bí thư ĐU
2	Nông Quốc Việt	1982-1986	Phó Bí thư ĐU
3	Sầm Văn Nhậ	1986-1989	Phó Bí thư ĐU
4	Lâm Văn Xuân	1989-1990	Thường trực Đảng
5	Nguyễn Duy Kinh	1990-1992	Phó Bí thư ĐU
6	Phạm Ngọc Chinh	1992-2000	Phó Bí thư ĐU
7	Nông Thanh Tiến	2000-2015	Phó Bí thư TT ĐU
8	Nông Văn Đức	Từ 2015	Phó Bí thư TT ĐU

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ CƯ LỄ (Từ 1994 - 2015)**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Nông Thanh Cận	1994-2004
2	Nông Thanh Tiến	2004-2011
3	Nông Văn Oánh	Từ 2011

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH UBKCHC, UBHC, UBND XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác	Chức vụ
1	Nông Văn Tân	1945-1948	Chủ tịch UBCMLT Chủ tịch UBKCHC
2	Hứa Văn Tân	1948-1954 1954-1958	Chủ tịch UBKCHC Chủ tịch UBHC
3	Nông Văn Mộ	1959-1960	Chủ tịch UBHC
4	Nông Văn Lập	1961-1976 1976-1977	Chủ tịch UBHC Chủ tịch UBND
5	Nông Văn Dư	1978-1979	Chủ tịch UBND
6	Nông Văn Lưu	1980-1983	Chủ tịch UBND
7	Lâm Ngọc Chúc	1983-1984	Quyền CT UBND
8	Nông Xuân Hùng	1984-1988	Chủ tịch UBND
9	Nguyễn Duy Kinh	1988-1989	Chủ tịch UBND
10	Lâm Văn Xuân	1990-1994	Chủ tịch UBND
11	Nông Văn Lú	1995-2000	Chủ tịch UBND
12	Nông Văn Thịnh	2000-2004	Chủ tịch UBND
13	Nông Văn Oánh	2004-2005	Chủ tịch UBND
14	Nguyễn Thị Lê	2005-2010	Chủ tịch UBND
15	Nông Văn Thủy	Từ 2010	Chủ tịch UBND

**DANH SÁCH CHỦ HUY TRƯỞNG QUÂN SỰ XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Trần Đài	1952-1959
2	Nông Văn Lập	1959-1960
3	Nông Văn Dư	1960-1976
4	Lâm Ngọc Chúc	1976-1977
5	Nguyễn Văn Cầm	1977-1979
6	Nông Văn Lú	1979-1983
7	Nguyễn Duy Hào	1983-1990
8	Nông Văn Canh	1990-1994
9	Nông Văn Lại	1994-1999
10	Lâm Ngọc Tá	Từ 1999 đến nay

**DANH SÁCH TRƯỞNG CÔNG AN XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Lâm Ngọc Chúc	1980-1984
2	Nguyễn Duy Kinh	1984-1988
3	Nông Văn Lú	1988-1995
4	Nông Văn Thịnh	1995-1999
5	Nông Thanh Tiến	1999-2000
6	Nông Văn Oánh	2000-2001
7	Nông Văn Tấn	2001 đến nay

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC
XÃ QUUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Chu Văn Thảo	1/1973-3/1976
2	Lôi Văn Bộ	4/1976-9/1976
3	Nông Văn Lập	10/1976-3/1978
4	Dương Văn Suối	4/1978-9/1978
5	Bàn Văn Thắng	10/1978-2/1987
6	Nguyễn Văn Cầm	3/1987-2/1991
7	Nông Văn Chung	3/1991-1992
8	Nguyễn Duy Hào	1992-8/1993
9	Nông Thanh Lạc	9/1993-7/1997
10	Hoàng Văn Sông	8/1997-8/2003
11	Nông Văn Lại	8/2003-7/2011
12	Nguyễn Thị Lê	Từ 8/2011 đến nay

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI PHỤ NỮ XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Lưu Thị Nhi	1961-1966
2	Nông Thị Sâm	1967-1971
3	Triệu Thị Ân	1972-1982
4	Nông Thị Bạch	1982-1985
5	Lâm Thị Thoi	1986-1991
6	Nguyễn Thị Lê	1992-2004
7	Lâm Thị Lành	2004 đến nay

**DANH SÁCH BÍ THƯ ĐOÀN THANH NIÊN XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Hoàng Văn Thu ¹	1956-1959
2	Nguyễn Văn Cầm	1960-1967
3	Bàn Văn Thắng	1967-1970
4	Đinh Ngọc Vắn	1970-1974
5	Nông Quốc Việt	1975-1978
6	Hoàng Văn Ngoan	1979-1984
7	Nguyễn Văn Huyền	1985-1987
8	Nông Văn Canh	1988-1993
9	Nông Văn Cương	1994-2001
10	Nông Văn Hoan	2001-2005
11	Nông Thị Tơ	2005-2006
12	Nông Văn Đức	2006-7/2015
13	Hoàng Văn Việt	Từ 8/2015 đến nay

1. Trưởng ban vận động thanh niên.

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Nguyễn Duy Kinh ¹	8/1992
2	Lâm Ngọc Đạc	1993-1996
3	Sầm Văn Phương	1996-5/1998
4	Lâm Ngọc Đạc ²	6/1998-2001
5	Nguyễn Duy Xô	2001-2012
6	Nông Xuân Tùng	Từ 2012 đến nay

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI NÔNG DÂN XÃ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thời gian công tác
1	Triệu Kim Thanh	1991-1998
2	Lâm Văn Chung	1998-1999
3	Nông Văn Vinh	2000-2004
4	Nông Văn Luyện	Từ 7/2004

-
1. Ban Chấp hành lâm thời.
2. Đại hội bất thường.

**DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN ĐƯỢC TẶNG, TRUY TẶNG
HUY HIỆU ĐẢNG**

STT	Họ và tên	Ngày vào Đảng	Chi bộ
HUY HIỆU 60 NĂM TUỔI ĐẢNG			
1	Nông Văn Dư	13/8/1956	Khau An
HUY HIỆU 55 NĂM TUỔI ĐẢNG			
2	Hoàng Văn Nam ¹	19/7/1949	Nà Ban
3	Nông Văn Hàm	31/12/1949	Bản Pjây
4	Nông Văn Thượng	01/01/1960	Khau An
5	Nguyễn Văn Cầm	6/7/1960	Khau An
6	Nông Văn Chuyển	30/8/1961	Cạm Mjầu
HUY HIỆU 50 NĂM TUỔI ĐẢNG			
7	Lâm Văn Noong	13/7/1961	Phja Khao
8	Nông Văn Học	01/5/1964	Pò Pái
9	Hoàng Thị Tồn	7/02/1964	Nà Lặng
10	Nguyễn Công Bảo	24/02/1964	Khau Pằn
11	Lâm Ngọc Doãn	9/5/1964	Phja Khao
12	Lâm Văn Xuân	7/11/1964	Phja Khao
HUY HIỆU 40 NĂM TUỔI ĐẢNG			
13	Lâm Ngọc Tinh	7/04/1947	Bản Pjây
14	Chu Văn Thảo	27/8/1948	Nà Dài
15	Nông Văn Đạt	01/02/1949	Bản Pjây
16	Nông Văn Riện	7/2/1949	Pò Pái
17	Sầm Tiến Thanh	5/8/1949	Nà Dài
18	Nông Công Mai	23/9/1949	Bản Pjây

-
1. Được truy tặng.

19	Nông Văn Lập	15/9/1953	Khau Ngò
20	Nguyễn Duy Kinh	6/5/1968	Khau Pàn
21	Lê Thị Luyện Nim	17/8/1968	Pò Rì
22	Nông Đình Phụng	30/8/1968	Khau Ngò
23	Tô Văn Dinh	21/8/1969	Bản Pò
24	Nông Văn Thổ	19/5/1974	Nà Lặng
25	Nông Thị Kìa	14/12/1975	Khau Pàn
HUY HIỆU 30 NĂM TUỔI ĐẢNG			
26	Lâm Ngọc Cao ¹	15/01/1965	Phja Khao
27	Nguyễn Duy Đại	24/10/1969	Pò Rì
28	Nông Thanh Cận	04/12/1973	Khau Pàn
29	Hứa Văn Chiến	22/12/1974	Phja Khao
30	Nguyễn Duy Xô	28/05/1978	Khau An
31	Hoàng Văn Sông	12/10/1978	Khau Pàn
32	Nông Quốc Việt	22/10/1980	Kéo Đeng
33	Đàm Quang Khải	23/4/1980	Nà Lặng
34	Nông Văn Chung	18/4/1984	Khau Ngò
35	Nông Văn Lại	5/02/1984	Cạm Mjầu
36	Phạm Ngọc Chinh	23/11/1984	Kéo Đeng
37	Nguyễn Duy Hào	18/01/1985	Pò Rì

1. Được truy tặng.

DANH SÁCH CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA

STT	Họ và tên	Quê quán
1	Lôi Văn Bộ	Phja Khao
2	Nông Văn Cửu	Cạm Mjầu

DANH SÁCH LIỆT SĨ XÃ CƯ LỄ QUA CÁC THỜI KỲ

STT	Họ và tên	Năm hy sinh	Thôn
KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP			
1	Triệu Văn Hậu	1946	Khau Pàn
2	Nguyễn Văn Sinh	1947	Khau Pàn
3	Đoạn Văn Ngọ	1954	Nà Lặng
4	Bàn Văn Nông		Pò Pái
KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ			
5	Nông Quốc Phong	1967	Cạm Mjầu
6	Vi Văn Niệm	1967	Sắc Sái
7	Đàm Quang Dĩ	1970	Nà Lặng
8	Nông Văn Dâu	1970	Nà Lặng
9	Triệu Phúc Thanh	1972	Khuổi Quân
BẢO VỆ TỔ QUỐC SAU NĂM 1975			
10	Hoàng Trung Hoa	1979	Bản Pò
11	Hoàng Văn Ngoan	1980	Bản Pò

**DANH SÁCH THƯƠNG BINH XÃ CƯ LỄ
QUA CÁC THỜI KỲ**

STT	Họ và tên	Thôn
1	Phạm Hồng Thái	Kéo Đeng
2	Nông Quốc Toàn	Khau Pần
3	Nông Văn Canh	Khau An
4	Nông Văn Hạp	Pò Rì
5	Nguyễn Duy Gia	Pò Rì
6	Hoàng Văn Giáp	Bản Pò
7	Hoàng Văn Thụ	Bản Pò
8	Nông Thị Thanh	Khau Ngòa
9	Sầm Văn Yên	Nà Dài
10	Hứa Văn Chính	Phja Khao
11	Hoàng Văn Hạch	Sắc Sái
12	Hoàng Văn Cang	Sắc Sái

**DANH SÁCH NGƯỜI BỊ NHIỄM
CHẤT ĐỘC HÓA HỌC XÃ CƯ LỄ**

STT	Họ và tên	Thôn
1	Nông Văn Thổ	Nà Lặng
2	Nông Văn Dền	Nà Lặng
3	Hoàng Văn Bằng	Bản Pò
4	Tô Văn Dinh	Bản Pò
5	Nông Văn Tác	Pò Pái
6	Nông Thanh Lạc	Cạm Mjầu
7	Nguyễn Duy Xô	Khau An
8	Nguyễn Duy Hạng	Khau An
9	Nguyễn Duy Gia	Pò Rì
10	Nông Văn Hạp	Pò Rì

11	Nông Quốc Nạnh	Khau Pần
12	Nguyễn Văn Lung	Kéo Đeng
13	Nông Văn Lại	Cạm Mjầu
14	Sầm Văn Yên	Nà Dài
15	Nông Văn Thao	Khau Ngòa
16	Nông Văn Hợp	Khau Ngòa
17	Nông Văn Việt	Kéo Đeng
18	Nông Văn Yên	Pò Pái

**MỘT SỐ NGƯỜI CON QUÊ HƯƠNG CƯ LỄ
TIÊU BIỂU VÀ THÀNH ĐẠT**

STT	Họ và tên	Thôn	Ghi chú
Hệ công an nhân dân			
1	Nông Văn Thượng	Khau Ngòa	Trung tá - Nguyên Trưởng công an huyện Na Rì
2	Hoàng Văn Sông	Khau Pằn	Thiếu tá - Nguyên Phó trưởng công an huyện Na Rì
3	Nông Sơn Hải	Pò Pái	Thiếu tá - Nguyên Phó trưởng phòng cảnh sát kinh tế tỉnh Bắc Thái
Hệ quân đội nhân dân			
4	Sầm Tiến Thành	Nà Dài	Thượng tá - Phó Trưởng phòng dân quân Quân khu I
Đơn vị hành chính dân sự			
5	Nông Văn Lung	Cậm Mjầu	Tỉnh ủy viên - Trưởng Ban Dân tộc tỉnh Bắc Kạn, Nguyên Bí thư Huyện ủy Na Rì
6	Nông Văn Thụ	Cậm Mjầu	Nguyên UVBTV Tỉnh ủy - Trưởng ban tổ chức Tỉnh ủy Bắc Kạn - Nguyên Chủ tịch UBND huyện Na Rì
7	Nông Hữu Thái	Pò Pái	Nguyên Phó Chánh án toàn án nhân dân tỉnh Bắc Kạn
8	Lâm Ngọc Tinh	Phja Khao	Nguyên Chủ tịch UBND huyện Na Rì

9	Nông Ngọc Đường	Phja Khao	Nguyên Chủ tịch UBND huyện Na Rì
10	Hứa Văn Tần	Phja Khao	Nguyên Phó Bí thư Huyện ủy Na Rì
11	Nguyễn Công Tường	Cậm Mjầu	Nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện Na Rì
12	Nông Văn Hàm	Cậm Mjầu	Nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện Na Rì
13	Nông Văn Hoan	Cậm Mjầu	Nguyên Phó Chủ tịch UBND huyện
14	Nông Quang Kế	Cậm Mjầu	Phó Chủ tịch UBND huyện Na Rì
15	Lâm Ngọc Vui	Phja Khao	Nguyên Giám đốc lâm trường
16	Nông Lệ Vượng	Khau Ngòa	Nguyên Giám đốc ngân hàng huyện Na Rì
17	Nông Văn Thiết	Phja Khao	Nguyên Giám đốc ngân hàng nhà nước huyện Na Rì
18	Hứa Văn Nghĩa	Phja Khao	Giám đốc kho bạc huyện Na Rì
19	Nông Văn Chấn	Cậm Mjầu	Giám đốc kho bạc huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn
20	Nông Văn Vĩnh	Pò Pái	Bác sỹ - Phó Giám đốc Trung tâm y tế thành phố Bắc Kạn
21	Lâm Ngọc Cao	Phja Khao	Nguyên Trưởng phòng Giáo dục huyện Na Rì
22	Lâm Văn Noong	Phja Khao	Nguyên Trưởng phòng Dược Na Rì

23	Nông Văn Thường	Khau Ngòa	Nguyên Trưởng phòng Thể thao huyện Na Rì
24	Nông Văn Cấp	Pò Rì	Nguyên Trưởng phòng Lao động huyện
25	Nông Văn Chuyển	Cạm Mjầu	Nguyên Trưởng phòng Lao động huyện Na Rì
26	Nông Văn Tịnh	Cạm Mjầu	Nguyên Trưởng phòng cửa hàng Dược huyện Na Rì
27	Lâm Thị Yên	Phja Khao	Nguyên Trưởng phòng Dược huyện Na Rì
28	Nông Văn Bình	Pò Pái	Trưởng phòng Tư pháp huyện Na Rì
29	Hứa Văn Chính	Phja Khao	Nguyên Chi cục trưởng chi cục thuế huyện Na Rì
30	Nông Minh Tuấn	Phja Khao	Nguyên Đội trưởng đội quản lý thị trường huyện Na Rì
31	Nguyễn Công Cường	Cạm Mjầu	Nguyên Phó Chi cục thi hành án huyện Na Rì
32	Nông Văn Dũng	Khau Ngòa	Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Na Rì
33	Nguyễn Duy Thảo	Pò Pái	Nguyên Phó Hạt trưởng kiểm lâm huyện
34	Nông Minh Chức	Phja Khao	Bác sỹ - Nguyên Phó Trưởng khoa nội bệnh viện đa khoa Trung ương Thái Nguyên

**CON EM XÃ CƯ LỄ LÀ SĨ QUAN CẤP TÁ
TRONG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN**

STT	Họ và tên	Thôn	Ghi chú
1	Lâm Ngọc Vạn	Phja Khao	Thượng tá, Phó trưởng Công an huyện Na Rì
2	Nông Thái Lĩnh	Cạm Mjầu	Thượng tá, Nguyên cán bộ Công an Thành phố Thái Nguyên
3	Sầm Tiến Thanh	Nà Dài	Trung tá, Nguyên Phó trưởng Phòng dân quân Quân khu I
4	Nông Văn Thượng	Khau Ngòa	Trung tá, Nguyên Trưởng Công an huyện Na Rì
5	Hoàng Văn Sông	Khau Pàn	Thiếu tá, Nguyên Phó trưởng Công an huyện Na Rì
6	Nông Sơn Hải	Pò Pái	Thiếu tá, Nguyên Phó Trưởng phòng CS kinh tế - Công an tỉnh Bắc Thái

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	7
-------------	---

Chương I

CƯ LỄ - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. Điều kiện tự nhiên - xã hội và quá trình hình thành vùng đất, dân cư	11
II. Giá trị truyền thống văn hóa, lịch sử	16

Chương II

CƯ LỄ TRONG CUỘC VẬN ĐỘNG GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I. Cư Lễ trong cuộc vận động giải phóng dân tộc	27
II. Chi bộ Đảng thành lập, lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược	33

Chương III

CHI BỘ VÀ NHÂN DÂN XÃ CƯ LỄ TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ CỨU NƯỚC (1954-1975)

I. Tham gia xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền bắc (1954-1965)	49
II. Vừa xây dựng vừa sẵn sàng chiến đấu, tích cực chi viện cho cách mạng miền Nam, thống nhất đất nước (1965-1975)	67

Chương IV

CƯ LỄ TRONG THỜI KỲ XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI(1975-1995)

I. Khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội sau chiến tranh, kiện toàn tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể đáp ứng yêu cầu bảo vệ tổ quốc (1975-1985)	85
II. Bước đầu thực hiện đường lối đổi mới do Đảng khởi xướng và lãnh đạo (1986-1995)	108

Chương V
CƠ LỄ TIẾP TỤC THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI
ĐỔI MỚI, XÂY DỰNG QUÊ HƯƠNG
TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA,
HIỆN ĐẠI HÓA(1996-2015)

I. Tận dụng các nguồn lực phát triển, vững bước tiến vào thế kỷ XXI (1996-2005)	125
II. Phát huy tối đa các nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, bước đầu triển khai xây dựng nông thôn mới (2005-2015)	139
KẾT LUẬN	157
PHỤ LỤC	163